

Thích Như Điển

Làm thế nào để trở thành một người tốt



Phật lịch 2.548 - 2004

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức Xuất Bản

Mục Lục Trang

(Lời nói đầu		7 - 13
(Chương Một	Định nghĩa về tốt và không tốt	15 - 25
(Chương Hai	Ý nghĩa của trẻ thơ khi làm một việc thiện	27 - 37
(Chương Ba	Ý nghĩa của thiếu niên về tốt và không tốt	39 - 48
(Chương Bốn	Người lớn suy nghĩ như thế nào về việc tốt và không tốt?	49 - 63
(Chương Năm	Thế nào là một cuộc sống đạo đức?	65 - 79
(Chương Sáu	Thế nào là một cuộc sống không đạo đức?	81 - 95
(Chương Bảy	Quan niệm tốt xấu theo cái nhìn của một nhà giáo dục?	97 - 112
(Chương Tám	Đứng về phương diện Xã Hội và Tôn Giáo để nhìn vấn đề tốt hay xấu?	113 - 128
(Chương Chín	Những gì nên làm và không nên làm	129 - 155
(Kết luận		157 - 165

Lời nói đầu

Hôm nay là ngày 16 tháng 11 năm 2003 tại vùng núi rừng của Tu Viện Đa Bảo ở Sydney thuộc nước Úc, tôi và tăng chúng ở đây đã gần một tháng nhập thất rồi và công việc của chúng tôi là dịch kinh, hành trì, tu tập, công phu, học tập, chấp tác v.v... Mỗi ngày cứ như thế và cứ thế, bắt đầu từ 5 giờ 30 sáng và chấm dứt vào lúc 23 giờ đêm.

Thời gian trôi qua thật nhanh, làm cho ai trong chúng tôi cũng có cảm tưởng rằng mới ngày nào đó mình đến đây mà nay đã ở gần một nửa thời gian đã được ấn định rồi. Mọi người đang vội vã để tự làm xong những công việc của mình. Riêng tôi, ngoài dịch phẩm: "Đại Đường Tây Vực Ký" nói về hành trình đi thỉnh kinh của Ngài Huyền Trang tại Ấn Độ, tôi muốn rằng phải có thêm một tác phẩm nữa. Do vậy mà tác phẩm này mang tên là: "Làm Thế Nào Để Trở Thành Một **Người Tốt**" được ra đời. **Nhằm để cảm tạ thâm ân của Tam Bảo, Thầy Tổ, cha mẹ và đàn na thí chủ** đã vun bồi cho cá nhân mình trong hơn nửa thế kỷ qua.

Đây cũng là một tác phẩm chuyên đề về giáo dục, về đạo đức, luân lý. Mà cũng có thể là một quyển sách hướng dẫn về cách sống cho mọi người, nếu ai đó thấy thích hợp. Vì lẽ cuộc sống hôm nay và cuộc sống ngày trước có nhiều thay đổi quá, khiến cho lương tâm con người thật khó phân biệt, đâu là chánh, đâu là tà. Phải nên nghe theo ai, phải nên bỏ ai v.v... Cuối cùng rồi nhiều khi chính mình lại mâu thuẫn với mình nữa.

Do vậy mà tác phẩm này cần góp mặt với cuộc đời. Dĩ nhiên đây chẳng phải là kim chỉ nam cho mọi người phải noi theo, mà là một cái nhìn của người đã qua những phương pháp sư phạm ở trường Đạo cũng như trường Đời và nhất là phải nhìn đời hay đúng hơn là cuộc sống này dưới cái nhìn về Đạo Đức của một Tôn Giáo thì mới mong cứu vãn tình thế như hiện nay đã xảy ra nhan nhản khắp nơi trên quả địa cầu này.

Tôi ở trong rừng cây vắng vẻ trên núi, chung quanh được bao bọc bởi những cây bạch đàn. Đêm về có tiếng côn trùng nỉ non, than thở. Ngày đến có nhiều động vật khác lạ, có nhiều màu sắc, tiếng kêu ở xứ Nam Bán Cầu với những động vật mà tôi đã thấy qua ở Phi Châu hay Á Châu, cũng như Âu Châu. Vì vậy mà cái nhìn về thiện ác, tốt xấu v.v... có lẽ nó cũng sẽ giải trình theo từng quan điểm khác nhau khi ở chỗ này hay chỗ khác. Vì lẽ ở bên này là ngày mà bên kia quả đất là đêm và bên này bán cầu là mùa hè, trong khi đó ở bên Âu Châu là mùa đông lạnh lẽo, giá buốt. Vậy thì đúng hay sai, tốt hay xấu hãy đừng nên bị không gian và thời gian chi phối, mà chúng ta hãy gạt qua tất cả, để đứng lên trên mọi chuyện chấp nhứt thị phi thì quan điểm ấy mới hợp với đường lối nghiên cứu của các nhà khoa học hiện nay. Ngay cả đó là môn khoa học về đạo đức hay khoa học của một Tôn Giáo.

Mỗi sát na là một biến đổi. Mỗi giờ phút là một sự thay ngôi đổi chủ và trong khi chúng ta đang sống thì cũng đã có biết bao nhiêu người đang phải chết. Trong khi chúng ta đang đi đầu thai thì có không biết bao nhiêu người và động vật được sinh ra. Thế giới này là một sự biến ảo. Một sự ảo hóa, có có không không.

Khiến cho người không vững lòng tin, khó mà thoát ra khỏi vòng đối đãi chấp trước.

Ta là gì trong vũ trụ này? Thật sự ra nó chẳng là gì cả. Vì trong vũ trụ này có biết bao nhiêu cái ta như thể được đem ra giải trình; nhưng đâu có thấy được cái ta nào đâu. Vậy nó là cái gì? Con kiến càng lớn, cái ta càng cao. Con kiến nhỏ chắc cũng phải có một bản ngã nhỏ như thế? Vì lẽ khi ta đạp đến nó. Nó tự vệ bằng cách cắn lại mình. Con chim két đang kêu tíu tít đó, chắc chắn rằng con trống đang khoe tài với con mái, nhất là khi có con trống thứ hai bên cạnh, thì con trống này lại ráng sức hơn để nói những gì mà có lẽ chỉ chúng hoặc con mái đứng bên cạnh biết mà thôi. Nhưng có lẽ một điều không sai là con nào cũng muốn phần thắng thuộc về mình.

Mỗi con vật, mỗi con người đều có một loại vũ khí để phòng vệ. Ví như con kiến, con ong khi chúng ta đụng vào nó, điều đầu tiên là nó lấy 2 càng và vòi cũng như nọc độc để chích lại đối phương. Đây chỉ nhằm tự vệ cho sự sinh tồn của chúng. Vì chúng nghĩ rằng chúng phải sống. Sống là một định luật mà bất cứ loài nào cũng phải tranh giành lấy. Vì sự hiện hữu trên cuộc đời này rất quan trọng. Như con thiêu thân cố gắng ở trong bóng tối bao lâu để được nở thành hình dạng; thì chỉ một đêm thôi đã trở thành cát bụi. Con muỗi cũng thế, nếu chẳng may gặp người giết thì cũng chỉ trong khoảnh khắc lại tan tành. Con rệp nó chui rúc dưới giường, giấu mặt để tìm chút hương thơm của máu, thì cũng bị con người phát hiện và trước sau cũng sẽ bị chết với nước sôi, hoặc dưới bàn tay không nhân nhượng của con người. Vì lẽ ai cũng phải chiến đấu cho cái tự ngã của mình trước hết.

Có những con vật thật lớn nơi vườn Tu Viện Đa Bảo này; nhưng nhiều khi bị những con kiến thật nhỏ khiêng đi thân xác của những con gấp 20 hay 30 lần của chúng, mặc dầu con vật lớn ấy vẫn còn sống. Tôi thấy được vội cứu đi liền và tự hỏi làm sao có nhiều con lớn mà thiếu trí và mưu như thế, để cho một bầy kiến nhỏ lại mang đi dễ dàng như vậy? Có lẽ bầy kiến sẽ hận tôi lắm? Nhưng chuyện mạnh được yếu thua hay lớn ăn hiếp nhỏ có lẽ không đúng trong trường hợp này?

Tôi quan sát 2 con quạ và 2 con két. Khi quạ kêu lên thì két nó lắng tai nghe và khi két nói thì quạ nó làm thinh. Chẳng biết chúng hỏi nhau gì; nhưng hỏi xong rồi mỗi con bay đi mỗi ngã, quạ thì bay theo quạ và két thì bay theo két. Chúng thường hay bay cặp hay bay thành đàn với nhau, chứ ít khi bay lẻ một con.

Trời hôm qua nóng đến 32°C; nhưng hôm nay thì gió bụi mịt mù. Ai ai cũng bảo sao mà trời làm như thế? Nhưng dầu làm thế nào thì con người, muôn vật vẫn phải sống. Nếu lạnh thì mặc áo ấm vào. Nếu mưa thì phải che dù. Nếu gió thì phải khép cửa lại để bảo vệ cho sự sống. Ta cũng chẳng có quyền để bảo gió phải dừng, trời đừng mưa nữa và mây kia hãy đừng kéo đến để phủ kín bầu trời này.

Biển vẫn xanh, có nhiều gợn sóng; nhưng giông bão đến thì biển sẽ gầm thét không ngừng. Nhiều khi có khả năng nuốt hết những ngôi nhà nhiều tầng, nhất là những đợt sóng thần trong lịch sử đã chứng minh điều đó.

Máy bay vẫn bay, vẫn thành công về độ nhanh; nhưng cũng có nhiều chiếc đang rớt và có nhiều người chết. Ai là người bị số phận hẩm hiu như thế? Và ai là

kẻ được hạnh phúc đến nơi chốn an toàn? Những cuộc hành trình ấy được bao lâu thì phải chấm dứt? Và vũ trụ này có đứng yên hay bị hoại diệt bởi thời gian năm tháng? Hay cứ thế mà lững lờ trôi về một nơi vô định nào khác?

Rồi trong lòng đất người ta đã rút ra nào dầu lửa, hơi đốt, nhôm, chì, thép, đồng, vàng và những kim loại khác v.v... nhưng khi nào thì những chỗ thủng ấy được thay thế vào? Rồi những thứ được rút ra khỏi lòng đất ấy đã đi đâu? Biến thể như thế nào? Của ngàn năm trước và ngàn năm sau nữa?

Con người ngày nay đã chinh phục được mặt trăng và cả những hành tinh xa xôi khác nữa trong vũ trụ này. Nhưng để làm gì? Và cuối cùng sẽ là gì? Nhìn đến phía trước các khoa học gia đã và sẽ thấy gì và nhìn lại sau, họ đã rút ra được bài học gì cho nhân loại?

Còn Tôn Giáo ư? Dĩ nhiên là Tôn Giáo nào cũng muốn dạy cho Tín Đồ của mình trở thành những người tốt. Tuy nhiên điều răn dạy ấy có hợp với tín đồ không, lại là một điều khác. Ta thấy rằng cuộc đời này có lúc chìm lúc nổi, lúc lên lúc xuống. Do đó Tôn Giáo cũng bị ảnh hưởng theo. Có lẽ đó là vòng quay của tạo hóa chăng? Ngày xưa Phật Giáo ở Ấn Độ. Hơn 5000 năm của Ai Cập. Khổng Giáo của Trung Hoa. Thiên Chúa giáo ở Âu Châu v.v... tất cả đều vang bóng một thời. Tất cả đã đi vào dĩ vãng. Lật lại những trang sử ngày xưa người ta thấy rằng dĩ vãng rất oai hùng, rất kiêu hãnh. Từ đền đài cung điện cho đến văn hóa văn chương. Những gì mà còn lại như Kim Tự Tháp của Ai Cập, Đại Tháp nơi Bồ Đề Đạo Tràng v.v... tất cả là những công trình to lớn mà đời này người ta không thể

xây dựng nên được. Không phải người ta thiếu những phương tiện máy móc, mà người ta thiếu những đầu óc sáng tạo. Ngày xưa người ta sống với thiên nhiên, tiếp cận, giao thoa với thiên nhiên; nên thiên nhiên đã ưu đãi cho con người như thế. Tuy rằng phương tiện ngày ấy chẳng có gì. Phải nói rằng chắc chắn thô sơ hơn ngày hôm nay; nhưng con người ngày đó làm được. Còn bây giờ thì không.

Những tảng đá lớn nơi đền thờ Đế Thiên Đế Thích tại Cam Bốt hay tại Bura Budur Nam Dương chẳng hạn. Ai đã tạo nên những kỳ công lịch sử như thế này? Có phải một ông Tiên nào đó ở thế giới khác đến đây để giúp cho con người, hay do nghị lực của con người mà thành tựu? Thế thì cái nghị lực ấy ngày hôm nay nó đi đâu rồi?

Ai trong chúng ta lại tự nhận mình là người xấu, người thiếu khả năng? Ai có thể tự xấu hổ khi một lỗi lầm đã xảy ra dẫu trong vô tình hay cố ý? Ai có ý ăn năn để sám hối, rửa tội? Những hình thức ấy có ý nghĩa gì? Và ai là người sẽ chịu trách nhiệm về những gì mà chính ta đã gây nên? Phật, Trời, Chúa, Đế Thích?

Con chim nó bay nhiều lúc chúng ta nghĩ rằng nó không định hướng; nhưng chắc chắn chúng biết cái tổ của nó ở đâu nó lại trở về. Con vật đi ăn đêm, làm sao có thể trở về lại nơi xuất xứ ra đi? Con kiến nó bò xa miệng hang cả hàng trăm thước. Thế mà nó vẫn có thể tự trở về. Con con người ngày hôm nay mặc dầu có cả tấm bản đồ trong tay; nhưng đi vào phố vẫn bị lạc nhiều tiếng đồng hồ? Đó là chưa hiểu làm sao có thể tự mình lên Thiên Đàng hay vào thế giới Cực Lạc được? Mới đi chỉ một đoạn đường ngắn mà đã lạc rồi,

làm sao trong luân hồi sanh tử ấy biết bao nhiêu lần lận hạp của kiếp nhân sinh, có thể làm cho ta nhắm hướng đúng được?

Ngày nay những thương thuyền lớn ra đi vẫn có hải bàn, có tài công giỏi, có đầy đủ phương tiện liên lạc, thông tin, nhưng thỉnh thoảng ta đọc báo thấy có chiếc tàu đâm vào đá, chiếc kia bị nổ, bị cháy giữa đại dương khiến cho hàng ngàn người chết. Lỗi ấy tại ai và do đâu mà có?

Máy bay bay trên trời rộng thênh thang. Họ có đủ các cơ phận radar để dò xét. Thế mà thỉnh thoảng vẫn có những chiếc máy bay tông nhau trên bầu trời rộng rãi ấy. Trong khi đó những con kiến chạy thành đàn ở dưới đất này đâu thấy con nào bị tai nạn giao thông đâu. Lỗi ấy tại ai?

Quyển sách này nhằm giải đáp một phần nào những thắc mắc trên qua kinh nghiệm bản thân của người viết. Chắc chắn rằng có rất nhiều sự thiếu sót. Mong rằng qua kinh nghiệm và ý kiến của chính quý độc giả sẽ đóng góp xây dựng, để từ đó rút ra nhiều bài học quý giá hơn.

Mong được như vậy.

*Núi rừng Đa Bảo vào một ngày hè của năm
2003*

*Tác giả cần chí
Thích Như Điển*

Chương Một

Định nghĩa về tốt và không tốt

Chữ Hán là một ngôn ngữ tượng hình, dùng hình tượng để ghép lại để trở thành một chữ. Khi xem chữ đó người ta biết nó biểu hiện cho cái gì. Ví dụ như nhà cửa, ruộng nương, trâu bò, heo gà, cây cối, núi sông, nóng lạnh, gió, lửa v.v... tất cả đều dùng hình ảnh để nói lên nội dung của chữ ấy. Trong khi đó ngôn ngữ tiếng Việt lại tượng thanh nên khi phân tích ra bằng hình ảnh sẽ không nhận biết được. Ví dụ chữ "tốt" mà đem chia ra bằng lối đánh vần thì nó chẳng còn có ý nghĩa gì cả. Trong khi đó chữ Hán phải làm nhiệm vụ ghép từng chữ tượng hình như thế mới có ý nghĩa.

Ví dụ chữ "tốt" là "lượng" hay "hảo". Chữ lượng (良) gồm 2 bộ. Bộ chủ (丷) nghĩa là phạm vật gì cần có phân biệt, sự gì cần biết nên chẳng, lòng đã có định, thì đánh dấu chữ chủ để nhớ lấy. Bộ Cán (艮) có nghĩa là bền hay ngăn lại. Cũng gọi tên là Quẻ Cán trong tám quẻ. Như vậy định nghĩa chung của chữ lượng (良) là: phạm làm việc gì lòng đã có ý nhất định, cần phân biệt rõ ràng và có tính cách bền chắc thì gọi là tốt. Ngoài chữ này ra bên tiếng Hán còn một chữ khác nữa để diễn tả cho việc tốt, hành động tốt nữa gọi

là hảo (好). Chữ này có hai bộ. Đó là bộ nữ (女) và bộ tử (子). Chữ nữ (女) có nghĩa là con gái, sao Nữ. Cũng đọc là nữ: nghĩa là gả con gái cho người ta và cũng có âm gọi là nữ. Nghĩa là may, tục dùng như chữ nữ (汝). Còn chữ tử (子) gọi là con. Bất luận trai hay gái đều gọi là tử. Đàn ông nào có được hạnh học vấn đều gọi là tử cả, như Khổng Tử, Mạnh Tử v.v... Con cháu gọi người trước là tiên tử. Gã, dùng để gọi kẻ tầm thường như chú lái đò, chú học trò v.v... Chức tước hoặc mào mống của các loài động vật. Số lẻ, tiếng giúp lời. Cũng còn có nghĩa là tý, tức giờ đầu trong 12 Chi.

Nếu ghép chữ hảo (好) lại thì ta thấy có người đàn bà và bên cạnh đó chữ tử (子) có 8 nghĩa chính như bên trên đã nêu. Nếu người đàn bà đức hạnh có được người con, người chồng, một mào mống tốt thì người ta gọi là hảo (好).

Còn chữ bất (不) gồm 2 bộ là bộ nhất (一) và bộ tiểu (小). Bộ nhất (一) có nghĩa là một, là số đứng đầu trong các số đếm. Phạm việc gì chỉ có một đều gọi là nhất cả. Cũng có nghĩa là cùng, dùng về lời nói hoặc giả thế chẳng. Bao quát hết thảy, thuộc về một mặt. Còn bộ Tiểu (小) có nghĩa là nhỏ, hẹp hòi, khinh thường, nằng hàu v.v... Như vậy nếu ta ghép chung 2 bộ lại thì sẽ có chữ bất (不) nghĩa là chẳng

khá, là lời nói lưỡng lự chưa quyết hẳn. Cũng đọc là chữ phủ v.v...

Như vậy tốt được gọi là hảo (好), lương (良).

Không tốt được gọi là bất hảo (不好), bất lương (不良). Phàm bất cứ việc gì mà có chữ bất đứng đầu đều ngầm ý giả định, chưa chắc chắn. Có ý nghi ngờ từ việc lớn đến việc nhỏ. Còn đã gọi là tốt thì hoàn toàn có ý tin cậy vào; nhất định hơn những điều xấu khác. Cho nên gọi là tốt.

Ở đây chúng ta có thể nêu lên vài ví dụ để nhìn về 2 khía cạnh của việc tốt và việc xấu, từ phía này hay phía khác. Vậy chúng ta nên đứng về phía nào để nhìn một sự việc?

Ví dụ như mưa phùn mùa xuân rất tốt cho cỏ cây hoa lá và cho nông dân cày cấy, gieo mạ; nhưng đối với người đi đường thì trơn trượt, không tốt lắm. Vì áo quần sẽ bị dơ bẩn. Trăng mùa thu rất đẹp cho thi nhân mặc khách với bầu rượu túi thơ ngắm trăng thưởng gió. Nhưng đối với kẻ ăn trộm thì ánh trăng ấy quả là kẻ thù. Anh ta chẳng làm ăn gì được cả.

Một kẻ đang trung thần với một triều đại là tốt. Trong khi đó những người không ủng hộ, thì gọi đó là xấu. Vậy thì qua thời gian năm tháng, qua cách sống, qua lịch sử sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ biết rằng thế nào là đúng, thế nào là sai. Ví dụ đối với dân tộc và đất nước, vua Quang Trung Nguyễn Huệ là một đại anh hùng. Vì ông ta đã đại thắng quân Thanh, mang danh dự về cho Đại Việt; nhưng khi nhà Nguyễn Gia Long lên xây dựng vương triều thì gọi Tây Sơn là Ngụy. Vì lẽ ngày xưa quân Tây Sơn đã đánh quân

chúa Nguyễn chạy qua đến Cao Miên và Thái Lan, sau đó mới về lập quốc và thống nhất sơn hà, bắt đầu trả lại thù xưa.

Cái lý tưởng của người Việt Nam bỏ nước ra đi tỵ nạn Cộng Sản là tốt. Vì họ là những người không thích và không thể sống với cái chủ nghĩa độc tài chuyên chính ấy; nhưng đối với người Cộng Sản, họ là kẻ chiến thắng. Họ gọi họ là kẻ anh hùng. Họ gọi những quân nhân của chính quyền miền Nam Việt Nam là ngụy quân, ngụy quyền. Còn người miền Nam gọi người miền Bắc là giặc, là quân cướp nước, xâm chiếm miền Nam, v.v...

Người thích ăn trái sầu riêng thì bảo rằng cái mùi sầu riêng sao mà nó thơm quá; nhưng những kẻ không thích mùi này thì có cạy miệng bảo họ cũng chẳng dám ăn.

Kẻ ăn chay lâu ngày thì không thể nào dùng mặn được. Vì mùi vị của thức ăn mặn nó tanh tưởi khó chịu. Trong khi đó biết bao nhiêu người ăn đùi gà, đùi heo bịnh tật nhưng đâu có đoái hoài lưu tâm. Đó là chưa kể về lý do Tôn Giáo, đạo đức hoặc cái nhìn từ bi từ hướng này hay hướng khác.

Có người cả đời chẳng đi xe hơi. Vì bảo rằng xăng của xe sẽ làm ô nhiễm môi sinh. Trong khi đó những người sử dụng những năng lượng này đâu có bao giờ để ý đến. Hoặc lý luận như người ở trên thì làm sao các hãng xe hơi sản xuất được và lúc bấy giờ đem bán cho ai? Xã hội làm sao phát triển được? Kỹ nghệ sẽ như thế nào? Chính phủ sẽ lấy tiền thuế ở đâu mà bù vào cho các khoản chi của nhà nước?

Có ai thương hại những loài dã thú trong rừng hoang của Phi Châu hay của Ấn Độ không? Ai cũng muốn săn bắn; nhưng đâu ai đó có biết rằng có những con vật đã tiệt giống ngày nay không còn có mặt trên trái đất này chẳng? hay cứ vui theo cái thú vui độc hại ấy. Nếu loài thú biết nói, chắc rằng chúng sẽ thành lập nên hội thú quyền để đòi hỏi những bắt công mà loài người đã mang đến cho chúng. Chúng chẳng biết làm gì ngoài khả năng tự vệ mà thôi. Khi không còn tự vệ được nữa thì chịu chết với sức mạnh của con người. Vậy thì ai tốt ai xấu? Bởi vì chúng ta không hiểu được tiếng nói của động vật nhưng nếu chúng ta nhìn động tác của chúng trước khi bị giết thì chắc rằng chúng ta sẽ chẳng làm ngơ cho việc này.

Thế giới này đâu có mấy nước giết chó để ăn thịt. Chỉ riêng người miền Bắc Việt Nam của chúng ta đã thoải mái giết sinh mạng của những con vật biết trung thành với chủ này để nhâm nhi. Người ta nói: "Chó không chê chủ nghèo. Con không chê mẹ hát dở" là điều đúng. Dù cho chủ có nghèo đi chẳng nữa, chó không bao giờ đổi chủ. So ra tánh trung thành này của chó đối với người và muôn loại khác thì có lẽ chó vượt qua rất xa. Thế mà đã có nhiều người Đại Hàn, người Việt Nam, người Trung Quốc bắt chúng làm thịt cho được, thì không biết phải hiểu như thế nào về hành động này?

Ở Mỹ người ta xếp chó mèo trên đàn ông đến 2 bậc và ở Âu Châu cũng như các xứ tân tiến khác cũng thế; nhưng nếu lỡ mà họ đến Việt Nam thấy dân mình đang bắt chó làm thịt thì họ sẽ nghĩ gì về một dân tộc có mấy ngàn năm văn hiến như thế?

Một người học trò ham học mà nhà nghèo. Ngoài việc học ra phải đi làm bồi bàn để kiếm sống và đóng tiền học phí. Trong khi đó một kẻ con nhà giàu tiêu tiền như nước, sát phạt qua những canh bạc thâu đêm, đâu có ý nghĩa gì với những đồng tiền nhỏ nhoi ấy, nhưng đối với cậu học trò nghèo kia có thể sống cả một cuộc đời; tuy nhà nghèo nhưng còn trong sạch. Trong khi đó biết bao nhiêu người giàu họ đã sống trên mồ hôi và nước mắt của kẻ khác thì sao? Xã hội bây giờ đã tiến bộ lắm rồi; nhưng mỗi ngày trên thế giới này vẫn còn mấy chục ngàn trẻ em thiếu ăn, thiếu thuốc men mà chết. Trong khi đó có không biết bao nhiêu thực phẩm dư thừa tại Âu Mỹ hay Á Châu đem đổ vào sông vào biển. Vì họ lý luận rằng tiền chuyên chở đến Phi Châu hay những nơi có nạn đói đất hơn là nguyên vật liệu đem đi cho. Do vậy họ đem đi đổ; nhưng trong khi đó thì thế giới này đang có không biết bao nhiêu người đành phải chịu chết đói, chết khát.

Tục ngữ Việt Nam chúng ta có câu: "Mèo khen mèo dài đuôi" có lẽ diễn tả đúng được tâm trạng và tình huống của những điều đã nêu trên. Vì ai cũng muốn cái lý và phần thắng nằm về phía mình chứ không nằm về nơi khác. Đó cũng là điều dễ hiểu. Vì mình muốn bảo vệ cái tự ngã, cống cao, ngã mạn của mình và cho rằng ai cũng sai hết, chỉ có tôi là đúng mà thôi. Vì tôi có lý, vì tôi mạnh, vì tôi có tiền, vì tôi có quyền, vì tôi có thể lực, vì tôi có học, vì tôi đẹp, vì tôi giỏi v.v... và v.v... cứ thế nhân lên, trừ đi, cộng thêm và chia ra rồi trước sau gì nó cũng huề cả. Vì tạo hóa lâu nay vốn dĩ công bằng. Điều ấy cũng hẳn đúng với câu: "Chẳng ai giàu ba họ và cũng chẳng ai có thể khó đến ba đời". Đâu có ai làm quan từ đời nọ qua đời kia đâu?

Đâu có ai đi ở đợ suốt bao nhiêu thế hệ đâu? Và cũng đâu có ai giàu suốt năm này qua tháng nọ, đời này qua đời khác đâu?

Nếu tất những việc bên trên mà không đúng, hóa ra luật vô thường của nhà Phật không đúng sao và cái tốt, cái xấu, cái thiện, cái ác sẽ cư xử như thế nào đây?

Một kẻ giết người không gớm tay cứ nghĩ rằng không ai có thể biết được hành vi tông tích của mình. Vì hắn đã có nhiều thiện xảo; nhưng thời gian năm tháng trôi qua chính lương tâm hắn bị dần vật, hoặc giả những oan hồn uổng tử ấy cứ hiện về khiến hắn ăn không ngon, ngủ không yên để rồi phải tự ra đầu thú với chính quyền địa phương và tự khai những lỗi lầm của mình để xin được quyền sống cho đến cuối đời chứ không muốn bị hành quyết nơi ghế điện. Tại sao một người giết người không gớm tay như thế mà còn sợ đau sợ chết, thì thử hỏi những cái chết oan uổng khác của những người mà hắn ta đã giết phải bị đau khổ và dần vật biết chừng nào? Trong khi mạng mình thì quý mà xem mạng người khác còn thua cỏ cây rơm rác là nghĩa như thế nào?

Ngày xưa khi khoa học chưa phát triển, loài người sống với thiên nhiên, với mặt trời, mặt trăng và các vì tinh tú, họ vẫn có thể tự biết khi nào trời mưa, trời bão hoặc có những hiện tượng biến dị của đất trời của con người. Còn ngày nay chỉ cần bật máy truyền hình, truyền thanh lên là có thể nghe và thấy được. Nhưng riêng tôi cả tháng nay ở vùng núi đồi Đa Bảo này chỉ chấp chùng có những cây bạch đàn và những cây thông, trong nhà trong thất không có điện thoại, không có truyền hình; nhưng cũng có thể hiểu và biết

được những hiện tượng như trên, không qua ngôi sao hay mặt trăng mà qua những động vật đang sống quanh đây. Cứ mỗi lần có những biến thiên của trời đất thì xem hiện tượng của những con mối và những con kiến thì rõ.

Con kiến biết trước rằng sẽ có mưa to gió lớn nên chúng sẽ vào sâu trong ổ cũng như che đậy mặt ở của mình thật kỹ cho nước mưa khỏi lọt vào và gió cũng không thể thổi mạnh vào hang của chúng. Sau khi gió mưa đã ngừng nghỉ thì chúng lại đi nhặt những lá cây, vỏ cây mà chúng đã đẩy lại, đem đi nơi khác. Nhìn thấy chúng mảnh khảnh như thế nhưng chúng làm việc liên tục và rất có tinh thần trách nhiệm, khiến cho con người cũng phải khâm phục.

Còn con mối cũng thế. Bỗng một hôm trời nắng gắt, nóng không thể tưởng, quý Thầy, quý Chú trong Tu Viện Đa Bảo nghĩ rằng ngày mai chắc phải chịu một ngày nắng bức hơn như thế nữa. Thế nhưng bỗng nhiên những con mối cánh dài bay đậu đầy cửa sổ và bóng đèn. Ai trong chúng tôi nhìn chúng cũng thấy là một hiện tượng lạ; nhưng chưa biết là việc gì. Có người nghĩ tại sao cuộc đời của con mối cũng như của những con thiêu thân thê thảm đến thế. Đầu thai bao lâu trong trứng mới nở được, mà chỉ cần một đêm thôi thì thân hình đã tan xác pháo, đúng là kiếp phù du mà. Nhưng không, đó là một sự báo hiệu của ngày mai không đẹp đẽ mấy. Mai sẽ giông, gió sẽ thổi, mưa sẽ nặng hạt hơn mọi lần. Mà đúng thế, lần này thì thôi khỏi phải nói, trời đất nổi cơn thịnh nộ, xung thiên, cuồng phong thổi dữ dội, khiến cho những chậu kiểng trong vườn của Tu Viện ngã lẩn ra hết và mưa cứ thế mà càng ngày càng nặng hạt. Dĩ nhiên là những con

mới kia đã chết hết rồi. Không biết vì sao chúng lại chịu hy sinh như thế? Có lẽ chúng không chịu được giông bão chẳng? Hay vì lẽ gì khác? Chúng sinh ra chỉ chờ cơn giông bão là phải chết? Nhưng dù sao đi nữa tôi thấy những loài động vật như kiến, mối ở đây quả thật là bất khả tư nghị. Tôi không biết chúng có bảo rằng: trời sao xấu quá không? Tại sao phải làm mưa làm gió như thế để cho chúng phải chết? Còn thiên nhiên thì sẽ trả lời sao về việc này?

Thật sự ra có rất nhiều sự sống ở dưới bàn chân của ta, ở trong người của chúng ta, ở trên không trung, trong biển cả và ở khắp nơi trong hoàn vũ này. Bởi vậy trong kinh Phật dạy có hằng hà sa số chúng sanh là vậy. Có những chúng sanh có tư tưởng mà không có hình tướng. Hoặc giả có hình tướng mà không có tư tưởng. Hoặc giả có loài có cánh, có loài có chân, có loài không chân v.v... cứ thế và cứ thế chúng sống rất nhiều trong thế gian và ngoài thế gian này. Con người thật ra chỉ là một sinh vật rất nhỏ, nhỏ li ti so với bao nhiêu sinh vật đã có trước ta và sau ta nữa.

Nước Úc này người Anh mới phát hiện ra 200 năm. Diện tích lớn gấp mấy chục lần nước Việt Nam mình; nhưng cho đến thế kỷ thứ 21 này vào năm 2003 chỉ mới có độ 20 triệu người. Nếu đem cả dân tộc Ấn Độ gần 1 tỷ người vào đây ở, chắc cũng còn rộng. Tuy nhiên chính phủ sợ thiếu nước. Nước sẽ là một đề tài rất lớn mà nhân loại trong tương lai sẽ gặp phải.

Người Âu Châu khi ăn uống phải lịch sự, nhai không có tiếng kêu, trong khi đó người Nhật, nếu anh ăn canh mà không húp thành tiếng thì đó không phải là người mạnh khỏe. Trong khi chúng ta ăn dùng đũa, dùng nĩa thì gọi là văn minh, còn người Ấn Độ, Tích

Lan dầu khách nào đi chẳng nữa, họ cũng chỉ dùng bàn tay mặt. Chúng ta nhìn họ, bảo rằng họ không văn minh; nhưng họ nhìn mình, có lẽ họ cũng nghĩ vậy. Họ sẽ nghĩ rằng: Cơm là hạt ngọc của trời cho. Tại sao không dùng tay mà sờ mó trực tiếp để nâng hạt cơm ấy đưa vào miệng? Thế mới gọi là biết ơn, trân quý chứ? Còn vật nào mà người ta ghê tởm thì người ta mới gắp và tạo một khoảng cách cần thiết để khỏi dơ tay!!! Vậy thì đúng hay sai, tốt hay xấu tùy theo từng phong tục, tùy theo từng địa phương mà có nên những quan điểm như thế này.

Một hôm chúng tôi đứng sắp hàng ở phi trường Auchland thuộc nước Tân Tây Lan để chờ kiểm soát giấy thông hành khi ra khỏi cửa. Bỗng mọi người chú ý đến một người đàn ông. Người ấy vẫn là đàn ông; nhưng ông ta đang mặc váy. Ai thấy cũng xàm xì; nhưng ông ta thì tỉnh bơ. Không phải ông mặc lộn đâu. Vợ ông cũng mặc như thế. Xem ra ông ta rất hãnh diện. Vì đây là những y phục truyền thống của người Mori, dân địa phương của Tân Tây Lan đấy! Trong khi đó ông nhìn chúng tôi và mọi người chung quanh chắc cũng có một quan điểm như thế. Nghĩa là tại sao đàn ông không mặc váy mà mặc cái gì không ra cái gì hết vậy? Còn đàn bà cũng thế, phần trên thân thể cũng thiếu, phần dưới thân thể cũng vậy. Như vậy là văn minh sao? Vậy thì tốt hay xấu; nên hay không nên, chúng ta phải đứng ở khía cạnh nào để định nghĩa và tuân theo đây?

Một con người được gọi là tốt. Vì người đó có nhiệm vụ đóng thuế đầy đủ cho chính phủ, không phạm về luật lệ giao thông, là một người chồng siêng năng lý tưởng.

Một con chó được gọi là con chó tốt; nghĩa là con chó ấy phải trung thành với chủ. Còn nếu mình đóng vai người thiếu đạo đức và một con vật không trung thành thì mình sẽ nghĩ như thế nào về chính phủ của mình và chủ của mình đây? Rồi ai sẽ là người xử kiện cho chúng ta trong những việc này? Lương tâm, luật pháp, đạo đức hay có người trung gian để hòa giải?

Thật ra tốt và xấu là 2 mặt trái phải của cuộc đời này. Đứng bên này thì mình thấy ban ngày, mà đứng bên kia thì mình thấy ban đêm. Sự tốt xấu ấy nó không phải là một định luật, lại càng không phải là một định đề. Vì lẽ nếu đem áp dụng vào chỗ này thì đúng mà chỗ khác lại không đúng. Chúng ta nên có một cái nhìn và sự đánh giá không phải ở điểm khởi đầu của sự kiện, mà nên đứng ở trung tâm của sự việc để nhìn. Nếu cao cả hơn thì nên vượt lên trên sự đối đãi để nhìn thì chúng ta sẽ có một cái nhìn tổng quát và toàn diện hơn.

Chương Hai

Ý nghĩ của trẻ thơ khi làm một việc thiện

Đa phần chúng ta đánh giá về tuổi thơ rất sai lầm. Đại để là: Con nít nó biết gì? Đó là một cái đánh giá thiếu căn bản. Nhiều lúc có thể trẻ nhỏ cũng sẽ đánh giá ngược lại như thế, là người lớn chẳng hiểu gì việc của con trẻ làm cả. Vì người lớn lúc nào cũng nghĩ rằng mình làm đúng; nhưng điều đó chưa chắc!

Ví dụ như tai nạn giao thông trong phố thì người lớn lái xe gặp nhiều khó khăn hơn với đèn vàng, đèn đỏ. Trong khi đó người trẻ lại nhanh hơn. Vì người lớn bao giờ cũng nghĩ là phản ứng của mình là đúng, cẩn thận; nhưng những phản ứng đó quá chậm, làm cho xe sau bị gây ra tai nạn. Trong khi đó tuổi trẻ thì nhanh nhẩu hơn. Họ chỉ gặp tai nạn khi bất cẩn tại xa lộ vì háo thắng cũng như hấp tấp. Trong khi đó người lớn tuổi ít vấp phải trường hợp này.

Đứa bé nó luôn luôn muốn có khoảng tự do riêng của nó; nhưng người lớn thì ép nó phải như mình. Điều đó dĩ nhiên sẽ bị kháng cự. Lúc ấy người lớn sẽ bảo rằng đứa bé này hư. Nhưng sự nhận xét ấy cũng chỉ một chiều thôi. Vì đứa bé sau khi sinh ra đời, tất cả những gì đối với nó trong thời gian phát triển này là mang tính cách cộng thêm vào. Còn người lớn thì ngược lại, càng ngày càng phải trừ bớt đi, trong đó có cả sự trừ đi của việc hiểu biết nữa. Người trẻ luôn luôn nhớ cái mới và thích học hỏi những gì cần học hỏi; trong khi đó đối với người lớn tuổi thì chỉ nhớ cái quá khứ còn cái mới thì hay quên. Có lẽ vì cái túi chứa nơi tâm thức đã đầy rồi chăng? Có một câu chuyện thiền xin kể ra đây để hầu quý vị.

Có một vị khách rất tri thức đến gặp một vị Thiền Sư để hỏi đạo. Khi gặp khách, Thiền Sư đem trà ra chế mời khách. Vừa nói chuyện vừa châm trà và khi ly trà đã đầy; nhưng Thiền Sư cứ châm mãi cho nó tràn ra. Vị khách ấy mới bảo:

- Bạch Ngài, nước đã tràn ra ngoài ly khá nhiều.
- Cũng như thế đó, những gì được gọi là tri thức nó đã ngập tràn nơi tâm của ông đã đầy dẫy. Ông còn tâm đâu để học Thiền nữa. Cho nên những gì ông muốn học, nó cũng như những giọt nước tràn ra đầy thôi. Thiền Sư trả lời như thế.

Sau khi nghe Thiền Sư nhắc khéo như vậy, người khách mới tỉnh mộng nam kha và tất cả người lớn của chúng ta cũng đều như thế cả. Chúng ta hay tự dễ dãi với chính mình và buộc người khác phải tuân phục mình thì mình mới thỏa mãn với cái tự ngã của mình.

Trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam có một vở kịch nhan đề là "Lá Sầu Riêng" do nghệ sĩ Kim Cương đóng. Nữ nghệ sĩ này đóng rất xuất sắc, ai xem cũng cảm động, có nhiều người cầm lòng không đậu khi xem kịch, phải lau nước mắt nhiều lần. Nội dung của vở kịch, soạn giả viết rất hay đã đành mà cách diễn xuất câu chuyện và hình thức của câu chuyện cũng đã thành công một cách tuyệt vời do sự diễn xuất của nữ nghệ sĩ Kim Cương. Trong vở kịch có nhiều đoạn hay; nhưng hay nhất và cảm động nhất có lẽ là câu này.

Kim Cương nói: "Tại sao lúc con còn nhỏ, mẹ chỉ cho con một cây kẹo, mà lúc nào con cũng quẩn quít bên mẹ. Còn bây giờ con lớn khôn rồi, mẹ đã cho con cả cuộc đời của mẹ mà con vẫn chối từ?"

Câu nói chỉ đơn giản thế thôi; nhưng đã đánh đúng vào tâm lý của biết bao nhiêu bà mẹ. Thế là nước mắt cứ lưng tròng và tủi phận mình làm sao lại có những đứa con bất hiếu như thế! Tại sao vậy? Vì trong vòng tay của mẹ, lúc nào người mẹ cũng muốn người ấy là con của mình, chứ không thể là con của người khác. Cái tình thương mà lúc còn nhỏ ấy bây giờ nó không còn nữa. Nó bị đẩy xa ra, càng ngày càng xa ra khỏi tầm tay của mẹ; nên người mẹ mới nghĩ như vậy. Đứng về phương diện của người mẹ thì mẹ có lý đấy chứ. Nhưng đứng về quan điểm của người con thì sao?

Lúc nhỏ sinh ra lúc nào đứa con cũng được vòng tay thương yêu bảo bọc của người mẹ; nên mẹ con là tất cả. Do vậy ca dao Việt Nam mình vẫn ca tụng tình mẹ như:

"Mẹ già như chuối ba hương

Như xôi nếp mật như đường mía lau"

Tình mẹ cao cả thật và người con được sinh ra cũng như lớn lên trong tầm tay của mẹ. Thế rồi tình thương vẫn tràn đầy, không thay đổi, không thuyên giảm; nhưng còn người con thì sao? Dĩ nhiên đứa bé của lúc 3 tháng không thể là đứa bé của lúc 1 tuổi và đứa bé của lúc 3 tuổi không thể là đứa bé của lúc 10 tuổi được. Cậu ta sẽ học từ mẹ cha, học từ bạn bè, học từ Thầy giáo, học từ môi trường và từ chính khả năng nội tại của cậu bé ấy. Nếu môi trường tốt, cậu ấy có thể trở thành văn nhân, thi sĩ, kỹ sư, bác sĩ v.v...; nếu môi trường xấu sẽ không là như vậy. Ở đây xin nêu ra một ví dụ để mọi người cùng tưởng tượng.

Ví dụ như một đứa bé mồ côi ở Phi Châu được một người Âu hay người Mỹ đem về quê hương của họ để nuôi nấng. Dĩ nhiên ban đầu đứa bé ấy rất khó để thích hợp với môi trường văn minh; nhưng dần dà cậu ta sẽ quên đi tất cả những gì mà cậu ta đã cảm thọ, mặc dầu da và tóc của cậu ta vẫn còn đen. Tuy nhiên tư tưởng và sự học hành của cậu ta là một sự tiến bộ. Nhiều khi còn hơn cả những bạn bè da trắng cùng lớp nữa.

Một điều bất hạnh khác là có một đứa bé người Mỹ hoặc người Âu đem bỏ vào trong vùng rừng rú của Phi Châu, ngày đêm đứa bé này chỉ quen biết với khỉ, với cọp thì chắc chắn rằng dấu cho di truyền của đứa bé này tốt bao nhiêu đi chăng nữa, đứa bé ấy cũng sẽ là đứa bé bán khai, mặc dầu được sinh ra nơi văn minh nhất nhì thế giới.

Cuộc đời năm 1975 đã có biết bao nhiêu người Việt Nam đã ra đi khỏi quê mẹ thân yêu và định cư trên năm châu của thế giới. Tính đến nay đã có hơn

2 triệu người rồi đó. Đó là chưa kể cả hơn 500 ngàn người vùi thân nơi biển cả mênh mông kia để làm mồi cho cá mập cũng vì hai chữ tự do mà đã cất bước ra đi. Khi đến xứ người đa phần đã thành công hơn là thất bại. Sau đây là một vài câu chuyện nhỏ được dẫn chứng qua tác phẩm "Về Vang Dân Việt" của tác giả Trọng Minh ở Hoa Kỳ.

Chuyện kể như thế này: Có nhiều gia đình xuất thân từ nghề đánh cá (dĩ nhiên là con cái không có cơ hội tiến thân về việc học tập, chứ không phải là một nghề xấu); nhưng khi đến Mỹ, con cái được học hành đàng hoàng và con cái trong gia đình này có nhiều người đã đậu bằng Bác sĩ và Thạc sĩ.

Cũng có một người học trò bình thường sinh ra trong một gia đình trung lưu của Việt Nam; nhưng khi đến Mỹ cho con đi học và nay cậu ấy đã ra trường với học vị Tiến sĩ Chính trị học. Mới 33 tuổi thôi và hiện tại đang làm trong Bộ Tư Pháp của Hoa Kỳ, xếp hạng thứ ba đấy. Người ta cũng tiên đoán rằng chỉ cần vài thập niên nữa thôi, người này sẽ trở thành Bộ Trưởng Ngoại Giao của Hoa Kỳ. Điều ấy rất đúng với câu tục ngữ của Việt Nam là: Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Nhưng cũng có một số trường hợp không được như ý lắm giống như những câu chuyện dưới đây.

Có nhiều gia đình ít học, khi ra đi khỏi Việt Nam muốn cho con cái mình càng giống Mỹ càng tốt. Họ cho hội nhập thật nhanh, chỉ có cái đầu tóc đen và màu da vàng là chưa đổi được. Còn phong tục tập quán, ngôn ngữ, tôn giáo v.v... đều Mỹ hóa hết. Vì lẽ cha mẹ trình độ thấp cho nên không dạy cho con học tiếng Việt được mà cũng chẳng khuyến cáo con đi học. Do đó con cái chỉ nói tiếng Mỹ. Do vậy khi lớn lên con nói con

nghe, cha mẹ nói cha mẹ nghe. Thế là hồng. Cha mẹ đâm ra bực dọc con cái. Thế rồi từ thế hệ này trở đi đã có hàng rào ngôn ngữ cản ngăn rồi. Cha mẹ chỉ biết tiếng Việt, còn con cái chỉ biết tiếng Mỹ. Nên đây là một vấn đề nhức nhối của thời đại của nhiều gia đình tỵ nạn Việt Nam ở khắp năm châu, chứ không riêng gì ở Mỹ.

Nhưng được một cái là thế hệ thứ hai này ở ngoại quốc, họ ít có liên hệ về quá khứ như cha ông của họ đã sanh ra và lớn lên tại Miền Nam Việt Nam nên cái suy nghĩ của họ nó cũng khác. Nó không đâm sau lưng mà là đối diện. Nếu ai thắng thì kẻ thua phải chịu thiệt thòi, chứ không phải thua cũng cứ đòi mình trở thành người thắng.

Tôi đang dịch Đại Đường Tây Vực Ký từ chữ Hán sang tiếng Việt cùng Thầy Đồng Văn có một đoạn cũng rất hay, hợp với điều trên nên xin ghi vào đây để cho mọi người đọc.

Khi Ngài Huyền Trang đi chiêm bái Ấn Độ, lúc ấy cách nay cũng đã hơn 1.300 năm rồi; nên những địa danh không còn như xưa; nhưng đại khái câu chuyện như thế này:

Ở nước họ có một nhà vua rất sùng tín Ngoại đạo và vua ra lệnh các Tăng sĩ cũng như các Luận sư của ngoại đạo phải có một cuộc tranh tài. Nếu Ngoại đạo thắng, nhà vua sẽ tiêu diệt Phật Giáo. Nếu Phật Giáo thắng, những Luận sư của Ngoại đạo phải tự hủy hoại thân thể của mình. Khi chư Tăng bên Phật Giáo nghe thấy thế lấy làm lo nên ai cũng im lặng. Có người đề nghị rằng có Ngài Hộ Pháp người học rộng hiểu nhiều, nên cung thỉnh Ngài ra luận nghị. Cuối cùng Ngài đồng ý và đã thắng tòa.

Ngoại đạo đọc thuộc lòng những thánh kinh của họ và dương dương tự đắc.

Ngài Hộ Pháp nghe xong liền cười và bảo rằng: Ta sẽ là người thắng rồi đó.

Ngoại đạo hỏi tại sao?

Ngài bảo rằng ta không những thuộc lòng mà còn đọc ngược lại tất cả những gì mà người đã đọc, đồng thời lý giải những chỗ còn yếu. Thế rồi Ngài Hộ Pháp đọc. Đọc đến đâu Ngoại đạo khiếp vía đến đó và tất cả Luận sự của phái Ngoại đạo kia đều quỳ xuống xin bái phục, đồng thời xin sám hối và sẽ làm như lời giao ước là sẽ tự hủy mình.

Ngài Hộ Pháp điềm tĩnh bảo rằng: Cái thân thể này nó chẳng có tội lỗi gì cả. Nếu muốn cải thiện thì cái tâm của các ông mới là điều căn bản. Hãy cải hối nơi tâm, chứ không nên sát hại thân thể.

Ngoại đạo nghe xong mừng rỡ cảm tạ và nhà vua từ đó cũng từ bỏ Ngoại đạo mà phụng trì Phật Pháp.

Ngày xưa cái thời mà văn minh vật chất chưa tiến bộ lắm; chỉ có văn minh tinh thần thôi; nhưng họ rất rõ ràng và lịch sự, hiểu biết. Còn ngày nay con người càng chạy đông chạy tây, chạy sao cho khỏi tội và càng đổ tội, bôi nhọ lên người khác cho xấu hơn mình để mình được nổi bật hơn những kẻ khác, thì quả thật cái đạo đức và luân lý của người đời nay nó đã xuống thấp quá nhiều rồi.

Một đứa bé được giáo dục tại ngoại quốc ngày nay nó khác với sự giáo dục trong nước rất nhiều. Nghĩa là tự nó làm, tự nó học, nó sẽ mãn nguyện; chứ không phải việc làm và sự học hỏi ấy do cha mẹ nó làm dùm hay bày vẽ làm dùm thay cho nó. Ví dụ một đứa bé đi học mang rất nhiều sách vở, người mẹ Việt

Nam thấy thế tội nghiệp mang dùm đi đến trường cho con. Điều này nếu nhìn dưới cái nhìn của người mẹ có lẽ đúng. Vì thương con trẻ nhọc nhằn; nhưng nếu nhìn với cái nhìn giáo dục thì sai. Vì lẽ phải để cho đứa trẻ tự mang vào lưng, vào đời của nó, để sau này nó đứng vững trong đời, chứ cha mẹ có đi vào đời thế cho nó bằng đôi chân, bằng khối óc, bằng nghị lực được đâu?

Chỗ nào nó học không hiểu thì chúng hỏi và cha mẹ phải tự xem là bạn của chúng trong sự trao đổi học hỏi, chứ không là kẻ đàn áp chúng; nếu chúng học không được hay làm bài sai thì đem roi ra để dọa nạt, đánh đập. Ở Á Châu chúng ta cách giáo dục đơn thuần là người học trò chỉ cần học thuộc lòng những gì mà Thầy dạy là đủ; nhưng ở đây thì không thế, ngoài cái dạy của vị Thầy ra, người học trò, đứa bé có thể nói lên ý kiến hoặc quan điểm của mình nữa. Nhiều khi biết đâu ý kiến của đứa bé lại hay hơn ý kiến của Thầy giáo và cha mẹ của mình cũng không chừng. Ở Á Châu, thực ra đứa bé nó chỉ sợ con roi khi nó không thuộc bài, chứ thực ra nó không sợ ông Thầy hoặc cha mẹ khi xử dụng vũ lực với nó, mà không xử dụng lý trí, sự hiểu biết hay khả năng. Nếu nó có biện luận thì bảo rằng: Con trẻ biết gì?

Nhưng thế nào là biết? Một đứa bé mỗi ngày có thể mỉm cười từ 5 đến 10 lần. Trong khi đó người lớn, có nhiều người suốt ngày tìm một nụ cười cũng chẳng có. Vậy thì ai hạnh phúc hơn ai? Ai thánh thiện hơn ai? Mặc dầu đứa bé chẳng làm việc gì gọi là thiện cả; nhưng ít ra nó không gây tội ác hơn là người lớn và một việc được gọi là thiện đối với trẻ thơ nó chỉ đơn thuần như một nụ cười, một niềm vui, không tính toán,

không khoe khoang, không vị kỷ và nhất là không vì tự ngã của mình mà làm.

Khi chơi trò chơi, khi nhìn những con vật nhỏ bé bị nạn trẻ thơ kia đôi khi cũng làm người dũng sĩ tí hon, rất hào hiệp nhảy vào cứu người và cứu kẻ bị thế cô. Thế là các em đã mãn nguyện lắm rồi, không cần đền đáp, không cần ai nhắc đến tên mình để trả ơn trả nghĩa. Nếu là người lớn chắc là việc cứu mạng như thế họ sẽ nhớ lâu lắm?

Đầu óc của trẻ thơ rất non nớt và hầu như không tính toán. Nhiều lúc phát ngôn ra nhiều lời nói bộc trực, táo bạo, khiến người khác cũng rùng mình, không biết rằng ai đã dạy chúng như thế? Nhưng đâu có ai biết rằng đó là một việc tự nhiên như một phản xạ của thân thể và trí óc.

Một hôm tôi thấy một con mèo rình bắt một con chim vành khuyên. Sau khi mèo bắt được chim rất hí hửng, tôi không nở lòng nào ngồi nhìn, đoạn mở cửa phòng chạy ra thì thấy chim kia đã bị sút hết nhiều lông và có những vết máu bầm, cổ chim đã quẹo lại, tôi mới đuổi con mèo; nhưng hấn ta gầm gừ dữ dội, đã 2 lần như thế cố tranh với con mèo trên tay tôi. Sau đó chú mèo chạy vào bụi rậm. Có lẽ chú giận tôi lắm. Tôi đem con chim để nơi cao ráo; nhưng chẳng bao lâu sau nó trút hơi thở cuối cùng. Dẫu sao đi nữa nó chết, cũng còn toàn thân và con mèo kia không ăn được con chim, chắc cũng không bị chết đói.

Khi tôi ngồi viết bài này nhìn ra ngoài sân thấy có con chim gì màu sắc rất đẹp đang cắn xé một con ve sầu mùa hạ. Giống ve ở đây cũng khác lạ với quê hương mình. Con ve có 2 cánh rất lớn, mà theo Hạnh Tuệ thì bảo rằng nhờ thế nó mới kêu to. Tôi thấy bắt

nhấn quá nên mở cửa để đuổi con chim đi. Con chim vì miếng mồi ngon mà không được ăn, có lẽ nó cũng giận tôi lắm; nhưng con ve kia đâu có tội tình gì? Vả lại con chim không ăn một bữa đâu có chết mà sợ. Con ve còn kêu than để cho người ta biết mùa hè đã đến nữa, cho nên Hạnh Tuệ đã hí hửng đem thau bằng để nghe tiếng ve sàu. Vì ở Âu Châu làm gì có được thứ côn trùng ấy. Sau đó thì ve sống lại và bay đi. Tôi không là trẻ thơ; nhưng vẫn cố cứu những con vật cô thế như vậy.

Ở đây chim chóc rất lạ có nhiều màu sắc rất đặc biệt. Mỗi buổi sáng, mỗi trưa và mỗi chiều chúng thường hay bay liệng trước cửa thất của tôi và phòng của quý Thầy quý Chú. Có nhiều loài chim, loài sâu bọ, loài kiến tôi chưa từng thấy lần nào. Có lẽ đây là vùng đất nam phương của thế giới; nên có nhiều con vật lạ như thế. Cũng tiếng kêu ấy; nhưng xem ra hình tướng khác lạ vô cùng, như con quạ vẫn nghe kêu là quạ quạ. Con vành khuyên, con chim sáo chúng vẫn kêu như thế; nhưng sự dạn dĩ và màu sắc thì ở đây rất lạ kỳ.

Mới đây báo chí có nói rằng nếu con người tăng lên 30 đến 40% rau cải hoa quả trong mỗi bữa ăn thì bệnh đau tim không còn nhiều và bệnh khủng hoảng tinh thần cũng ít đi. Nếu con người chỉ muốn ăn thịt động vật thì những bệnh kia khó chữa lắm! Mình cũng là động vật; heo gà, trâu bò cũng là động vật, nở nào mình ngon miệng mà chúng phải bị đau thương kêu cứu như thế?

Có một năm trường tiểu học ở Mỹ các em học sinh làm kiến nghị dâng lên Tổng Thống Clinton rằng nhân lễ Thaksgiving (Lễ Tạ Ơn) không nên ăn thịt

ngỗng nữa. Vì những con vật ấy các em thấy chúng rất là hiền hòa dễ thương. Đó là một việc thiện; nhưng không biết người lớn có nghe chẳng? Hay vẫn bảo rằng các em vẫn còn nhỏ dại chưa biết gì? Vậy thì trong trường hợp này người lớn biết gì? Biết chém giết? Biết hơn thua? Biết ngon miệng? Còn các em? Ai sẽ là người hóa giải hay xử kiện cho vấn đề lương tâm này? Chắc chắn một điều các em có lý. Vì các em không muốn thấy sự chết chóc ấy diễn ra tại nước Mỹ và khắp nơi trên thế giới khi mùa Tạ Ơn đến lại có những con vật phải hy sinh cuộc đời của mình như vậy chỉ để làm cho con người được khoái khẩu lúc ăn nhậu mà thôi.

Đây là một chương và một đề tài cần phải nghiên cứu và thảo luận để chúng ta có thể nâng cao giá trị đạo đức của tuổi thơ ngày nay.

Chương Ba

Ý nghĩ của thiếu niên về việc tốt và không tốt

Khi con trẻ vị thành niên, dưới 18 tuổi phạm luật của nhà trường hay xã hội thì cha mẹ hay người giám hộ phải chịu trách nhiệm; nếu là những tội nhẹ. Nếu chẳng may phạm tội giết người thì chính thiếu niên ấy phải vào tù để được cải huấn. Đa phần luật lệ ở các nước Âu Mỹ đều như vậy. Dĩ nhiên là có nhiều trường hợp đặc biệt khác nữa; nhưng tựu chung là như vậy.

Nhưng tại sao con trẻ ngày nay lâm vào tình trạng ấy? Do xã hội? Cha mẹ? Hoàn cảnh chung quanh? Hay học đường? Nếu bảo rằng: "học đường là lò đúc nhân tài" thì gia đình là gì? Nếu không phải là nơi căn bản để sản sinh ra người con ấy? Nhưng tại sao cũng gia đình đó, cha mẹ đó mà sinh ra nhiều người con, lại khác nhau đến như vậy? Có người học hành nên danh nên phận, bác sĩ, kỹ sư; trong khi đó có

nhiều người hư thân trác nét, phạm vào những lỗi làm nghiêm trọng đối với gia đình, với bạn bè và với xã hội? Lỗi ấy tại ai?

Nếu bảo rằng tại người trẻ ấy hoàn toàn cũng không đúng. Vì lẽ cha mẹ vẫn là người trực tiếp lo lắng mà. Còn nếu bảo là nhà trường hay cha mẹ cũng không đúng. Tại sao nhà trường vẫn có những người học giỏi và cha mẹ vẫn có những người con ngoan hiền mà? Cái nên của ngày xưa nó khác và cái hư của ngày nay nó cũng khác nhau nhiều lắm. Ngày xưa khi muốn lấy chữ hiếu để làm gương, cha mẹ hay Thầy giáo hay đem gương hiếu thảo của 24 người học trò thời Đức Khổng Tử ra khuyên bảo; nhưng thời đó qua xa rồi, đã hơn 2.500 năm rồi còn gì. Cái hiếu thời đó là xã hội không có khả năng chu toàn cho con người; nên con cái phải có bổn phận lo cho cha mẹ khi về già. Còn cái hiếu ngày nay mà bảo phải làm như thế thì chắc chắn con cái sẽ cãi lại rằng, đã có xã hội lo rồi. Họ đi làm đóng thuế cho chính phủ và chính phủ hay nhà nước phải có bổn phận lo cho cha mẹ mình.

Ngày hôm nay ít còn có người con nào có hiếu phải cõng cha cõng mẹ đi khắp nơi xin ăn hoặc lóc thịt mình để cho cha mẹ dùng như nhiều mẫu truyện cổ của Phật Giáo vẫn thường hay nghe nói đến, mà cha mẹ ngày nay đôi khi lại buồn tủi vì nói mà con cái không nghe lời. Con cái được sinh ra trong các gia đình người Á Đông, đa phần cha mẹ làm chủ mọi việc, kể từ việc trong gia đình cho đến việc học hành, giao thiệp v.v... quyền uy cha mẹ nắm, tiền bạc cha mẹ lo. Những trẻ con vị thành niên phải chấp nhận việc ấy và xem cha mẹ là bậc Thầy sẵn sóc mọi vấn đề từ vật chất đến tinh thần; nhưng khi ở ngoại quốc ngày nay

lại khác. Nếu cha mẹ la rầy quá đà, nhiều lúc cầm cây để hăm dọa, chưa đánh đũa trẻ; nhưng đũa trẻ nhanh chân hơn, chúng đi tìm điện thoại để gọi cho Cảnh Sát đến điều cha mẹ về bớt. Có nhiều cử chỉ nâng niu chiều chuộng thân mật thì chúng cũng có thể gọi cho Cảnh Sát như thường và báo cho Cảnh Sát biết là bị lạm dụng. Khi Cảnh Sát đến thì cha mẹ chẳng biết giải thích tại sao. Vì nó là con cái của mình mà. Có một câu chuyện hơi khôi hài nhưng có thật, xin kể cho quý vị nghe.

Có một chùa nọ nuôi mấy chú tiểu dưới 18 tuổi, dĩ nhiên là được cha mẹ gửi gắm đàng hoàng. Một hôm vào lớp học ngồi ngủ gục, chú kia bị cô giáo hỏi tại sao? Chú tiểu trả lời rằng: Ở chùa phải thức khuya dậy sớm để tụng kinh nên vào trường buồn ngủ. Thế là Thầy trụ trì ấy bị mời đến trường và từ đó trở đi không được kêu chú bé ấy dậy tụng thời kinh Lăng Nghiêm vào buổi sáng nữa.

Nếu một người đi tu mà không tụng kinh Lăng Nghiêm vào buổi sáng thì thử hỏi phải làm gì bây giờ? Thật là khó xử. Ở nhà cha mẹ đã khó, mà đến chùa quý Thầy, quý Cô cũng chẳng biết phải làm sao cho hơn bây giờ. Đó là chưa nói đến những người lớn hơn tuổi ấy. Ở Việt Nam, nếu đã là người phát tâm xuất gia thì vào chùa và Thầy trụ trì hay vị Bồ Sư là người có quyền quyết định tất cả; nhưng ở ngoại quốc này không phải như thế. Nếu nói nặng một tiếng thì đã bỏ chùa đi rồi. Họ không cần đi đến chùa khác, ra ngoài ở vẫn xin tiền trợ cấp của chính phủ để thuê nhà và có đủ tiền ăn uống, đâu có lo gì, mà sợ những hình phạt của Thầy mình. Đó là chưa kể những chuyện trái ý nghịch lòng khác của tình yêu lắm cảm của trẻ vị thành

niên nữa. Có những em chưa đầy 18 tuổi đã bụng mang dạ chửa. Bây giờ phải đổ thừa cho ai đây. Đó là chuyện ngoài đời. Còn trong đạo thì chuyện này tương đối còn kỷ cương hơn một chút. Vì có giới luật ràng buộc; nhưng nếu chính những cô cậu ấy không tự giữ mình thì không có gì có thể giữ thay cho mình được.

Ở Đức, nếu một người trẻ muốn đi tu, tuổi ít nhất phải là 16. Do vậy ở ngoại quốc chúng ta thấy ít có những chú tiểu đầu để một vá tóc dài buông xuống phía trước rất dễ thương như ở Việt Nam chúng ta thường thấy, mà đa phần là người lớn tuổi, hay những người già cả. Vì vậy cho nên có một Thầy ở Mỹ tuyên bố rằng: Ở Mỹ này chỉ có những người không bình thường mới đi tu, chứ những đứa trẻ bình thường thì nó ít đi tu lắm!!! Tôi có hỏi tại sao thì được giải thích rằng:

Một đứa bé bình thường sau khi xong Tiểu Học thì nó vào học Trung Học. Sau khi học xong Trung Học thì vào Đại Học. Sau khi ra trường thì nó đi tìm việc làm và sau đó là mua xe, mua nhà, lấy vợ, sinh con. Chứ ai đâu có thì giờ để mà lo chuyện xuất gia tu học. Chỉ những kẻ không phải như vậy họ mới đi tu thôi.

Nghe xong tôi thấy hơi xoắn xang và tự nghĩ rằng: Không lẽ chùa là một cái bệnh viện, chỉ chữa toàn là những bệnh nhân? Nếu hiểu dưới cái dạng cứu đời giúp người thì đúng chùa là nơi như vậy; nhưng quý Thầy, quý Cô giống như Bác sĩ, Y tá chữa bệnh cho bệnh nhân thì phải là những người bình thường chứ? Nếu là người không bình thường thì làm sao mà chữa bệnh? Nhưng khi nghe và hiểu nguyên nhân như trên thì lấy đâu ra nguồn vốn là con người từ lúc ban đầu để mà đào tạo thành người tu chân chính, rồi đầu ra

mới có được những người giỏi chứ? Nếu đầu vào chưa là đầu voi mà đầu ra còn nhỏ hơn đuôi chuột nữa thì quả thật là một điều đáng lo ngại cho Phật Giáo Việt Nam ngày nay tại Mỹ nói riêng và tại ngoại quốc nói chung. Vì tre sắp tàn mà măng không có mọc. Đây là trách nhiệm của Giáo Hội, của con người thời đại. Nếu tất cả chúng ta đều giao phó cho xã hội. Còn con người phải bó tay thì phải nói rằng đặt ra giáo dục học đường và giáo dục gia đình để làm gì? Nếu con người là Thượng Đế, mà Thượng Đế hư hỏng như thế, quả thật xã hội này đã đến lúc cần phải thẩm định lại.

Mới đây Bộ Giáo Dục Đức đã cộng tác với Cơ quan Giáo Dục Thế Giới kiểm tra lại sức học của các học sinh trường trung học của mình thì thấy không phải một em bé mà kết quả chung là nước Đức đứng hàng thứ 14 trên thế giới. Vì vậy cho nên Thủ Tướng Schröder và Bộ Giáo Dục bắt học đường phải có bốn phần nhiều hơn nữa. Nghĩa là tăng giờ học lên. Có nơi còn phải học vào cả ngày thứ bảy nữa và dĩ nhiên là nhu cầu đòi hỏi cho học đường cũng gia tăng hơn. Do vậy mà cha mẹ phải đóng thuế nhiều hơn thì chính phủ mới có tiền để chi vào các khoản thiếu hụt đó, chứ tiền ở đâu mà chi bây giờ? Đúng là một cái vòng luẩn quẩn, đẩy cái này qua thì cái khác phải xê dịch đi một tí.

Phải thành thật mà nói rằng ở Hoa Kỳ cho đến ngày hôm nay, sau hơn 25 năm xây dựng chưa có chùa nào hay Phật Học Viện nào của Phật Giáo Việt Nam thành công trong vấn đề đào tạo thế hệ xuất gia trên quê hương mới đó. Có; nhưng rất ít và rất lẻ loi. Thế hệ thứ 2 đã thế thì thử hỏi thế hệ thứ 3 sẽ ra sao? Ngày xưa khi vào chùa tu, tôi đã được nghe bảo rằng:

"Đời người tu giống như bông xoài trứng cá". Điều ấy đúng. Vì việc tu nó không đơn giản. Nếu đơn giản thì mọi người đã đi xuất gia hết rồi; nhưng ít ra cũng còn người đi tu. Còn ngày nay ở ngoại quốc như thế quả là điều hết sức nan giải vô cùng. Một bài toán mà Giáo Hội vẫn chưa có đáp số là phải mạnh dạn viết lên con số như thế nào, là bao nhiêu đây? Câu trả lời vẫn còn để trống !

Vậy xã hội ngày nay là xã hội gì? Đó là một xã hội không trọng nhân nghĩa bằng tiền bạc. Một xã hội chỉ xử dụng những người giỏi, còn người dở bị quẳng vào quên lãng. Một xã hội chỉ có đồng tiền là đại diện cho tiếng nói của mọi hoàn cảnh. Vì thế cho nên ai có tiền nhiều, ai có bằng cấp cao thì xã hội Mỹ, xã hội Úc, Canada sẽ cho di dân dễ dàng hơn là những người không có chuyên môn gì cả. Vậy thì ngày nay chuyện đạo đức, luân lý nói với ai đây?

Đã có hằng trăm Thầy, Cô ra đi từ trước và nhất là sau năm 1975; nhưng một thời gian ở Mỹ rồi thì bị cái vòng xoay của Mỹ nó mạnh quá hay nói đúng hơn là nó tàn nhẫn quá; nên đã có không biết bao nhiêu Thầy, Cô đã bỏ chiếc áo nhà tu, đi mặc lại chiếc áo đời thường để được dễ thở hơn; nhưng không biết cái đời thường ấy đã nghiền nát họ như thế nào rồi, thì chẳng ai quan tâm đến họ nữa. Dầu sao đi nữa họ cũng đã bị tục hóa rồi mà. Đời lúc ấy có đen hay trắng cũng vậy thôi. Nếu Thầy, Cô nào giỏi thì bon chen với đời. Còn không có khả năng thì đành chịu như bao nhiêu người khác và sống bằng cách đón chờ những ân huệ của xã hội hằng tháng. Chỉ có thế thôi.

Vậy thì tuổi trẻ có đóng góp gì cho xã hội? Có chứ và có rất nhiều. Bằng chứng là những nhà bác

học, những nhà giáo dục, những nhà xã hội đều xuất thân từ tuổi trẻ đấy chứ. Nếu bảo sự giáo dục tại trường ấy dở, tại sao đào tạo được nhiều bậc nhân tài như thế? Dĩ nhiên không phải ai học trường ấy đều ra làm Thủ Tướng, Tổng Thống, Bác Học cả, mà lý do nội tại là do chính cậu bé, cô bé ấy nhiều hơn. Nếu sinh ra trong nhà giàu có mà chẳng ham học, chỉ xài tiền của cha mẹ thì cậu ấy hay cô ấy tương lai sẽ chẳng có gì. Nếu cô cậu ấy biết tiến thân qua lời dạy của cha mẹ và học đường thì cô cậu ấy sẽ thành công; nhưng nhiều khi cũng có thể hiểu ngược lại là đằng khác đấy. Các cô cậu vị thành niên này sẽ nghĩ gì và nói rằng: Người lớn là loại người khó xài được, vì chẳng hiểu tuổi trẻ là gì cả. Nhưng các cô cậu đâu có ngờ rằng trước khi bước qua cái tuổi già này, tất cả họ đều phải trải qua cái tuổi trẻ ấy chứ. Con cái ngày nay có thể hơn cha mẹ về thông minh, khoa học, ngoại giao v.v... nhưng chắc chắn một điều không thể hơn kinh nghiệm được. Điều đó phải khẳng định như thế và chưa có cậu bé nào qua khỏi được nhận định này.

Napoléon của Pháp ngày xưa hay vua Quang Trung của Việt Nam cách 200 năm về trước khi chinh phục đông tây nam bắc hoặc có khả năng đại thắng quân Thanh như thế, không phải là một ông tướng già ở nơi trận mạc, mà tất cả đều là những thanh niên ưu tú của quốc gia. Là những người có đầu óc minh mẫn mới lãnh đạo được hàng hàng lớp lớp tướng sĩ như thế. Dĩ nhiên những anh hùng ấy không phải tự nhiên mà anh hùng. Họ là những người phải được hun đúc nơi học đường, nơi gia đình từ thuở ấu thơ kia. Tôi đoán chắc là như thế, mà mãi cho đến ngày nay tôi chưa đọc được một tác phẩm nghiêm túc, rõ ràng nào

về cha mẹ họ, về cuộc đời của họ lúc ấu niên cũng như thiếu niên, mà chỉ biết họ thành danh, thành người và những chiến công lẫy lừng của những vị tướng ấy. Lẽ ra phải có những nghiên cứu sâu xa hơn nữa, để chúng ta được tự hào về những người như thế và tôi tin rằng không phải ai cũng nhờ thời thế mới tạo nên anh hùng.

Nhà thờ tại Mỹ ngày nay một phần nhỏ bị khủng hoảng. Có lẽ không phải vì niềm tin mà vì thiếu tiền. Nguyên nhân từ đâu mà thiếu? Vì người lớn càng ngày càng nhiều mà người nhỏ đi nhà thờ rất ít, ai sẽ là người đóng thuế nhà thờ để nuôi nhà thờ đây? Nếu không phải là những người trẻ, mà ngày nay người trẻ họ tin gì? Nếu làm thống kê thì chắc có lẽ những nhà tôn giáo học sẽ thất vọng. Do vậy nhà thờ phải bán và ai mua nhà thờ để làm gì? Nếu không phải là nhà chùa. Chỉ có chùa mới mua lại mà thôi, như thế mới đủ tiêu chuẩn; nhưng rồi 20 năm sau nữa nhà chùa không có khả năng duy trì nữa thì chắc có lẽ lúc ấy cũng phải treo bảng bán mà thôi. Nhưng lúc ấy thì ai mua? Hãy chờ và xem thử ra sao, chứ việc bán chùa để làm nhà hàng của người Trung Hoa tại San Francisco không phải là không có.

Đó là chuyện của 100 năm trước, khi mà cuộc Cách Mạng Tân Hợi năm 1911 của Tôn Dật Tiên đã thành công ở Trung Hoa thì có rất nhiều người Hoa chạy sang lánh nạn tại Hoa Kỳ. Lúc ấy họ thấy trống trải quá cho nên sau khi tạm yên thì họ lo đời sống tâm linh và lúc ấy chắc cũng đã có nhiều Thầy sang tỵ nạn; nên họ đã xây dựng được nhiều ngôi chùa to lớn và đến 20 năm sau, 40 năm sau rồi 60 năm sau họ không thể duy trì được. Vì lẽ thiếu người tu và thiếu người đi

chùa nên họ phải bán lại cho người khác để làm nhà hàng. Đó là một thực tế. Dầu ta không chấp nhận cũng phải thừa nhận một sự thật như vậy.

Đâu có ai sống hết thế kỷ này đến thế kỷ khác để mà làm nhân chứng cho cuộc đời này đâu mà có thể biết được hết mọi biến thiên của lịch sử. Nhưng lịch sử là những gì nối ghép lại của thời này qua thời nọ, tạo thành một chuỗi dài thời gian liên tục như thế và do con người đóng góp mà thành. Lịch sử có lúc nên có lúc hư, có khi thịnh khi suy cũng là lịch sử. Còn con người hiện diện trong thời gian đó chỉ là một nghiệp lực mà thôi. Ví dụ ngày nay những người Đức còn sống sót lại dưới thời Hitler cai trị thì họ rất xấu hổ rằng họ đã có một người lãnh đạo đất nước họ như thế; nhưng vào thời đó ai dám nghĩ điều đó; nếu có chỉ vào tù và không có đường nào khác. Ngày đó là vậy; nhưng bây giờ thì nhân loại đã ghê tởm trò chém giết dân Do Thái như thế; cho nên ngày nay người Đức an ủi vết thương lòng của dân Do Thái bằng cách tổ chức lễ kỷ niệm hằng năm để tưởng nhớ đến những người bị Đức Quốc Xã thiêu sống và người Do Thái ngày nay ở Đức cũng có nhiều quyền lợi hơn những người ngoại quốc khác. Một phần vì họ có tài và một phần họ được nâng đỡ.

Tuổi trẻ của Karl Marx, của Lénin, của Stalin, của Hồ Chí Minh, của Mao Trạch Đông, của Kim Nhật Thành, của Fidel Castro v.v... những tên tuổi mà người chết nghe còn sợ, huống gì những người còn đang sống hay bị sống dưới thời họ cai trị. Cũng là tuổi trẻ dần thân; nhưng chẳng may họ dần thân lắm vào con đường bạo ác mà dân tộc của những nước này chắc không cần đến họ thì những dân tộc ấy vẫn có thể hiện

ngang sánh vai chung cùng thế giới. Có đâu sau 70 năm của Liên Xô hay hơn 50 năm của các nước Cộng Sản khác tại Âu Châu họ vẫn còn nghèo đói, chết chóc và xiết buộc những tư tưởng tự do để cho thế giới nhìn họ như là những dân tộc kém mở mang về dân trí cũng như nhân quyền.

Đông Âu đã sớm thoát ra khỏi sự cai trị của chủ nghĩa Cộng Sản và bây giờ họ đã được phục hồi về mọi phương diện. Nhờ đó mà tuổi trẻ ngày hôm nay họ có được cơ hội để tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Từ đó họ sẽ phụng sự cho quê hương đất nước họ với cái nhìn thực tế hơn. Nếu ai đó có cơ hội xem lại những cuốn phim mà đài truyền hình Đức chiếu về những cô nhi nhà nước Lỗ Ma Ni nuôi nấng lúc chủ nghĩa Cộng Sản còn thịnh hành thì mới thấy rằng: Đời sống của các em lúc đó chẳng khác nào heo gà và súc vật. Do vậy khi lớn lên các em cũng chỉ được hành xử như súc vật, không hơn không kém, mà đó không phải là lối cư xử của con người. Tội ác ấy đâu phải do các em, mà do những người lãnh đạo ấy đầu độc. Bây giờ có em đã được nước Đức bảo lãnh nuôi nấng, cho ăn học thành tài, khi các em nhìn lại hình ảnh nhà giam lúc còn thanh thiếu niên tại đó, các em phát biểu rằng: Không ngờ các em từ địa ngục đã được tái sinh trở lại làm người.

Có những người trẻ may mắn ở Âu, Mỹ, Á, Úc ngày hôm nay, đầy đủ điều kiện để đi học và nhận chân được giá trị chân thiện mỹ của cuộc đời thì trong khi đó cũng có những em cùng tuổi với các em chẳng may sinh vào các nước Phi Châu nghèo khó hay Bắc Hàn ngày nay, dẫu cho có muốn làm một việc thiện đi nữa cũng khó mà thực hiện. Do vậy các em hãy gắng

cao đầu lên và dùng hai mắt, đôi tay cũng như lý trí để đi thẳng vào đời và hãy nhận chân lấy những kinh nghiệm của người đi trước mà bước vào đời bằng cách sống tự tin riêng của các em.

Chương Bốn

Người lớn suy nghĩ như thế nào về việc tốt và không tốt

Ngày xưa người ta chia đời người ra làm 5 giai đoạn như sau:

Giai đoạn đầu từ lúc mới sinh ra đến lúc 10 tuổi gọi là thời kỳ ấu thơ hay ấu niên. Sống nương vào sữa mẹ và sự đùm bọc của mẹ cha. Đây là thời kỳ chưa biết gì nhiều. Đến 10 tuổi mới được đi học với Thầy đồ ở trong làng và từ đó học tiếp lên cao hơn nữa. Trường lớp ngày xưa chắc chắn không quy củ như bây giờ. Nghĩa là con người sinh ra chỉ học cho biết chữ để đọc để viết là đủ. Nếu ai đó có đầy đủ của cải, tiền bạc, thế lực thì mới đi học xa hơn, cao hơn để đi thi làm ông Tú, ông Cử, ông Nghè, ông Tiến Sĩ v.v... Còn người nghèo đôi khi cơm không đủ ăn, áo không

đủ mặc khi đông đến, lúc hạ sang, lấy đầu ra tiền để cho con ăn học. Dân tộc ta vốn sống về nghề nông; nên sinh con ra là nghĩ ngay đến việc ruộng nương cày cấy. Do vậy nếu sinh ra con trai thì cha mẹ ai cũng vui mừng, vì có kẻ nối dõi tông đường, vả lại việc đồng áng đã có người nhờ cậy được. Còn con gái ngày xưa mà đi học thì cũng rất hiếm. Vì quan niệm rằng: Người con gái, đàn bà chỉ có bổn phận sinh con, đẻ cái, lấy chồng và làm công việc nhà chứ không phải như ngày hôm nay. Vả lại sự học ngày nay cũng bắt đầu sớm hơn cả nam lẫn nữ, chứ không phải chỉ cho con trai không mà thôi. Bây giờ trẻ em đi học từ 4, 5 tuổi gọi là vườn trẻ hay trường chuẩn bị trước khi vào tiểu học và đến 6 tuổi là đã bắt đầu vào học trường lớp đàng hoàng rồi. Chứ không phải như ngày xưa tuổi ấy còn chưa biết mặc cỡ và không mặc quần áo cũng không sao. Còn bây giờ thì khác nhau nhiều lắm.

Do đó tuổi ấu niên ngày nay có thể chia ra từ lúc mới sinh cho đến 6 tuổi là vừa và tuổi thiếu niên ngày xưa thì chia ra từ 10 đến 18 tuổi hay còn gọi là tuổi vị thành niên. Nghĩa là tuổi chưa trưởng thành. Bây giờ có lẽ cũng vậy thôi. Từ 6 đến 18 tuổi gọi là thiếu niên. Vì lẽ chưa có nước nào trên thế giới ngày nay cho người dưới 18 tuổi đi bầu cử cả. Ngoại trừ nước Mỹ mới 16 tuổi đã cho lấy bằng lái xe, mà ở các nước khác thì không được. Có lẽ vì văn minh tiến bộ của xứ Mỹ hơn các nước khác trên thế giới, nên trẻ em phát triển sớm hơn chẳng? Nhưng một lý do thực tế là xứ Mỹ quá rộng, ai đi đâu cũng phải cần đến xe hơi. Nếu không tự lái thì ai có thể lo cho mình được? Cho nên đây có thể là lý do chính vậy. Tuy nhiên trẻ em ở Mỹ dưới 18 tuổi có bằng lái xe, vẫn được lái; nhưng cha

mẹ phải chịu trách nhiệm. Do vậy mà tai nạn đã xảy ra trên đường sá ở xứ Mỹ cũng không phải là ít, do những người tuổi trẻ gây nên.

Từ 18 tuổi đến 35 tuổi gọi là tuổi thanh niên. Đây là lứa tuổi mà thành công nhất trong 5 giai đoạn của cuộc đời. Đó là ấu niên, thiếu niên, thanh niên, trung niên và lão niên. Giai đoạn này người con trai hay người con gái đem hết khả năng và nhiệt huyết của mình ra để phụng sự, học hành, thi cử, nghề nghiệp, dựng vợ, gả chồng, làm nhà, tạo cơ sở làm ăn, buôn bán v.v... hầu như những việc chính của đời người đều xảy ra trong giai đoạn này. Cũng có một số trường hợp ngoại lệ là thành công sớm hơn hoặc sau tuổi 35; nghĩa là bước vào tuổi trung niên mới khởi sắc; nhưng đa phần cả người con trai lẫn người con gái thời kỳ của tuổi này là thời kỳ lịch lãm nhất.

Ngày xưa Việt Nam ta có những người đàn bà như bà Đoàn Thị Điểm, bà Hồ Xuân Hương, bà Huyện Thanh Quan hay một số bà Công Chúa, Hoàng Hậu văn hay chữ tốt và có tiếng tăm lừng lẫy trên văn đàn, có lẽ cũng nhờ cha mình làm quan nên ảnh hưởng lây và ngày xưa chỉ cho con trai đi thi chứ con gái thì không được. Rõ ràng đây là chế độ trọng nam khinh nữ rất rõ rệt. Đa phần thấy các ông đồ khoa này khoa nọ, Tiến Sĩ, Trạng Nguyên. Chứ còn mấy bà thì thời đó chưa thấy có ai hết. Nếu bây giờ ai đó về Hà Nội đọc hết tên trên bia Tiến Sĩ, có lẽ chẳng có tên một bà nào. Còn ngày nay lại khác, nam nữ đã bình quyền; nên có rất nhiều người nữ đã đậu đến 2 hay 3 bằng Tiến Sĩ, làm đến Bộ Trưởng này Bộ Trưởng kia. Có người còn làm Vua và Tổng Thống nữa. So ra chỉ 100 năm thôi, mà thế giới ngày nay thay đổi nhiều như thế đó.

Có những bà là tướng tài như bà Bùi Thị Xuân, bà Trưng Trắc, Trưng Nhị, bà Triệu Âu v.v... cũng đâu phải là những người xuất thân từ khoa bảng; nhưng các bà vẫn là anh hùng của dân tộc, mà ngày xưa đa phần các ông Vua đâu thấy có ông Vua nào đậu Cử Nhân, Tiến Sĩ? Họ cai trị dân đa phần bằng cái đức. Còn bây giờ đa số cậy vào cái tài mà đất nước càng ngày càng loạn ly, bế tắc, đạo đức suy đồi, nhân tình ly tán. Trong các Vua của Việt Nam chỉ có ông Vua Tự Đức là hay chữ nhất. Ông Vua Trần Nhân Tông là ông Vua có tu nên để lại nhiều tác phẩm về đạo rất nổi tiếng, như Thượng Tọa Trí Siêu là Mạnh Thát, nhà học giả Phật Giáo mới đây có cho xuất bản quyển Trần Nhân Tông toàn tập, ta đọc thì thấy rõ. Trần Thái Tông cũng thế, ông Vua này cũng muốn đi tu nhưng không bỏ ngôi được, vì quân sự Trần Thủ Độ ngăn cản; nhưng cũng đã sáng tác rất nhiều tài liệu về Thiền. Còn đa phần những ông Vua khác của Việt Nam không có một lịch sử hãn hữu như nhiều ông Vua khác của Trung Hoa hoặc Nhật Bản. Ngay cả vua Lê Thánh Tông là người hay chữ; nhưng cái giá trị văn học ấy chưa thoát ra khỏi biên giới của đất nước Việt Nam. Thế giới khi nghĩ đến Việt Nam đa phần nhờ chiến tranh mà họ biết, chứ không phải vì văn học hay vì một nền kinh tế lớn mạnh như Nhật mà họ phải lưu tâm.

Nhìn vào lịch sử Việt Nam và lịch sử Phật Giáo cũng thế, lúc nào cũng thấy chiến tranh cũng thấy tranh đấu. Thời gian đâu để xây dựng về văn học, nghệ thuật hay Tôn Giáo? Chỉ có 400 năm của triều Lý và triều Trần ở vào thế kỷ 11 đến 14 là ý nghĩa hơn cả. Gần đây Hà Nội đã khai quật được kinh đô Thăng Long của triều Lý và Trần; nên ta còn một chút hãnh

diện về nguồn gốc lịch sử của 1000 năm trước. Đó là nhờ công lao của dân chúng, vua, quan và nhất là Phật Giáo. Nếu không có Phật Giáo trong những triều đại này, phải nói rằng Việt Nam chúng ta chẳng có gì cả.

Tuổi trung niên ngày xưa người ta chia từ 35 đến 50 tuổi. Sau 50 tuổi là lão niên rồi. Đó là tuổi hưởng nhàn như các nhà nho Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Bình Khiêm v.v... họ chia đời họ ra làm 2 phần; một phần xuất và một phần xử. Xuất là học tập, thi đỗ đạt ra làm quan để đền ơn vua nợ nước. Sau đó thời kỳ hưởng nhàn yếm thế của cuộc đời. Họ xem cuộc đời như mây nổi, như chiêm bao, do vậy càng hưởng nhàn lâu bao nhiêu thì càng tốt; nhưng bây giờ tuổi về hưu là trung bình giữa 50 và 65. Do vậy ta có thể kéo dài cái thời gian của tuổi trung niên hơn, nghĩa là từ 35 đến 60 hoặc 65 tuổi. Trong 25 hay 30 năm của cuộc đời này sau thời gian thanh niên và trung niên năng động là thời gian có nhiều kinh nghiệm nhất. Đây là thời kỳ bước lên cao điểm nhất của cuộc đời, rồi bắt đầu bước xuống cái thang danh vọng mà mình đã tự bắc đi lên lúc tuổi còn ấu thơ cũng như tuổi thiếu và thanh niên.

Thời gian được gọi là người lớn có nghĩa là sau 18 tuổi và thời gian được gọi là người già theo người xưa là 50 tuổi và bây giờ 60 hoặc 65 tuổi. Trong suốt khoảng thời gian ấy người ta đã làm cho tiếng thơm của mình cũng lừng lẫy, đồng thời chính mình cũng đã làm cho mình khổ lụy vào thân về đường tình, đường công danh, nghề nghiệp v.v... bao nhiêu thành công là người ta phải đập lên biết bao nhiêu thất bại, phải có, trái có, tốt có, xấu có. Tất cả đều là 2 mặt của một cuộc

đời. Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Thế nào là tốt? Thế nào là xấu?

Ví dụ cha mẹ muốn người con gái ấy về làm dâu nhà mình. Vì cha mẹ nghĩ rằng người con gái ấy đoan chánh, đức hạnh. Trong khi đó ý kiến của con trai mình lại khác, nó không quan niệm đức hạnh là chính trong cuộc đời, mà sắc đẹp mới là chính. Do vậy dưới cái nhìn của cậu con trai này là người con gái ấy chẳng xứng đôi vừa lứa với mình. Vậy thì ai đúng và ai sai?

Có thể cả 2 cùng đúng mà cả 2 cùng sai. Cha mẹ đúng là vì cha mẹ đã thể nghiệm qua cuộc sống của cuộc đời này, đắng cay gian khổ đã nếm đủ mùi cho nên mới thấy rằng "cái nét kia mới có thể đánh chết cái đẹp" được. Nhưng người con trai thì không nghĩ thế, cha mẹ cổ hủ quá, vì cha mẹ già rồi làm sao biết tình yêu là gì? Luyến ái tự do là gì? Mà họ quên đi rằng chính cha mẹ cũng đã trải qua giai đoạn như thế, mới có cậu ta chứ. Do đó cậu ta đúng với cái nhìn của một thanh niên mà sai với cái nhìn từng trải của cha mẹ.

Sau đây là một câu chuyện mà tôi và Thầy Đồng Văn đã dịch trong Đại Tạng kinh quyển thứ 51 phần truyện của Ngài Huyền Trang sang tiếng Việt, xin viết lại để hầu quý vị.

Khi Ngài A Nan tuổi đã già rồi; nhưng Ngài vẫn muốn ở lại đời để tiếp tục giáo hóa chúng sanh. Vì sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài Ca Diếp đã làm nhiệm vụ đó và nay thì Ngài Ca Diếp đã thị tịch rồi; nên Ngài A Nan muốn tiếp nối con đường ấy để xiển dương Phật Pháp. Lúc đó Ngài A Nan đã 120 tuổi rồi. Một hôm Ngài vào trong rừng nghe một Sa Di học thuộc lòng một đoạn kinh mà Ngài nghe thấy chương cú đều sai, ý nghĩa không đúng; nên Ngài muốn sửa lại

cho đúng; nhưng Sa Di ấy bảo rằng: Sư Ông già rồi nên lẫn lộn, chứ Thầy con là một bậc cao minh trong thiên hạ, không thể sai được. Ngài A Nan nghe như thế nên mới than rằng: Dẫu ta có ở đời đến hơn trăm năm nữa thì cũng chẳng có ích gì. Do vậy muốn vội vào Niết Bàn. Đoạn văn ấy nguyên văn bằng tiếng Phạn như thế này:

**Kẻ sống cả trăm năm
Mà không biết pháp sanh diệt
Không bằng sống một ngày
Mà hiểu pháp sanh diệt.**

Sa Di đọc rằng:
**Kẻ sống cả trăm năm
Mà không biết con vịt nước
Không bằng sống một ngày
Mà hiểu con vịt nước.**

Chữ "pháp sanh diệt" và "con vịt nước" nó chỉ khác nhau có chữ m và n trong tiếng Phạn mà thôi. Thế là ý nghĩa nó sai đi rất nhiều.

Ngài A Nan buồn quá nên mới đi qua xứ Tỳ Xá Ly và đến nước Ma Kiệt Đà dùng thuyền để qua sông Hằng. Hai vua của 2 nước này một bên thì nhớ ân đức của Ngài A Nan nên đem 100.000 quân lính đến sau để nghinh đón. Còn vua xứ Ma Kiệt Đà vì biết Ngài A Nan cũng đi đến xứ mình cho nên cũng đem 100.000 quân lính đến cung nghinh. Khi đến bên bờ sông Hằng hai bên dàn quân ra hai phía Nam Bắc. Ngài A Nan sợ có đổ máu xảy ra nên dùng thần lực để bay lên hư không, dùng lửa Tam Muội để tự thiêu thân mình. Xá

lợi chia ra làm hai, bên Nam bên Bắc. Hai vua của 2 nước hoan hỷ mang xá lợi về làm tháp để thờ.

Một câu chuyện khác cũng rất có ý nghĩa được dẫn từ Đại Tạng rằng: Một hôm Đức Phật ngồi trên phiến đá ở thành Tỳ Xá Ly bảo với Ngài A Nan rằng:

- Một Đấng Đại Giác có đủ tứ thông thì có thể kéo dài tuổi thọ thêm một kiếp. Nay người nghĩ rằng ta sẽ thọ bao nhiêu?

Đức Phật hỏi 3 lần như thế; nhưng Ngài A Nan không trả lời mà làm thinh đi vào rừng, vì bị Thiên Ma mê hoặc rồi.

Khi đó Thiên Ma hiện ra và trả lời thế cho Ngài A Nan rằng:

- Tất cả những gì đã đợ, Ngài đã làm xong, đệ tử của Ngài đã thành tựu. Vậy mong Ngài hãy vào Niết Bàn.

- Đức Phật chống tay đứng lên khỏi mặt đất và hỏi Thiên Ma rằng:

- Đất trong móng tay của ta nhiều hay đất ở dưới mặt đất nhiều?

- Thiên Ma trả lời rằng: Đất ở trong móng tay của Ngài ít và đất ở dưới mặt đất nhiều.

Đức Phật tiếp:

- Cũng như thế đó, những gì ta đem ra dạy cho chúng đệ tử cũng như đất trong móng tay của ta thôi. Còn những gì ta chưa dạy giống như đất ở trong mặt đất vậy. Thôi được rồi, 3 tháng nữa ta sẽ vào Niết Bàn.

Ngài A Nan buồn khổ trở về lại thành Tỳ Xá Ly thì đúng như vậy - Đức Phật còn 3 tháng nữa sẽ nhập Niết Bàn tại Câu Thi Na thành.

Qua 3 câu chuyện, gồm 2 câu chuyện đạo và một câu chuyện đời. Bây giờ chúng ta thử lần lượt phân tích và sẽ đi đến một kết luận cụ thể hơn.

Về câu chuyện người con cãi lời cha mẹ - Anh ta nghĩ rằng anh ta đúng. Vì tình yêu dưới mắt anh ta chỉ có sắc đẹp. Còn cha mẹ không phải như vậy. Cho nên mới có mâu thuẫn trên. Người con trai vì chỉ chấp vào cái nhìn thiên cận của mình; nên chỉ thấy tình yêu qua lăng kính của sắc đẹp. Cha mẹ đúng nhưng thiếu giải thích, mà có thể giải thích lúc ấy cũng chẳng thành công. Vì người con trai của mình đã chấp chặt vào định kiến ấy rồi; chỉ trừ phi anh ta đập nát cái vỏ cố chấp ấy mới được; nhưng khi đập được cái vỏ vô minh ấy thì nó đã trễ quá rồi; nó sẽ đến cái tuổi của cha mẹ mình mới có kinh nghiệm được. Lúc đó mới thấy cha mẹ mình là đúng, mà hỡi ôi cha mẹ đâu còn nữa. Lúc bấy giờ chỉ có cách ngửa mặt lên trời để than thôi và đời kế tiếp sẽ lăn theo vết xe cũ như trước để đi lại con đường thiên lý ấy. Cứ thế và cứ thế dần trôi trong vô minh sinh tử.

Câu chuyện thứ 2 cho ta thấy cái nhìn qua chánh pháp của sự đúng và sai, của tốt và xấu. Ngài A Nan tuy lúc đó tuổi đã già; nhưng chắc chắn cái nhìn, nghe, thấy của Ngài là của một bậc Thánh. Vì Ngài đã chứng được A La Hán sau khi Đức Như Lai nhập diệt và vừa lúc kết tập kinh điển lần thứ nhất, do Ngài Ca Diếp chủ tọa tại động Thất Diệp, mà chính câu kệ đó Ngài đã nghe qua rất nhiều lần khi Đức Thế Tôn còn tại thế và mặc dầu thời gian trôi qua hơn 70 năm; nhưng chắc chắn một điều Đức A Nan không lầm lẫn được. Thế nhưng chú tiểu Sa Di ấy lại lầm. Thay vì phải học hỏi, nghiên tầm lại, đàng này thấy Ngài già nghĩ là Ngài sai.

Còn Thầy mình mới là đúng. Đây chính là mấu chốt của vấn đề. Khi bị chấp vào pháp thì sự chấp ấy không còn chơn thật nghĩa nữa. Cho nên Ngài A Nan dùng biện pháp yên lặng và nhập Niết Bàn là đúng. Vì nếu có giảng giải thêm bao nhiêu đi chẳng nữa thì trong đầu vị Sa Di ấy chỉ có sự chấp duy nhất là: "Su Ông đã già rồi, Su Ông làm lẫn, làm sao có thể bằng Su Phụ con được. Vì Su Phụ con còn trẻ minh mẫn hơn". Điều này rất đúng như trong kinh Kim Cang, Phật đã dạy rằng:

"Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp".

Nghĩa là: Chánh pháp còn phải bỏ huống gì phi pháp.

Đa phần chúng ta chấp vào phi pháp đã là sai mà chấp vào chánh pháp cũng chưa hẳn là đúng. Vì tất cả còn nằm trong chỗ chấp trước, mà kẻ hiểu biết là kẻ chấp nhận và biết đời này nó vốn không là gì cả. Thế thôi.

Đến câu chuyện thứ 3 cũng vậy. Đức Phật vẫn biết rằng Ngài A Nan lúc đó chưa đắc Thánh quả, sao Ngài vẫn hỏi và Thiên Ma đã mê hoặc Ngài A Nan?

Ở đây có thể hiểu là sau 49 năm thuyết pháp độ sanh. 12 năm đầu đã chẳng có chuyện gì xảy ra trong Tăng chúng cả. Nhưng từ đó về sau nào là chuyện của Ngài Đề Bà Đạt Đa, chuyện của Ngài Da Xá và còn vô số sự kiện khác nữa xảy ra trong thời gian Phật còn tại thế; nên Phật phải thị hiện như thế để cho con người biết rằng mọi vật trên thế gian này có sinh ra, có lớn lên, có già đi, ắt phải có chết và có mất mát. Dẫu cho Phật có thể ở lại đời này hơn một kiếp nữa (1 kalpa độ khoảng 7 triệu năm) hay Ngài A Nan có thể sống hơn 200 tuổi nữa mà cái chấp trước của chúng sanh vẫn bị

vô minh che tối thì khó có cách gì có thể liễu ngộ được lý vô thường cũng như nhân duyên sanh được. Cho nên Phật mới thị tịch Niết Bàn. Bởi vậy trong kinh Kim Cang Đức Phật dạy rằng:

"Như Lai giả, vô sở tòng lai, diệt vô sở khứ, cố danh **Như Lai**".

Nghĩa là: Như Lai chẳng từ nơi nào đến, lại cũng chẳng đi đến nơi đâu; nên có tên là Như Lai.

Vậy Như Lai, Phật là gì? Là những gì bất động, không đến, không đi, không còn, không mất.- Sở dĩ đến đi còn mất là do cái chấp trước của con người, chứ chẳng phải là ý nghĩa của Như Lai hay của Phật. Người ta đợi chờ nơi Phật, nơi Bồ Tát rất nhiều; nhưng ít ai hiểu rằng trong ta, trong mọi người đều có chất Phật và chất Bồ Tát ấy luôn luôn hằng hiện hữu. Cũng giống như thế - mặc dầu trong đất, trong cát không thấy vàng; nhưng nếu ra công đãi cát, đãi đất thì sẽ thấy vàng. Ở trong biển cả mênh mông vô tận ấy ta chẳng hề trông thấy được của báu; nhưng nếu chịu khổ công nhọc sức lặn hụp ở biển sâu thì ta sẽ nhặt được của báu. Những thứ này chính là Bồ Đề tâm của ta, Phật tánh của ta đó.

Sau 49 năm thuyết pháp độ sanh, Đức Phật cũng đã bảo rằng ta chưa từng nói một lời nào cả. Vì sao vậy? Vì trong kinh Kim Cang, Ngài dạy:

"Thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh **thuyết pháp**".

Nghĩa là: Thuyết pháp nghĩa là chẳng có pháp nào để nói, đó có tên là thuyết pháp.

Vì sao vậy? Vì tất cả đều là pháp, là Phật Pháp nằm sẵn trong tâm tay ta, trong đời sống của ta. Đâu có phải chờ Phật ra đời, chờ các Pháp Sư thăng tòa

mới gọi là thuyết pháp. Pháp đã đương và sẽ có. Những gì Phật đã nói, đương nói và sẽ nói chỉ là những gì lặp lại mà thôi, giống như ta tìm lại nhà cũ để về chứ chẳng cần phải xây một ngôi nhà giác ngộ khác nữa.

Phật đến 80 tuổi Ngài cũng phải vào Niết Bàn. Ngài A Nan, ông Tu Bạt Đà La 120 tuổi cũng là một thọ mạng quá cao. Còn chúng ta ngày nay sống trên quả địa cầu này có không biết bao nhiêu niềm vui và nỗi buồn lẫn lộn vào với nhau và muốn sống càng lâu càng tốt. Tìm đủ mọi thứ thuốc để được sống lâu hơn. Với tuổi 60 người ta gọi là thọ, 70 là trung thọ, 80 là thượng thọ và 90 trở lên là thượng thượng thọ. Nhưng trên bàn thờ kia có không biết bao nhiêu người trẻ họ phải chết; chắc chắn rằng họ muốn sống lắm chứ? Con kiến, con sâu còn thể hà hướng con người? Ta muốn sống nhưng ta luôn tìm cách giết kẻ khác để cung phụng cho thân mình thì làm sao mình có thể sống lâu hơn được. Vì trên cuộc đời này chẳng ai hy sinh cho ai cả, mà mọi người phải tự trả nghiệp cho sạch để thoát vòng sanh tử. Còn kẻ nào muốn linh đình qua ải thần phù thì xin tự nhiên từ từ đến sau cũng chẳng muộn.

Ngày 21 tháng 11 năm 2003, Từ Vũ con anh chị Quảng Ngộ báo tin sinh được một cháu trai thì Hạnh Giới, Hạnh Giả đóng vai là cậu ruột vui lắm. Nói cười lớn tiếng và có lẽ anh Quảng Ngộ, chị Diệu Hiền trong lúc ở Việt Nam và ở Đức cũng sẽ rung đùi là mình đã lên chức ông bà ngoại rồi đó. Chỉ một ngày sau thôi và đúng 24 tiếng đồng hồ chứ không hơn không kém, từ Việt Nam anh Quảng Ngộ điện thoại qua Đức báo tin là bà cụ thân sinh anh, tức Sa Di Ni Huệ Chánh đệ tử của

Ni Sư Diệu Chỉ chùa Bảo Vân ở Sài Gòn vừa từ nhà đến chùa lễ Phật, sau khi dùng sáng ngày 22 tháng 11 lên giường nằm rồi ra đi luôn, hưởng thọ 84 tuổi. Tin buồn đưa đến, ai cũng lo toan. Ở Việt Nam đang lo chuẩn bị nhập liệm, rồi cúng kiến, đưa tang. Ở ngoại quốc thì lo truy niệm, tụng kinh, phục tang v.v... kẻ ở Đức, người ở Úc, kẻ ở Việt Nam, người ở Mỹ. Kẻ đi học, người đi làm. Kẻ đang sinh, người đang bệnh... Thế là tất cả nỗ lực phải dồn vào một việc là đám tang. Như vậy sự vui hôm trước và sự buồn hôm sau nó có ý nghĩa gì và hiện tượng này nó đã lặp đi lặp lại nhiều lần chứ đâu phải một lần trong kiếp nhân sinh của trần thế?

Hạnh Giả còn cho biết là ngày 22 tháng 11 năm 2003 này là ngày mất của Nội, đồng thời cũng là ngày giỗ của Ngoại đúng 3 năm và cũng đúng vào ngày này. Điều ấy nghĩa là sao? Tại sao nó là như vậy mà nó không phải là khác hơn? Từ đây sẽ có nhiều lỗi rẽ của đường đời nữa. Anh em sẽ hòa thuận hơn qua việc ra đi của cô Huệ Chánh, mà cũng có thể nhiều việc đáng tiếc xảy ra hơn nữa. Vì của cải chia không đồng đều. Gia đình này đã có tất cả, giàu có trước và sau năm 1975. Con cái của họ bây giờ đã là Bác Sĩ, Kỹ Sư, Tiến Sĩ v.v... chẳng thiếu cái bằng nào. Nhưng xem ra thì thế hệ thứ 2 này nó không còn tha thiết gì đến tài sản, của cải ở Việt Nam mà ông bà cha mẹ chúng đã khó nhọc gây nên và cũng khó nhọc để nghe thị phi với nhau trong thời gian mấy chục năm trường, để rồi thế hệ con cái ở hải ngoại nó thấy rằng cha chú nó không đúng cho nên chúng tự đứng riêng ra để nhìn về tương lai, mà không muốn dính mắc gì với quá khứ.

Cái chết nào cũng là sự mất mát của mình và của người thân. Do vậy hôm qua (22.11.03) Hạnh Giới dùng cơm tại Tu Viện Đa Bảo ở Úc bảo rằng sao cái tay của con nó run quá, chiều đó nghe tin bà nội mất và cũng may là bà nội đã biết cháu mình mặc dù đã đi tu; nhưng cũng đã xong Tiến Sĩ rồi. Sau khi Tiến Sĩ là gì nữa thì đổ ai mà biết được; nhưng mừng để rồi ra đi như thế, chắc là cũng mãn nguyện lắm rồi?

Năm 1986 khi tôi đang ngồi chấm bài thi giáo lý của các Phật Tử nhân mùa An Cư Kiết Hạ tại chùa Viên Giác ở Đức, bỗng nhiên mí mắt của tôi nó giật nhiều lần. Bỏ viết xuống để chặm nước mắt và khi ngẩng lên thì được một cái điện tín từ Việt Nam do cô Như Viên đánh sang là thân phụ tôi đã từ trần vào ngày mùng 8 tháng 7 năm ấy. Chỉ còn mấy ngày nữa là đến lễ Vu Lan. Tôi đã đi xuất gia từ năm 1964, xa gia đình từ thuở ấy, ít có về nhà thăm. Trong suốt thời gian hơn 22 năm ấy có lẽ tôi chỉ thăm gia đình chừng 10 lần. Năm 1972 đi ra ngoại quốc và năm 1974 có về thăm lại Việt Nam, lúc ấy có gặp thân phụ tại Hội An một lần nữa rồi thôi. Thế mà khi người thân ra đi, có những niềm báo trước như vậy.

Có nhiều người già nghĩ rằng mình bị bỏ rơi, nhất là những người đang sống trong Viện Dưỡng Lão. Có nhiều người hy vọng nơi con cái mình nhiều quá nên mới khổ tâm, ngày đêm đợi chờ nó đến thăm; nhưng chẳng ai đoán hoài. Lúc ấy sinh ra buồn chán, ghét đời giận người; nhưng đâu có ai tự hiểu rằng tất cả đều do nghiệp lực mà có sự hiện hữu này chẳng và cũng đâu có ai biết rằng con cái, vợ chồng đều là những oan gia trái chủ trong nhiều đời; nên đời này phải vay và phải trả. Nếu chấp nhận được như vậy thì đỡ đau khổ lắm

rồi. Ở đây tuổi già có rất nhiều thì giờ: nếu không biết dùng thì giờ ấy vào việc tu học, đi chùa, tụng kinh niệm Phật hoặc có một niềm vui nào khác thì dễ sinh ra nhàm chán. Vì mình lúc nào cũng thấy bị bỏ rơi. Đó là tâm lý chung của mọi người; nhưng nếu là người hiểu đạo ta phải có cách sống khác như trong kinh Kim Cang đã dạy rằng:

"Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc"

Nghĩa là: Cái tâm ở quá khứ không thể nắm bắt được, cái tâm hiện tại cũng không nắm bắt được và cái tâm vị lai cũng không thể nắm bắt được.

Cái tâm của mình mà mình còn không thể làm chủ được, huống gì mình muốn làm chủ kẻ khác, ngay kẻ ấy là chồng mình hay con mình cũng như những người thân cận nhất trong gia đình mình.

Chương này tương đối hơi dài so với các chương trước; nhưng nó là sự thật trong cuộc đời như bao sự thật khác mà ta nên đứng thẳng người và nhìn vào để chấp nhận mọi lúc và mọi phía về những quan niệm cũng như thành kiến về sự tốt cũng như sự xấu, mà dưới mắt của thế gian này tất cả nó cũng chỉ có tính cách tương đối mà thôi.

Chương Năm

Thế nào là một đời sống đạo đức?

Ở bất cứ một trường học nào của các quốc gia trên thế giới cũng đều có dạy môn này.

Ngày xưa tại Việt Nam ở bậc tiểu học có dạy môn: Công Dân Giáo Dục hay Đức Dục. Cứ mỗi sáng Thầy Cô giáo trước khi dò bài học sinh đều viết lên bảng đen một câu cách ngôn hay tục ngữ. Ví dụ:

- Tiên học lễ, hậu học văn
- Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây
- Nhơn bất học bất tri lý, ngọc bất trắc bất thành khí, ấu bất học lão hà vi?

- Bầu ơi thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn
v.v...

Còn rất nhiều câu rất hay, tuy ngắn gọn; nhưng nội dung rất súc tích, nhằm trường dưỡng cái tâm của đứa bé khi bước vào lớp; khi trở về nhà phải chào Thầy như thế nào, phải thưa cha mẹ như thế nào trước khi đến trường và sau khi từ trường về v.v... Người ta trước khi học chữ, phải học lễ nghĩa. Đó là cái đạo làm người ngày xưa. Bây giờ có thể khác. Câu "trọng Thầy mới được làm Thầy" ở nhà trường ít có thực hiện. Học trò bây giờ xem ông Thầy nhiều lúc chẳng ra gì cả. Còn Cô giáo thì khổ tâm hơn. Nếu bị

học trò gheo, nhiều lúc bỏ dạy. Cái "học đường là lò đúc nhân tài" ấy ngày nay nó biến thái rất nhiều rồi.

Ở bậc Trung Học người ta vẫn còn dạy môn Công Dân Giáo Dục và Đạo Đức Học. Ở Nhật ngay cả khi lên bậc Đại Học vẫn còn học môn học đạo đức của người lớn để ứng dụng vào đời khi phải cần xử sự với thế nhân. Khi nhỏ nếu không đi học, lớn lên chẳng biết làm gì là một câu châm ngôn rất hay, để khuyên rằng chúng ta ai ai cũng phải đi học và "không Thầy đồ mầy làm nên" là lẽ đương nhiên. Cái gì không có Thầy mà mình làm được thì ở đây có 2 lối giải thích :

- Một là làm bậy, không đâu vào đâu cả
- Hai là mình quá thông minh biệt chúng, không cần Thầy mình vẫn có thể hơn người.

Do đây mà có người thường hay nói: Phật tại tâm, đâu cần phải đi chùa mới có Phật. Câu nói ấy đúng chứ không sai; nhưng cái tâm này theo Chu Tử nói: "nó lại bèn bồng" khó giữ cho cái tâm này ở nhà cho yên tĩnh để trở thành Phật được. Đây là lý do mà đứa bé cần phải đi đến trường và cả người lớn cũng phải như thế nữa. Người tín đồ phải đi chùa. Dĩ nhiên đối với Phật Giáo không bắt buộc; nhưng nếu để được đủ tư cách thì phải thêm điều kiện ắt có phía trước là vậy. Thử hỏi ai trong chúng ta có ai không đi học mà biết chữ đâu? Và có ai trong các vị Tổ Sư, các vị A La Hán, các vị Bồ Tát, các vị Phật không hạ thủ công phu, không tu hành nghiêm mật và thành được những bậc khó có trong đời ấy đâu?

Con người mà không có học là không biết cái đạo lý trong cuộc đời. Cái lý đó không phải là cái lý của kẻ mạnh được yếu thua, mà cái đạo lý, cái luân lý, cái thuần phong mỹ tục. Cái ấy đẹp đẽ như bông hoa, như

mùi hương là những thứ mà nó thể hiện trọn vẹn ở một cái thân cây sần sùi để mang hương sắc đến tô điểm cho đời. Còn ta cũng vậy, tuy rằng sống trong thế trần nhiều nhiễu nham này; nhưng cũng có thể mang cái học, cái đẹp của đời của đạo để dâng hiến cho đời thì cuộc đời kia mới thêm tươi mát chứ? Trong kinh có câu rằng:

"Nhứt nhơn tác phước thiên nhân hưởng
Độc thọ khai khoa vạn thọ hương"

Nghĩa là:
Một người làm phước ngàn người hưởng
Một cây trở hoa mười ngàn cây được thơm
lây.

Đó là cây phước đức, cây nhân nghĩa, cây hồng, cây thực dục, cây vạn thọ, cây dạ lý hương, cây hoa quỳnh v.v...

Ngọc dầu quý đến đâu mà không giũa không mài nó cũng không thể sáng và đẹp được. Phải siêng năng, phải dụng công. Cũng như thế đó tâm ta dầu là có Phật tánh đi nữa cũng phải luôn luôn lau chùi thì tánh Phật kia mới sáng. Ta và Phật khác nhau rất nhiều; nhưng giống nhau ở tánh Phật. Cũng giống như sóng và nước không giống nhau; nhưng giống nhau ở tánh ướt. Lửa và củi không giống nhau; nhưng giống nhau ở tánh nóng. Nếu không có củi thì lửa sẽ không cháy; nếu lửa không có thì củi cũng trở trời một mình. Trong cái này nó chứa cái kia và trong cái kia nó chứa cái nọ. Không có vật nào là tự sinh và chẳng có vật nào sống độc lập cả. Ta không thể sống một mình

trong thế gian này được. Dầu là kẻ sinh ra sống trong rừng không cần đến quần áo để mặc; nhưng phải cần nước để uống, trái cây và thú rừng để ăn. Nếu không thì sẽ chết và một cái gọi là cá thể độc lập ấy nó chẳng có ý nghĩa gì cả với hệ luận dây chuyền của cuộc sống này.

Ngôn ngữ chữ Hán nó biểu hiện trọn vẹn được những định nghĩa này nên tại đây chúng ta có thể nghiên cứu tìm hiểu đến ý nghĩa của 2 chữ Đạo (道) và chữ Đức (德).

Chữ Đạo chỉ có 2 bộ ghép lại. Đó là bộ Sước (过) và bộ Thủ (首). Bộ Sước (过) có nghĩa là chột đi, chột dừng lại, ý nói có lúc di động, có lúc đứng lại. Bộ Thủ (首) có nghĩa là: đầu, như chúa, chức Tổng Thống, Thủ Tướng, kẻ Trùm trường, trước nhất, một thiên bài (thơ). Định nghĩa chung chữ Đạo (道) là con đường cái thẳng, một đạo lý mà ai cũng phải noi theo cái lẽ nhất định ấy.

Đức (德) có bộ sách (彳) và 4 chữ sau là thập (十), tứ (四), nhất (一) và tâm (心). Bộ sách (彳) có nghĩa là bước ngắn, bước chân trái gọi là sách, bước chân phải gọi là xúc. Chữ thập (十) là mười; chữ tứ (四) là bốn; chữ nhất (一) là một và chữ tâm (心) là tim, là chỗ nghĩ ngợi, tư tưởng, trong 28 sao có một vì sao tâm và cũng có nghĩa là cái gai nữa. Chữ tâm

(心) này mới là mấu chốt của vấn đề. Cũng cái tâm ấy nó thành Phật thành Tiên, mà cũng cái tâm ấy làm cho con người bị đọa lạc trầm luân khổ ải. Như vậy chữ Đức (德) có nghĩa là đạo đức là cái đạo để lập thân, đức hạnh, thiện, cái khí tốt. Ngày xưa khi còn nhỏ để học thuộc chữ này cho dễ dàng chúng tôi đặt thành bài thơ 2 câu để diễn tả chữ ấy thì sẽ thuộc ngay và không bao giờ quên được.

Con cu nó đậu nhành mè (bộ sách)

Chữ thập (十) chữ tứ (四) nhứt (一) đè chữ tâm

(心).

Đó là chữ Đức. Như vậy Đạo Đức có nghĩa chung là con đường đạo lý mà con người muốn lập thân phải noi theo cái lẽ nhất định ấy. Đó là Đạo Đức (道德). Vậy thì ai muốn lập thân, muốn làm lớn, muốn trở thành kẻ dẫn đầu chúng sanh, cầm đầu thiên hạ thì không thể không đi trên con đường đạo đức ấy được. Mà cái đạo đức ấy ngày xưa phải là: tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Bây giờ thì ngược lại thân không tu, gia không tề mà lo đi trị quốc và bình thiên hạ trước. Cho nên xã hội nó đảo điên, gia đình ly tán là phải.

Nếu Phật không chế ra giới luật thì Tăng Ni, Phật Tử ngày nay lấy đâu mà tu hành, mà đầu tiên bản thân của Ngài phải là người mô phạm trước. Ngài đã là một bậc Thầy của Trời và Người rồi đó, ai ai cũng đều quy ngưỡng; nhưng Ngài luôn khuyên chúng ta rằng: nên

nương vào ngón tay để thấy mặt trăng, chứ đừng làm ngón tay là mặt trăng. Mặt trăng mới là chân lý, không thay đổi. Còn ngón tay chỉ là phương tiện, có thể xê dịch qua lại, cho nên chớ làm. Bởi vậy Phật dạy rằng:

**Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhơn hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai.**

Nghĩa là:

**Kẻ nào dùng hình tướng để thấy ta
Dùng âm thanh để cầu ta
Kẻ ấy hành tà đạo
Không bao giờ thấy được thực tướng của
Như Lai.**

Xem đó thì phương tiện và mục đích nó khác nhau nhiều lắm. Đến đích rồi thì bỏ phương tiện, không cần nhắc nhở đến nữa; nếu chỉ cố chấp vào phương tiện thì mình vẫn bị quay cuồng trong sanh tử, chứ khó thoát khỏi bến mê. Bởi vậy mà Lục Tổ Huệ Năng đi trốn củi trong rừng để kiếm tiền nuôi mẹ già người họ Lư, khi nghe đến câu: "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" trong kinh Kim Cang liền ngộ ngay là vậy. Nghĩa là "nên sanh cái tâm này vào nơi không có chỗ". Nơi không có chỗ là nơi nào? Là nơi Niết Bàn Diệu Tâm, là nơi tu nhi vô tu, hành nhi vô hành và chứng nhi vô chứng đó. Đó mới thật là đạo đức chân thật của cuộc đời.

Cái đạo đức của một con bò, con ngựa là nhờ hàng rào kẽm gai rào chung quanh thửa ruộng cho nên nó không ăn lúa và hoa màu của những đám đất

chung quanh. Cái đạo đức của con ngựa, con voi là có nhờ dây cương và người nài. Còn cái đạo đức của con kiến là gì? Nó biết thương đồng loại nó lắm đấy. Dĩ nhiên là chỉ loài kiến của nó mà thôi, chứ loài kiến khác là nó cắn liền. Tôi ở Tu Viện Đa Bảo này trên núi rừng có cơ hội để xem những con kiến nó làm tổ, chuyên chở đất và tìm thức ăn cho mình thì mới thấy cái ý chí và cái đạo đức của nó cũng cao lắm đấy. Khi chúng tha được con mồi thì chúng cùng khiêng với nhau, khi vào hang chẳng biết thế nào, chắc chắn là chúng ăn chung với nhau chứ; nhưng được một cái là nó chung sức chung lòng. Còn con người thì chắc là khác? Khi được miếng mồi ngon và lớn như thế đa phần chỉ muốn giữ riêng cho mình. Rồi tôi quan sát chúng chuyên chở đất từ dưới lên trên miệng hang. Con nào cũng siêng năng chuyên chở, chẳng có con nào nạnh hẹ với nhau cả. Chỉ có một bầy kiến nhỏ vậy thôi mà nó un thành một ụ cao giữa sân như vậy, thử hỏi nó siêng năng biết là đường nào?

Khi chúng tôi về ở và nhập thất nơi đây lúc nào cũng thấy những con chim lạ, con két, con sáo chúng nó luôn luôn đi có bầy và ít nhất cũng là 2 con chứ ít đi một mình. Khi chúng thấy mình thân cận thì nó gần gũi đến xin ăn, ca hát cho mình nghe. Lúc ấy người và vật không còn nghi kỵ, sợ hãi với nhau nữa. Nghĩa là đã có một lòng tin là những người này không bắt nó làm thịt.

Mỗi chiều khi ăn cơm xong chúng tôi đem thức ăn thừa ra để ngoài gốc cây trong rừng cho thú vật. Mỗi sáng ra chúng tôi quan sát thấy chúng ăn sạch nhẵn và rất gọn gàng. Thức ăn nhiều lắm; nếu một con ăn thì con vật ấy ắt phải lớn lắm mới ăn hết đồ ăn như

vậy. Nhiều lúc tôi nghĩ là con beo rừng, vì thấy dấu chân lưu lại lớn lắm; nhưng Hòa Thượng Bảo Lạc và Thầy Phổ Huân thì bảo là con Kỳ Đà. Mà con Kỳ Đà và rắn mối ở xứ này cũng rất lớn. Có lần tôi bắt gặp ở chùa Pháp Bảo và Thầy Phổ Huân thấy nó ở Đa Bảo này dài cũng 8 tấc đến một thước là ít. Nơi đây có rất nhiều giống vật lạ. Chúng còn hồn nhiên với thiên nhiên lắm. Không biết một mai đây khi con người giành hết đất của chúng rồi, thì chúng ở nơi đâu và lấy gì để ăn mà nuôi thân? Các nhà sinh vật học nói rằng ngày xưa những con khủng long rất lớn, như bây giờ chúng ta còn thấy những bộ xương của chúng trong Viện Bảo Tàng vậy; nhưng trải qua mấy triệu năm chúng biến thể để trở thành con rùa và con cá sấu, rất nhỏ, không to lớn như ngày xưa nữa. Xứ Úc này cũng có những con vật lạ lùng như thế. Bởi vậy con Kanguru tiếng Tàu kêu là con Đại Thử tức là cái túi lớn, chứ không có chữ khác để dùng khi gọi con vật này bằng tiếng Tàu.

Còn đạo đức của người Phật Tử là gì ?

Khi trở thành một người Phật Tử thì nên quy y Tam Bảo và giữ ngũ giới. Đây là nền tảng của một con người có đạo đức. Ví dụ:

Giới thứ nhất ta không giết hại chúng sanh mà còn mua những con vật, con cá để phóng sanh. Hoặc giả ta ăn chay cốt giúp cho lòng từ bi tăng trưởng. Đó là cái đạo đức, cái tình thương đối với muôn loài.

Giới thứ hai không trộm cướp như vàng bạc của quý báu, hoặc nhỏ nhặt như cây kim sợi chỉ, người ta không cho thì mình không lấy. Đó là cái đạo đức ngay thẳng của con người. Hoặc giả đi làm việc không trễ

giờ, không cân non nói già v.v... đều là những căn bản đạo đức của con người.

Không tà dâm cũng thế. Chính mình muốn có hạnh phúc thì mình không thể và không nên phá hạnh phúc của kẻ khác để mình được vui. Mình phải đóng vai mình là người kia thì thử hỏi sự khổ sở phải chịu đựng biết là đường nào. Nhưng nhân quả không lâu, mình sẽ gặp lại là nhà mình, con cái mình, vợ mình sẽ có tâm lang chạ, làm cho gia đình ly tán, tình nghĩa vợ chồng sẽ đổ vỡ.

Giới thứ tư không được nói dối cũng thế. Nếu nói chỉ lợi cho mình mà hại người thì không nên nói; nhưng đa phần ai cũng muốn mình đúng chứ đâu có ai nghĩ rằng mình nói sai hay phần sai phải về mình; nhưng đã gọi là cán cân công lý, tuy vô hình nhưng nó cũng tự động xê dịch để cho tương đương với lẽ phải. Khi mình hại người, trước sau gì cũng sẽ có kẻ hại mình. Do vậy mà làm hoặc nói việc gì cũng nên thận trọng để ý.

Giới thứ năm là không được uống rượu cũng thế. Tuy rượu không phải là sát sanh, trộm cắp, tà dâm; nhưng rượu là nguyên nhân gây ra không biết bao nhiêu là tội lỗi khác. Từ việc say sưa mà nhận định sẽ sai lầm và từ sai lầm này sẽ kéo sang sai lầm khác; khiến cho gia đình ly tán. Tình nghĩa vợ chồng không còn đầm ấm như lúc ban đầu nữa.

Đây là cái hàng rào đạo đức của con người. Nếu ai giữ tròn nhân cách ấy thì đời đời qua lại chốn nhân thiên sớm thành Phật quả. Nếu không làm được như thế cũng chẳng ai nhân danh là gì để bắt mình phải vào địa ngục, mà chính mình phải vào để trả những nợ xưa mình đã gây và như thế vòng luân hồi sanh tử từ

sanh vẫn luôn luôn còn bám sát theo đuổi mãi không cùng.

Đối với người xuất gia giới luật còn nhiều hơn thế nữa. Đây cũng là những giá trị đạo đức cần phải có để giữ gìn và trở thành kẻ mô phạm cho trời người. Nếu không làm như thế, người xuất gia cũng đâu khác gì một người bình thường; do vậy cần phải đứng đắn, là một nhà mô phạm để hướng dẫn mọi người thì phải đi thẳng theo một đạo lý đã được vạch ra như thế. Người xuất gia thời Đức Phật cũng vậy đã có nhiều người làm việc sai trái vì nghiệp duyên và ngày nay cũng thế; nhưng đã là con người, chưa là thánh nhân, do vậy chúng ta không thể đứng hoàn toàn được. Bởi vậy Đức Phật dạy rằng: "Trên thế gian này chỉ có 2 hạng người đáng để ý. Đó là hạng người không bao giờ gây ra lỗi lầm và hạng người biết lỗi lầm của mình rồi ăn năn sám hối". Hạng người thứ nhất chắc chắn không phải là chúng ta rồi. Còn hạng người thứ hai xem ra thử có mặt chúng ta nơi đó không? Có lẽ thỉnh thoảng có mà cũng thỉnh thoảng không. Vì chơn tâm của chúng ta đi dạo chơi nơi khác. Do vậy mà trần cảnh mới dấy động lên những si mê và ngã chấp về còn mất, tốt xấu, có không, hơn thua, lợi danh v.v...

Tôi được nghe 4 câu hò xứ Huế thấy hay hay và ý nghĩa vô cùng:

***Trăm năm trước thì ta chẳng có
Trăm năm sau có cũng như không
Cuộc đời sắc sắc không không
Trăm năm chỉ một tấm lòng Từ Bi.***

Đúng là như vậy, khi cha mẹ mình chưa sinh ra mình, mình đâu có biết mình mặt mũi là ai. Rồi trăm năm sau nữa, khi mà đã thi thố chiến đấu với cuộc đời này bằng danh, bằng lợi, bằng tiền, bằng tình; nhưng cuối cùng rồi cũng 3 tác đất để vùi lấp xác thân ấy thôi. Đâu còn ai nhắc lại mình của trăm năm trước nữa? Đúng là cuộc đời này nó như thế. Có lúc này, có lúc kia, lúc còn lúc mất mà những lúc như thế đúng là sắc sắc không không chứ gì? Ngày qua là tử phú mà ngày nay trắng tay và ngày mai sẽ được thêm hạnh phúc, ngày một lại mất đi, chẳng có cái gì chắc thật cả.

Mến nhau, thương nhau chỉ có tấm lòng mà thôi. Tấm lòng ấy chính là đạo đức của con người đó. Tấm lòng ấy là: giàu không đổi bạn, sang không đổi vợ. Bao giờ cũng vậy, núi sông, non nước, tình người. Dầu cho có trở thành là người gì đi chăng nữa thì trước sau vẫn vậy. Có làm quan, làm tướng, làm Tổng Thống, làm Vua thì căn bản vẫn là con người và con người đó phải có đạo đức thì thiên hạ mới noi theo; nếu không, chưa chắc gì mãi bền vững.

Cái đạo đức ấy được biểu hiện qua cách chăn dân trị nước của vua Lê Lợi qua lời khuyên của Quân sư Nguyễn Trãi là: "**Dân giống như nước. Kẻ lãnh đạo giống như thuyền. Chính nước đó sẽ chở thuyền đi đến nơi đến chốn và chính nước đó sẽ lật thuyền**". **Mà** đúng vậy, khi Lê Lợi lên làm vua sau 17 năm nằm gai nếm mật để chiến đấu với quân Minh vào đầu thế kỷ thứ 15, ông ta phải ý thức rõ ràng cái đạo đức của Vua tôi là: "Dân vi quý, Xã tắc thứ chi, quân vi khinh". Nghĩa là, có dân rồi mới có vua, cho nên phải coi dân là quý. Không coi dân là trọng mà xem dân như con mình nên gọi là quý. Sau đó mới đến sơn hà xã tắc.

Dân còn đói rách, đất nước làm sao an vui? Do vậy mà con người là trên hết. Ông vua nào, chính quyền nào không lo cho con người, tức ông vua đó và chính quyền đó sẽ thất bại.

Rõ ràng ông vua sẽ là địa vị sau cùng cho nên gọi là quân vi khinh; chứ không phải dân vi khinh. Sau khi nắm quyền bính trong tay rồi và nhất là có tiền bạc, thế lực to lớn chẳng ai mà muốn từ bỏ hết. Xưa nay nhân loại đều như thế cả, mà kẻ nào dám từ bỏ ngai vàng như Đức Phật, như vua Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Lý Huệ Tông v.v... để đi xuất gia học đạo thì kẻ đó ta phải cúi đầu bái phục, chẳng có lời lẽ ý tứ nào để biện bạch hơn nữa. Cái mà người ta đang có mà người ta từ bỏ mới là khó, chứ cái chưa có, người ta đi tìm cho nó có, nó không phải là điều khó. Có và không, không và có vẫn là những sự kiện hiển nhiên rõ ràng trong cuộc đời; nhưng mấy ai chấp nhận nó một cách dễ dàng?

Ngạn ngữ Ả Rập có câu rằng: "Khi tôi sinh ra trong cuộc đời này mọi người đều cười để mừng tôi ra đời trong khi tôi lại khóc, để rồi suốt khoảng thời gian 30 năm, 50 năm hay dẫu 100 năm, một ngày nào đó tôi phải ra đi với trạng thái hồn nhiên buông xuôi hai tay về nơi chín suối, thì mọi người chung quanh tôi đều khóc". Thế là cuộc đời bắt đầu bằng tiếng khóc, rồi nụ cười và phải làm sao đó để kết cuộc mình tự mỉm cười với mình lúc ra đi để mọi người chung quanh mình khóc, nhằm tiễn đưa mình qua bên kia bờ của cuộc sống.

Đó là cuộc đời; nhưng mấy ai biết rằng khi đưa trẻ sinh ra chưa biết gì mà đã biết tham đâu. Đó là sự thật. Vì biểu hiện của đưa trẻ là nắm bàn tay lại, chứ

đâu có đứa trẻ nào khi sinh ra lại xòe bàn tay cho cha mẹ hay mọi người xem đâu. Nếu có, thì đứa bé ấy sẽ là một Thánh Nhân. Vì mới sinh ra đã biết buông bỏ tất cả rồi.

Từ thời vua Nghiêu vua Thuấn bên Trung Hoa cách đây 3, 4 ngàn năm về trước cũng như thế. Các ông vua này là những ông vua minh quân hiền đức; nhưng con cái của các ông không có người nào xứng đáng để truyền, do đó ông đã truyền ngôi cho người hiền, người có đạo đức, chứ không phải là con của mình. Đó là con người có cái đức để trị dân và cùng thời đó có câu chuyện của Hứa Do, Sào Phủ cũng vậy. Một ông vì chữ Hiếu mà vào rừng ở ẩn không chịu ra làm quan, khiến cho kẻ có quyền lực phải đốt rừng, ông Sào Phủ đang làm tổ ở trên cây phải chịu chết trong rừng để tròn hiếu đạo chứ chẳng nhảy xuống khỏi cây. Ông Bá Nha Tử Kỳ cũng thế. Ông Tử Kỳ đang cho trâu uống nước ở hạ lưu của sông, khi nghe ông Bá Nha bảo rằng: Có người mời Tử Kỳ ra làm quan thì Tử Kỳ lên bên trên dòng sông để rửa cho lỗ tai không muốn nghe những điều thị phi ấy nữa. Chốn triều đình là gì, chẳng phải là nơi luân cúí? Nơi đó có điện ngọc, ngai vàng mà chính nơi đó nhiều khi gian thần, nịnh thần nhiều hơn trung thần. Ai đóng vai là kẻ trung thần để giữ tròn được tiết tháo và đạo đức của kẻ sĩ?

Ngày xưa khi mà Lê Mạt Nguyễn Sơ, bà Huyện Thanh Quan, cụ Nguyễn Du đã đau đớn biết bao khi thấy nước nhà tan nát, nhân tâm ly tán, đạo đức suy đồi nên mới có bài Thăng Long Thành Hoài Cổ hay một tác phẩm đặc sắc của Truyện Kiều qua tác phẩm Thanh ***Tâm Tài Tử truyện mà với ngòi bút thần kỳ***

của Cụ Nguyễn Du, đã đem tâm sự của mình gởi gắm vào tác phẩm này và cũng do đã đọc được mấy ngàn lần bộ kinh Kim Cang mới rõ được hết chân lý của vũ trụ vạn hữu và mới sáng tác được một tác phẩm giá trị đã hơn 200 năm rồi mà âm hưởng vẫn còn đâu đây như cái đạo đức làm người ấy vẫn mãi còn trong tâm khảm của mọi người con dân nước Việt mình.

Một Đặng Trần Thường, một Ngô Thời Nhậm ở vào thời điểm nhà Nguyễn Tây Sơn đã bại, nhà Nguyễn Gia Long đã thắng và cũng đã khẳng khái để giữ được cái tiết tháo, cái đạo đức của mình khi làm tướng và đã đối đáp như sau:

Ai công hầu, ai khanh tướng; trong trần ai, ai dễ biết ai

Để đối lại rằng:

Thế chiến quốc, thế xuân thu, gặp thời thế, thế thời phải thế.

Hoặc giả Trần Bình Trọng đời nhà Trần, cách đây cả 800 năm, khi ông bị quân Nguyên Mông bắt thì ông có trả lời một câu rất khẳng khái rằng: "Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc" đã là một bài học đạo đức đáng giá hơn ngàn vàng. Cũng chừng 45 năm trước, khi tôi còn ngồi ghế tại trường Tiểu Học Xuyên Mỹ, Duy Xuyên thuộc tỉnh Quảng Nam, đã học thuộc lòng bài này và xin chép lại đây để hầu quý vị. Bài học ấy có tên là Trần Bình Trọng.

***Trần Bình Trọng anh hùng ngàn thu trước
Đem tấm thân bầy thược chống sơn hà
Mãi lo đền nợ nước với tình nhà***

**Trong tâm khảm nặng tình yêu Tổ Quốc
Nhưng than ôi tài trai dầu thao lược
Hùng thiêng kia không địch một bầy hồ
Vi sa cơ nên bị bắt cầm tù
Tan mộng đẹp anh hùng đành thất thế
Lũ giặc thấy người tài nên rất nể
Đem quan sang trước trọng dụ Ngài hàng
Quân bầy lắm dầu dăng cả Ngai vàng
Khó lay chuyển vì lòng ta thờ cố quốc
Hễ bắt được ta thôi chớ nói gì lâu
Cứ đem chém ta không hề than tiếc
Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương
đất Bắc.**

Đó là cái dũng của một vị tướng nơi sa trường của ngày xưa chứ không phải "được làm vua, thua làm giặc" như bây giờ. Bây giờ tuy sống trong một nước có nhiều văn minh về vật chất hơn ngày xưa; nhưng các dũng khí, cái tiết tháo ấy hầu như không còn nữa. Khi được khi thua vẫn là chuyện bình thường trong cuộc đời, đâu có gì phải hận trời hận người mà sinh ra một loại giặc để quấy phá thiên hạ? Phải có cái Đức của Thánh Nhân, cái Đạo của con người bình thường thì mới soi rọi nội tâm của mình được. Nếu không, chúng ta cũng chỉ là những người "tham sanh, hủ tử" - nghĩa là tham sống, sợ chết mà thôi.

Con người ai chẳng biết sự sống là quý; nhưng phải sống như thế nào mới là điều đáng quý. Nếu sống chỉ để mà sống và trở thành chặt đất trên quả địa cầu này thì quả thật sự sống ấy nó không có giá trị đạo đức và nếu có kéo dài sự sống ấy ra bao lâu đi chăng nữa, thì cũng chỉ để cho thể nhân nguyên rửa mà thôi.

Gương kim cổ vẫn còn đó, mong rằng chúng ta hãy tự rút ra những bài học đạo đức ngày xưa để làm kim chỉ Nam trong cuộc sống của mình.

Chương Sáu

Thế nào là một cuộc sống không đạo đức?

Việc xấu của con người, của tập thể hay của xã hội tôi thường quan niệm rằng nó giống như những thùng rác nhỏ, trung bình hoặc độ lớn khác nhau. Đã gọi là rác rưởi thì nên đem chôn nó cho đỡ hôi, đỡ thối, không nên bươi móc tìm tòi nhiều hơn nữa. Cuối cùng rồi cũng chẳng có lợi ích gì.

Tuy nhiên đứng trên phương diện giáo dục thì không được phép như thế. Nếu không có rút ưu khuyết điểm của mọi sự kiện, mọi vấn đề thì con người khó bề mà tiến xa hơn được, nhất là về phương diện đạo đức. Một Bác Sĩ cũng thế, trước khi chữa bệnh cho bệnh nhân, phải biết thân chủ của mình đã bị bệnh gì và nguyên nhân của căn bệnh do đâu mà có thì mới có thể chữa trị được. Bằng không, chỉ có giá trị mặt nổi như xoa bóp vết thương cho đỡ đau, chứ chưa thể trị tuyệt căn bệnh được.

Những nhà nghiên cứu về Phật học người Anh như Rhy David hay Đức Schoppenhauer ở vào thời điểm của 200 năm về trước, hầu như họ đều quan niệm rằng Đạo Phật là một đạo yếm thế, tiêu cực. Vì dưới cái nhìn của Đức Phật theo họ cái gì cũng khổ đau, vô thường; nhưng bây giờ thì Âu Châu đã nhìn Phật Giáo dưới một nhãn quan khác và họ đã đánh giá giáo lý của Đạo Phật như sau: "*Buddhismus ist weder optimistisch noch pessimistisch, sondern realistisch*" - Nghĩa là Đạo Phật không những chẳng yếm thế tiêu cực mà còn thực tế nữa. Vậy thì chỉ 200 năm thôi. Tại sao lại có cái nhìn thay đổi ấy? Nguyên nhân là các nhà nghiên cứu, các nhà học Phật nghiên cứu về Tứ Diệu Đế ở mặt nổi thì rõ ràng là thế. Đầu tiên là thấy 8 sự khổ của sanh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tẩn hội, ngũ ấm xí thành khổ ... như thế rõ ràng là bi quan rồi. Sau đó Đức Phật nói về nguyên nhân nào đưa đến sự khổ đau. Kế đến là làm thế nào để chấm dứt sự khổ đau và cuối cùng là 8 phương pháp, 8 chân lý giúp cho con người thoát ly sinh tử luân hồi.

Đứng về phương diện y học mà khảo cứu, ta thấy Đức Phật như một vị Bác Sĩ, đầu tiên nói ra bệnh trạng của bệnh nhân. Đó là những thứ khổ và sau đó tìm hiểu những nguyên nhân, những chủng tử nào đã huân tập nên những bịnh khổ ấy. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn bắt mạch cho thuốc và cuối cùng khi bệnh nhân lành bịnh thì thăng tiến trên một lộ trình dài. Muốn khỏi bệnh phải ngăn ngừa bệnh bằng cách giữ thân và tâm được thanh tịnh để thoát ly cảnh sanh tử của trần gian.

Đứng về phương diện triết lý thì rõ ràng Đức Phật là một nhà triết học, một nhà luân lý học, một nhà đạo đức học. Khi nhìn con người, không thể khóa lấp bằng những lời hay tiếng khéo mà phải thực tế đi vào cuộc sống của con người, vạch ra những đường kim sợi chỉ đâu là nguyên nhân tác hại đã làm cho con người bị nghiệt ngã, rồi từ đó mới cho đời những thang thuốc trị liệu khác nhau để nhân sanh khỏi đau khổ nữa.

Đứng về phương diện đạo đức học thì đây là giáo lý căn bản của Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa và Kim Cang Thừa, là nền móng của mọi Tông phái. Chưa có một tông phái nào đi ra khỏi những lời dạy căn bản đầu tiên ấy. Tinh thần Đại Thừa là tinh thần khai phóng, cởi mở, vượt lên. Do vậy mà nó đã thăng hoa từ sau khi Phật nhập diệt 700 năm và vẫn còn tồn tại mãi mãi cho đến ngày nay trên khắp năm châu bốn bể này. Rồi tinh thần Kim Cang Thừa khi Phật Giáo được du nhập vào Tây Tạng, Bhutan, Mông Cổ v.v... nó đã đi sâu hơn vào tâm thức của con người để xiển dương rộng thêm tinh thần căn bản của Tiểu Thừa và tinh thần khai phóng của Đại Thừa. Tất cả đều bổ sung cho nhau chứ không chống trái nhau.

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 của Tây Tạng là hiện thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Ngày nay Ngài là một vị lãnh đạo tinh thần của Phật Giáo Tây Tạng nổi tiếng khắp thế giới về lòng từ bi, hòa bình và quan niệm về hạnh phúc đối với nhân sinh, dựa trên căn bản của giáo lý Phật Giáo. Đi đâu và lúc nào Ngài cũng giảng cho đại chúng về Tứ Diệu Đế và từ đó con người làm sao tìm ra được một hạnh phúc chân thật để làm hành trang đi vào cuộc đời, mới là vấn đề quan trọng. Còn giảng cao hơn thì đã có những khóa nghiên tu khác.

Tôi đã có lần tham dự tu học một tuần lễ với Ngài về phép tu Lamrin. Có nghĩa là tu theo phép tiệm giáo, tu từ từ, từ thấp đến cao, từ dễ đến khó. Đầu tiên Ngài dạy về Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, sau đó đến 37 phẩm trợ đạo, rồi Bồ Tát Đạo, rồi Mật Tông và cuối cùng của ngày thứ bảy là vào nơi Mạn Đà La của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Nhìn người tu, người thế gian hay hiểu sai về hành hoạt của họ. Nghĩ rằng họ yếu thế, chán đời. Thật ra không phải vậy. Chính người xuất gia là kẻ thương đời thật sự họ mới đi tu và với quan niệm cứu đời khi thực hành Bồ Tát hạnh đó, chính là một sự thực tiễn chứ không phải là chán đời.

Trong Đại Tạng phần Túc Sanh truyện có kể việc thực hành Bồ Tát Hạnh của Đức Phật trong vô lượng kiếp về trước như sau:

"Thuở xa xưa ở cõi trần này có 3 con vật rất hòa hoãn vui vẻ sống chung với nhau. Đó là con Thỏ, con Cáo và con Khỉ. Một hôm Đế Thích mới giả làm một người già và bảo với con Khỉ và con Cáo rằng: Hai chúng mày rất tốt với nhau. Còn con Thỏ thì đi đâu rồi? Ta đang đói, ta muốn có gì ăn, chúng bay có thể giúp ta được chăng?"

Khi Cáo nghe như thế liền nhảy xuống nước bắt cá đem dâng cho ông lão và Khỉ đi kiếm trái cây về dâng lên cho ông lão. Lúc ấy chưa thấy phần của con Thỏ. Người ấy mới hỏi rằng Thỏ ở đâu? Lúc ấy từ trong bụi rậm nhảy ra bảo rằng: Các anh nên chạy khỏi nơi đây đi. Vì lão tiều phu ấy không hiền với các anh đâu. Đoạn Thỏ nhảy vào lửa để hiến dâng thịt mình cho lão. Đế Thích thấy như thế liền lượm xương cốt

làm tháp để thờ. Con Thỏ ấy chính là tiền thân của Đức Phật".

Con vật mà còn như thế, thì thử hỏi con người ta phải cư xử ra sao đây?

Một người sống không có đạo đức được gọi là kẻ ấy đạo đức giả. Kẻ đạo đức giả là kẻ sống ngược lại với những người sống có đạo đức mà chương trước đã nêu. Bây giờ chúng ta thử tìm hiểu một vài câu chuyện sau đây để biết thế nào là đạo đức giả.

Cũng câu chuyện trong Đại Tạng kinh thuộc phần Túc Sanh truyện kể như sau:

"Có một người thợ săn, anh ta vào rừng thấy một con voi có 2 cái ngà rất lớn và đẹp; nhưng không có cách nào để săn. Một hôm anh ta rình xem đời sống hàng ngày của voi kia. Thấy có hôm voi mang trái cây đến dâng cho một vị tu sĩ đang tu gần đó. Người thợ săn này rất đắc ý, về nhà thay đổi y phục và mặc áo nhà tu rồi vào rừng ngồi dưới gốc cây ấy. Voi nhìn chiếc áo và cứ nghĩ rằng: đó là vị Sa Môn đáng kính bấy lâu nay; nên đã đến gần dâng trái cây. Nhân cơ hội đó người thợ săn bắt được voi, đoạn chặt ngà".

Câu chuyện chỉ đơn giản có thế; nhưng ở đây ta lấy ra được bài học gì?

Ai trong chúng ta cũng phải kết luận rằng người thợ săn kia là một người thiếu đạo đức. Vì bình thường không thể chinh phục được voi, chỉ có giả dạng chiếc áo mới thành công, thì quả thật đây là kẻ thiếu lương tâm và đạo đức của con người; nhưng ở thế gian này cũng có lắm người muốn mình được đóng vai người thợ săn như thế để được lợi, được danh, được tài sản của cải; nhưng cuối cùng chỉ chuốc lấy sự nguỵên rủa của cuộc đời mà thôi.

Cũng như thế ấy có nhiều người Cộng Sản lợi dụng chiếc áo nhà tu để phá hoại người tu, chứ đã là một người tu chân chính thì không thể là Cộng Sản được. Ví như người thợ săn thì rõ. Anh ta luôn luôn muốn có lợi; nên bất kể là phương tiện nào, miễn anh ta đạt được mục đích. Đó vẫn là chủ trương của người Cộng Sản lâu nay. Đa phần thì người đời nhẹ dạ tin theo sự giả dạng của người Cộng Sản như con voi đã tin làm ông thợ săn kia mặc chiếc áo nhà tu vậy thôi. Còn một bậc tu hành chân chính thì quyết không thể để cho ai lợi dụng và bị người khác lợi dụng cả.

Mới đây có câu chuyện là có một nhà sư đi từ Bắc vào chùa Vĩnh Nghiêm ở Sài Gòn có mang thuốc phiện. Ở đây cũng có thể là do Cộng Sản chủ trương để chứng minh cho mọi người biết rằng các ông tu hành cũng đâu có tốt đẹp gì, cũng tham lam, vị kỷ mà còn phạm vào luật tử hình của nhà nước nữa. Từ đó họ có cơ hội để đi đàn áp các Giáo Hội, kể cả Giáo Hội Phật Giáo của Nhà nước bây giờ chứ không phải chỉ riêng cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất mà thôi và cũng có thể kẻ kia là một người thường vì ham lợi cho nên giả dạng người tu để đi buôn bán thuốc phiện để có lợi nhiều hơn và hẳn ta nghĩ rằng mặc chiếc áo nhà tu chắc ít ai để ý đến, cũng giống như người thợ săn đã lợi dụng chiếc áo nhà tu để dối gạt con voi kia.

Viết đến đây tôi lại nhớ một câu chuyện cách 10 năm về trước. Một hôm tôi từ Mỹ về Hòa Lan, rồi từ Hòa Lan về Đức. Trên xe lửa ai cũng không bị soát mà chỉ có một mình tôi là bị soát tung hết tất cả hành lý, từ quần áo cho đến những vật dụng cá nhân; những người ngồi chung quanh tôi cũng thấy ái ngại. Sau đó

họ cảm ơn rồi đi. Lúc đó tôi cũng hơi bực mình. Vì chẳng biết lý do tại sao. Đoạn có một bà Đức ngồi bên cạnh đưa cho tôi một tờ báo để đọc và chỉ cho tôi xem một tí lớn: "Những bà Soeur giả dạng mang hàng trăm kí-lô heroin vào Pháp và Hòa Lan". à, té ra là vậy! Họ thấy tôi mặc đồ nhà tu, họ cũng nghĩ rằng tôi là những người như thế; nên đã bị lục soát hơi bời; nhưng cuối cùng vẫn thấy hay hay. Vì đó là bản phận của cảnh sát biên giới và đó là lỗi của những người giả dạng, chứ mình có gì đâu mà phải buồn. Vậy rồi thôi, mọi chuyện đã qua đi.

Gần đây ở trong nước báo chí hay đăng câu: "Đạo Pháp, Dân Tộc, Chủ Nghĩa Xã Hội". Nghe nó "dị hợm" và chói tai. Cái chủ nghĩa xã hội ấy là một quái thai của thời đại, là một đứa con lai, là đứa con mà 2 cái đầu, 4 cái chân nhưng bị dính vào nhau chỉ có một thân hình. Vậy là cái chủ nghĩa ấy cần phải giải phẫu để tách rời ra. Nó không thể nhập nhằng như thế được. Hóa ra lâu nay cái chủ nghĩa ấy nó không nằm trong dân tộc, cho nên bây giờ nó phải đứng riêng ra một cụm từ như vậy.

Nói như Chủ tịch nước Trung Quốc Hồ Cẩm Đào là dân chủ theo định nghĩa của chủ nghĩa xã hội, hoặc Cộng Sản Việt Nam vẫn hay nói tư bản theo chủ nghĩa xã hội. Làm sao lại có những định nghĩa nhập nhằng như thế được? Nếu định nghĩa như thế cũng có nghĩa là: cái đầu suy nghĩ theo chủ nghĩa tư bản, còn 2 chân thì di chuyển chậm chạp, ăn theo như chủ nghĩa xã hội? Như vậy đó là một xã hội gì? Có phải một xã hội tới không tới mà lùì cũng chẳng được chẳng?

Còn dân chủ là dân chủ chứ không thể định nghĩa khác được. Đó là cái quyền làm chủ của dân nơi lá

phiếu của họ, họ muốn bầu ai đại diện cho họ lên làm Dân Biểu, chứ đâu phải như Dân biểu Quốc hội ở xứ mình. Có nhiều ông Dân biểu là Hòa Thượng; nhưng khi vào Quốc Hội họ, chẳng bênh vực được một tiếng nói nào cho những chùa bị đập phá, bị lấn đất xây nhà; những cơ sở từ thiện của Giáo Hội như trường học, nhà thương, cô nhi viện đã bị tước sạch mà các ông Nghị Phật Giáo này ngồi trong Quốc Hội ấy để làm gì? Đại diện cho ai và vì ai mà ngồi đó? Như vậy cái quyền đại diện cho dân để nói lên tiếng nói của dân nó nằm ở chỗ nào?

Do vậy một người tu chân chánh có đạo đức không thể là một người Cộng Sản được. Vì lẽ Cộng Sản đâu có tin luân hồi nhân quả và họ đã cho Tôn Giáo là thuốc phiện của nhân dân kia mà và so ra những học thuyết của họ nó không xứng đáng là học trò của xã hội tư bản thì làm sao có thể sánh vai với Phật Giáo là một tôn giáo của dân tộc đã có mặt suốt gần 2000 năm lịch sử với nước nhà rồi. Còn họ là những người sinh sau đẻ muộn mới 70 tuổi đời đã đi dạy lại cho những cụ già thọ gấp mấy chục lần như thế. Cho nên tốt nhất hãy vứt bỏ cái chữ Chủ Nghĩa Xã Hội ấy đi thì nó có duyên hơn. Một người đã biết luân hồi, nhân quả thì không thể chấp nhận lý thuyết của Cộng Sản được. Hai đường thẳng song song ấy không bao giờ gặp nhau được. Bây giờ có thể có một loại định nghĩa khác là những đường thẳng ấy cấu tạo bằng những hình khối và hình lập phương chứ không phải mặt phẳng, thì ý nghĩa có khác đi; nhưng chắc chắn nó không thể tồn tại lâu dài được. Đó là đạo đức của con người và là một phi đạo đức của một xã hội thời đại như thế.

Báo chí trong nước gần đây có đăng rất nhiều tin làm chấn động lương tâm của con người. Từ đó mới có thể đánh giá cái giá trị của Đạo Đức dưới thời cai trị của Cộng Sản thuộc xã hội chủ nghĩa Việt Nam nó tàn bạo, ức chế như thế nào.

Chuyện kể rằng công an đã đột nhập vào nhiều chỗ quay heo, quay gà và quay vịt, bắt đi hàng loạt người phạm pháp. Lý do là heo, gà, vịt ấy đã bị chết vì bệnh; những nhà buôn này mua những con vật bệnh ấy về ướp hàn the, xông ngũ vị hương, bôi tẩm bột lên, sau đó cho quay và đem đi bỏ mồi cho các tiệm buôn. Dĩ nhiên là kết quả người tiêu thụ phải lãnh đủ, chứ người bán thì cứ phè phỡn hót tiền, một vốn, bốn lời. Một công việc làm như thế là một công việc có đạo đức chăng? Nhà nước thì sao? Công an cũng nghèo nên có được lót tay tiền trà nước thì cũng êm đi. Như vậy là dân chủ ở xã hội chủ nghĩa sao?

Lại có chuyện những cô gái quê 14, 18, 20 tuổi vì nhà nghèo nên bị các bà mối dụ lên thành phố để có công ăn việc làm. Nghe như vậy các cô ham. Vì chữ hiếu phải lo cho cha mẹ già hoặc cho em ăn học nên các cô bằng lòng đi; nhưng khi đi lên Sài Gòn công ăn việc làm đâu chẳng thấy, chỉ thấy bị bán mình cho tú bà và trở thành gái lầu xanh bất đắc dĩ. Vậy cái đạo đức nó nằm ở chỗ nào? Họ là con nhà lương thiện, mà bây giờ ra nông nổi này. Thôi thì một liều ba bảy cũng liều. Đời họ coi như tàn rồi. Đâu còn nữ tướng Bùi Thị Xuân hay những văn sĩ lịch lãm như bà Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm và bà Huyện Thanh Quan nữa. Cái thời mất nước, mất chủ quyền ấy về một dòng tộc khác, thế nhưng các bà vẫn còn có cái quyền của con người để nói lên tâm tình hoài cổ của mình. Còn cái

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ấy nó huênh hoang tự đắc là bách chiến bách thắng, đang độc lập, hòa bình, tự do, hạnh phúc đấy; nhưng con người sao mà đáng cay đoạn trường như vậy?

Ngày xưa Kiều của cụ Nguyễn Du đã vì chữ hiếu bán mình chuộc cha để rồi lâu xanh 3 lượt, thanh lâu mấy lần, cũng đã có không biết bao nhiêu bút mực và quan điểm viết về chữ hiếu của nàng Kiều. Người thương thì ít, người chê thì nhiều. Còn bây giờ ở một cái xã hội nó đang được độc lập đấy, mà cái nhân phẩm của con người như vậy thì thử hỏi cái nhà nước ấy nó có xứng đáng để đại diện cho dân chúng? Đó là chưa kể ngày nay cái chế độ ấy nó xuất cảng hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn con người bằng da, bằng thịt đi lao động trên thế giới để mang ngoại tệ về cho nhà nước, mà ngày xưa khi nghe đến 2 chữ xuất cảng thì người ta chỉ nghĩ đến bò trâu, heo gà, cá mắm, gỗ, lúa gạo v.v... chứ không thể là con người. Thế mà dưới thiên đàng Chủ Nghĩa Xã Hội lại có đấy! Đó là một cái xã hội gì? Khó mà định nghĩa cho đúng. Đúng là một xã hội vô đạo đức, vô lương tâm, chứ không phải là một xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh nước của mình là nước Lào, Cao Miên và Thái Lan ngày xưa người ta phải triều cống mình nào: vịt xiêm, chuối xiêm, dứa xiêm, ớt xiêm v.v... còn bây giờ mình sắp hàng làm chư hầu cũng chưa xứng đáng. Trong khi các quốc gia này nhờ Phật Giáo mà phát triển và ngày nay họ cũng tiến nhanh như thế giới, chứ họ có bị chậm tiến đâu. Đạo Phật ở những nước này là quốc giáo. Trong khi đó tại Việt Nam những Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ về tuổi đời họ cũng đáng cha chú những người

đang cầm quyền, về việc đạo họ chẳng có tội gì, chỉ ngoài một tội yêu nước thương dân muốn nói lên tiếng nói trung thực của cõi lòng để được sống, được làm con người đầy đủ với ý nghĩa của nó. Có khí trời để thở tự do, có chùa viện để ở, có tín đồ để hoằng hóa. Đâu có ai muốn cướp chính quyền để làm gì mà họ sợ! Ngày xưa cho tới bây giờ đã có biết bao nhiêu ông vua bỏ ngôi vị của mình để đi tu, chứ đâu có người Tăng sĩ nào bỏ nơi giải thoát của mình để trở lại chốn đọa đầy nơi trần thế đâu? Họ muốn chế độ xin cho và ban phát. Nhưng ở đây không có gì để phải xin hết cả; nhất là 2 chữ tự do, ai cũng phải có quyền có. Đã gọi là đầy tớ nhân dân; nhưng bây giờ phải bảo là chế độ đầy đọa nhân dân mới đúng. Vì dân càng ngày càng nghèo và chính phủ càng ngày càng giàu.

Những bậc nhân tài học giả lỗi lạc như Thượng Tọa Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Trí Siêu, Ni Sư Trí Hải v.v... cũng đã bao phen vào tù ra khám. Họ là những người trí thức của Phật Giáo, trí thức của dân tộc mà còn bị bẻ cong ngòi viết, không cho sáng tác, đập hết bảng đen không cho lên bục giảng để dạy học. Thử hỏi cái chế độ đó nó ngu dân như thế nào? Trong khi người dốt thì nắm quyền, còn kẻ tài ba lỗi lạc lại bị chôn vùi trong quên lãng.

Thế giới có đạo đức nó ngược lại. Họ trọng nhân tài. Bằng chứng là xứ Mỹ, Canada và Úc này, nếu ai đó muốn di dân vào đây thì ưu tiên một là những người đã tốt nghiệp đại học, sau đó là những người giàu có và những người có nghề chuyên môn. Vì sao vậy? Thế giới loài người lâu nay vẫn trọng nhân tài, trọng đức chứ đâu có ai tôn thờ bạo lực đâu? Tần Thủy Hoàng, Thành Cát Tư Hãn, Napoléon, Hitler ngày nay đâu còn

nữ; những giấc mộng đế vương ấy chỉ còn là cát bụi mà thôi. Nếu có còn chỉ là tiếng xấu ở đời lưu danh cho hậu thế, chứ chẳng được gì. Thế mà đã có không biết bao nhiêu người bán rẻ lương tâm và cái đạo đức căn bản làm người để tích chứa vàng bạc của cải cho riêng mình, còn miệng thì hô hào chủ nghĩa xã hội. Với sự quân bình của vũ trụ, đô-la Mỹ sẽ trở về Mỹ, tiền Euro sẽ trả về cho Euro. Chỉ có người dân thấp cổ bé họng càng ngày càng khổ sở nhiều hơn mà thôi.

Ngày xưa những việc dở xấu như vậy đều gán ghép cho người phụ nữ. Bằng chứng là chữ gian (姦)

viết bằng 3 chữ nữ (女) nghĩa là 3 người đàn bà hợp lại có nghĩa là gian xảo, gian dâm, kẻ ác, gian dối, can phạm v.v... Việc ấy ngày nay người đàn ông cũng đã can phạm vào quá nhiều rồi; nhất là ở chính trường và chiến trường cũng thế. Trong khi đó người phụ nữ chịu nhiều nỗi oan khiên.

Chữ Điều (鬪) có nghĩa là chọc ghẹo nhau, điều cáng thì có 2 chữ nam (男) đứng 2 bên một chữ nữ (女). Điều ấy cũng có nghĩa là 2 người đàn ông tranh nhau một người đàn bà, mà đôi khi cũng có nghĩa là không đứng đắn là người đàn bà ấy luôn luôn có 2 người đàn ông bên cạnh. Ý nghĩa tốt hoặc xấu ở đây không bàn; nhưng phạm là những việc như thế đều có sự can dự của người đàn bà và cả người đàn ông nữa.

Đôi khi giảng giáo lý cho các học sinh, sinh viên Đức tại chùa Viên Giác, tôi vẫn thường nói rằng: Ở Đức bây giờ cái gì cũng đắt hết, chỉ trừ có một món rất rẻ, đó quý vị biết là món gì? Mọi người trân trố nhìn

nhau và hỏi là món gì? - thì tôi trả lời là: Đạo Đức. Các em lại xịu mặt xuống. Người học trò bây giờ đi học không còn nghe lời cha mẹ và Thầy giáo nữa mà muốn học cho nhanh để có cái nghề trong tay để đi làm kiếm tiền tiêu riêng, hoặc giả trông cho đủ 18 tuổi sẽ ra ở riêng sống xa cha mẹ gia đình để được tất cả sự tự do. Ở Âu Mỹ ngày nay cái gì cũng bị tư nhân hóa hết, ngay cả tình yêu và tình thương cũng vậy. Đây là cái phòng riêng, đây là chiếc xe riêng, đây là cái máy riêng v.v... và v.v... tất cả những gì riêng thì gọi là tốt. Trong khi đó ngày xưa các cộng đồng người Á Châu trong đó có Việt Nam chúng ta cái gì chung mới là tốt. Ví dụ như ông bà cha mẹ, con cái mấy đời ở chung nhau dưới một mái nhà. Con mới sinh ra nằm chung với mẹ, chứ không ở riêng như tại Âu Mỹ. Con mà không bú sữa mẹ thì cái tình mẹ con nó không còn là: "Chuối ba hương và đường mía lau" được.

Báo chí ngày nay cũng đề cập đến vấn đề ly dị hàng ngày. Ngày nay có nhiều nước kết hôn ít hơn là ly dị. Vậy thì những đứa trẻ sinh ra đó ai sẽ thừa nhận? Xã hội à? Còn tình thương và trách nhiệm đối với con cái ra sao? Một xã hội muốn cho bền vững thì đạo đức cá nhân là căn bản. Nếu cá nhân sống một cuộc đời không có đạo đức thì sẽ sản xuất tiếp tục những sản phẩm khác cũng vô đạo đức như vậy. Cứ thế mà cộng thêm, nhân lên; chứ ít có trừ đi hay chia bớt. Do vậy các nhà đạo đức học ở đây cũng đang cố gắng làm sao tạo dựng cho con người có môi trường và lối sống có đạo đức hơn.

Có những vấn đề thực tế trên cuộc đời rất khó thực hiện được mà cũng có những giấc mơ khiến cho mình trở nên lo lắng. Mới tối hôm qua đây (23.11.2003)

trong 5 canh tôi có 4 giấc mơ rất lạ lùng, chẳng biết là điềm lành hay dữ. Dĩ nhiên là tôi không và chưa bao giờ lưu tâm đến; nhưng tại sao trong A Lại Da Thức của mình có thể huân tập những chủng tử như thế được?

Canh một tôi mơ thấy Hạnh Tấn, Thầy ấy bảo rằng: không được đâu, không được! Tôi hỏi cái gì không được thì Thầy ấy im lặng. Lúc ấy tôi thấy Thầy ấy ngồi bên cạnh tôi.

Canh hai tôi mơ thấy một số quý Sư Cô, có vị ra đời rồi bây giờ tu lại đang đứng ở một bàn thờ của chùa nào đó để chuẩn bị cúng cho một Sư Cô mà ai cũng chẳng nhớ tên họ người chết. Tôi đang lo đi hỏi thì phía trước mặt lửa đang phụt cháy. Có người đứng ở đó rất đông mà kêu ai cũng chẳng chịu tắt lửa. Thế rồi có một người bùng lửa chạy ra và mỗi người một tay, ngọn lửa kia đã diệt.

Canh ba tôi mơ thấy Hạnh Vân, Như Tịnh, Như Tú và một số quý Thầy khác chỉ mặc áo vàng thôi, đi đâu về và lên chánh điện đánh lễ, tôi thấy da của ai cũng sạm nắng, tôi hỏi từ đâu về, mọi người lại làm thinh; nhưng dáng vẻ có niềm an lạc.

Canh năm tôi mơ thấy Hòa Thượng Trí Nhãn là Sư Phụ của Thầy Hạnh Chánh đang đứng ở hiên chùa chờ tôi đi đến báo tin một đám ma, mà tôi nhớ ra không phải là nhiệm vụ của mình.

Đó là 4 giấc mơ của một đêm và chưa kể trưa hôm trước mới vừa chớp mắt đã thấy mình bị gãy một cái răng cửa hàm trên, lúc thì không chảy máu, lúc thì có máu.

Trong chủng tử của mình gồm cả thiện lẫn ác, xấu lẫn tốt; nó đan xen với nhau. Do vậy mà A Lại Da

Thức được gọi là: Năng tàng, sở tàng và ngã ái chấp tàng là vậy. Nghĩa là hay chứa, bị chứa và chấp vào cái ái để chứa. Như vậy từ vô lượng kiếp cho đến nay và mãi mãi về sau nữa cũng thế. Chỉ khi nào cái sự hiểu biết, hoặc những giấc chiêm bao chìm hay nổi đó nó không còn nữa, chuyển qua Đại Viên cảnh trí thì cái trí tuệ ấy mới là cái trí tuệ miên viễn của cuộc hành trình sinh tử này.

Những tốt, xấu, khen, chê, còn, mất, lợi danh v.v... rồi tất cả cũng sẽ bị chôn vùi vào dĩ vãng. Chỉ một thời gian ngắn thôi. Nhưng có một điều chắc chắn không thể mất đi đó là bia miệng của thế gian. Cho nên người xưa nói rằng:

"Trăm năm bia đá thì mòn
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ"

Mong rằng những gì trái với đạo đức bên trên, chúng ta lấy đó làm gương, không nên cho tái phạm và quyết chí trở thành một người gương mẫu để đời đạo noi chung.

Chương Bảy

Quan niệm tốt xấu theo cái nhìn của một nhà giáo dục

V iết đến chương này tôi nhớ lại những ngày tháng còn đi học tại trường Nhật ngữ ở Nhật cũng như những năm tháng học giáo dục tại Đại Học Teikyo (帝京大學) và Cao Học tại Đại Học Viện Risso (立正大學院). Tiện đây xin ghi lại một số trang để nhớ lại những gì mà tôi đã học được ở đó trong thời gian từ ngày 22 tháng 2 năm 1972 đến ngày 22 tháng 4 năm 1977. Thời gian chỉ vỏn vẹn hơn 5 năm; nhưng trong hơn 5 năm đó đời tôi đã bước qua những ngõ rẽ rất khác thường, không trông đợi, không có kế hoạch, không chờ mong, không hứa hẹn. Thế mà chúng cứ đến, cứ lướt qua trên đời mình, rồi hôm nay đây ở nơi thanh vắng chốn núi rừng này nhớ lại mà cũng lấy làm vui.

Đó là ngày 22 tháng 2 năm 1972, với một tấm vé máy bay một chiều của Thầy Bảo Lạc cho, tôi đã mua từ Sài Gòn đến Đông Kinh. Trên đường đi có ghé Hồng Kông và Đài Bắc. Đi bằng Vietnam Airline. Thời đó Air Vietnam bay đến Tokyo là chuyến bay xa nhất của Á Châu. Còn Âu Châu chỉ có Air France và Mỹ Châu thì

Panam bay. Tấm vé máy bay ấy không ngờ là tấm vé định mệnh và tôi cũng còn giữ phần vé gốc cho đến ngày nay, ngay cả số ghế ngồi. Một kỷ niệm không bao giờ quên. Mặc dầu mùa hè năm 1974 tôi có về thăm lại quê hương một tháng; nhưng chuyến đi ấy cũng bình thường thôi.

Tôi đến Nhật ban đầu nhờ Thầy Như Tạng và Thầy Chơn Thành giúp đỡ cho chỗ ăn chỗ ở. Một hôm Thầy Chơn Thành dẫn tôi đi công việc và đọc cho tôi nghe là mình đi từ nhà gare Gotanda đến nhà gare Shinjuku thì xuống. Lúc ấy tôi chỉ đọc được chữ Hán, chữ được chữ mất. Nhà gare Gotanda đọc chữ Hán là Ngũ Phản Điền (五返田), còn nhà gare Shinjuku đọc

chữ Hán là Tân Túc (新宿). Tôi lầy làm lạ mới hỏi Thầy ấy. Sao mà Thầy tài quá vậy? Chữ Ngũ Phản Điền tại sao lại đọc Gotanda? Thầy ấy cười rồi mua vé và bảo rằng: học từ từ sẽ biết chứ sao. Sau đó tôi về nơi ở trọ của Thầy, thấy nhà cửa gì thấp bé, đi đặng đầu và chẳng có chỗ tắm, tôi hỏi Thầy đang học gì thì Thầy bảo rằng: đang học chương trình tu sĩ khóa trình của Đại Học Risso. Mới đầu tôi không tin và bảo rằng: mình là tu sĩ thì học tu sĩ làm gì nữa và cái tên của Đại Học sao mà nghe nó giống Jean Jacques Rousseau quá vậy? Thầy ấy bảo chương trình tu sĩ là chương trình cao học, tức hậu đại học đó. Còn chữ Risso (立正) là Lập Chánh - nghĩa là lấy ý nghĩa từ chữ : Lập Chánh An Quốc Luận (立正安國論) của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn (日蓮聖人) sáng tổ

của tông Nhật Liên Tông có từ thế kỷ thứ 13 kia. Khi mà quân Mông Cổ sang xâm chiếm Việt Nam thì chúng cũng đánh đến Nhật. Ngài Nhật Liên mới viết luận này dâng lên tướng quân Hòjō Tokigori (Bắc Điều Thời Lại); nhưng tướng quân và thuộc hạ lúc bấy giờ bác bỏ. Do vậy bị đày đi đảo Satonăm 1257. Sau đó thì mọi việc xảy ra giống như Ngài tiên đoán. Vì thế ngày nay người ta lấy tên bộ luận ấy đặt tên cho Đại Học này.

Một hôm tôi gặp Thầy Trí Quảng cùng đi lên dốc ở Shibuya để đến nhà bác Quảng Phụng. Bác ấy sau này đã xuất gia và bây giờ là Thượng Tọa Thích Trí Nguyên trụ trì chùa Linh Sơn tại Pháp. Thầy Trí Quảng hỏi tôi là: Đố Thầy Như Điển con đường dốc tiếng Nhật gọi là gì? Nói đúng tôi sẽ thưởng. Lúc đó tôi đang học tiếng Nhật nên bí rì. Sau này mới biết, gọi là Sakamichi (返道) đâu có khó khăn gì. Sau đó Thầy ấy về Việt Nam và bây giờ làm trong Giáo Hội nhà nước chức lớn lắm đấy. Nghe đâu gia đình liệt sĩ nên mới được vậy. Chứ lúc còn ở Nhật, Thầy ấy với Hòa Thượng Minh Tâm và quý Thầy khác vẫn sinh hoạt trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất mà.

Sau 9 tháng học Nhật ngữ tôi thi đậu vào Phân khoa Giáo Dục Đại Học Teikyo ở Hachioji. Ở Nhật thi vào trường rất khó; nhưng đậu vào rồi, học đủ năm, đủ điểm là sẽ ra trường. Lúc ấy tôi chọn giáo dục vì nghĩ rằng sau này có thể làm việc cho Giáo Hội ở Việt Nam tại Đại Học nào đó. Tôi có nghe hoặc đọc đâu đó rằng: "Một vị bác sĩ nếu lỡ tay chữa bệnh không đúng thì chỉ làm hại một đời người, một con bệnh. Còn một ông Thầy giáo mà hướng dẫn học trò sai là làm hỏng cả

một thế hệ". Tôi rất thích câu này cũng có nghĩa là tôi thích mang trách nhiệm vào mình; chứ không phải nhận trách nhiệm rồi trao qua cho người khác, như có nhiều người vẫn làm mà tánh tôi vốn không ưa điều đó.

Lúc đó tôi đã hết tiền nên nhờ Hòa Thượng Minh Tâm xin cho ở chùa. May sao chùa Bản Lập (本立 - Honryuji) cũng nằm tại thành phố Hachioji (八王子 - Bát Vương Tử). Cho nên tôi rất hài lòng và tiện đường đi đến chùa cũng như đi đến trường. Tôi không nhớ ngày mấy; nhưng nhằm vào tháng 4 năm 1973. Như vậy đến nay đã hơn 30 năm rồi, 30 năm một giấc mộng, giấc mộng ấy tương đối khá dài và khá nhanh đã lướt qua trên đời mình như vũ bão, không đoái hoài gì hết. Mặc cho bao nỗi đổi thay của thời thế.

Tôi xem bản đồ thì biết rằng muốn đi đến trường phải đi bộ từ chùa ra nhà gare Hachioji phía Keiosen (京王線). Vì tại đây có thêm một loại tàu khác màu hồng chạy thẳng lên Shinjuku gọi là Chuyosen (中央線). Nếu không khéo sẽ bị lạc. Rồi từ đó đến gare Takahatafudo (高旗不動- Cao Kỳ Bất Động) đoạn lấy xe Bus đi đến trường; hoặc đi thêm một gare nữa đến gare Sesekisakuraoka (聖蹟櫻丘 - Thánh Tích Anh Khưu) thì xuống. Sau đó lấy xe Bus để đi đến đó. Khổ cho tôi là cái tên 2 nhà gare nó dài lê thê, đọc muốn mỗi miệng; nhưng đọc riết, biết ghép chữ lại, sau này dần quen đi, chứ chẳng có một phép lạ nào cả. Có lẽ nơi đó ngày xưa là một rừng hoa anh

đào đẹp lắm cho nên người ta mới gọi vậy; lúc ấy chẳng thấy còn cây nào. Hai bên đường chỉ là ruộng lúa, thỉnh thoảng mới có vài cây anh đào thôi. Lúa của Nhật rất sai hạt. Thân lúa rất thấp; nhưng hạt rất nhiều, gạo rất dẻo và thơm. Nhìn cách cày bừa và cấy bằng máy móc của họ thuở ấy mà ham, ước gì các chùa hay nông dân tại miền Trung có được những nông cụ như thế để cấy cày thì đỡ nhọc biết mấy; nhưng đó chỉ là ước mơ thôi. Mà hình như sau hơn 30 năm ấy, miền Trung Việt Nam vẫn còn khổ cực với nghề nông, làm sao có thể sắm máy cày được. Đó cũng chỉ là ước mơ thôi.

Ngày đó tôi rất thích đi đoạn đường này vì xe Bus có nhiều chuyến. Sau này, năm 1998 tôi cùng Hạnh Nguyễn, Hạnh Tấn đi sang Nhật có ghé về thăm Đại Học trong vội vã và có xuống bến xe ngày trước đã đi học; nhưng bến xe thuở ấy bây giờ đã đổi khác hết rồi. Hai bên là phố thị, nhà lầu cao ngất. Những thửa ruộng xinh xắn ngày xưa bây giờ chẳng còn nữa.

Sau này cư dân ở phía sau Đại Học đông nên chính phủ đã cho mở thêm một bến xe Bus nữa. Xe này đi từ nhà gare Takahatafudo đến. Vì ít người đi hơn phía gare kia nên thỉnh thoảng mới có một chuyến Bus chạy. Thế nhưng khi đã phát hiện được như vậy tôi và Yamada Yukio (山田幸雄) học cùng phân khoa hay dùng tuyến này để đi. Vì ít người nên ít phải chen lấn nhau. Ngày đó là thế; còn bây giờ thì đã đổi khác quá nhiều rồi. Ngay cả nhà gare chính ở Hachioji của Keiosen cũng mới lạ. Ngày trước khi tôi còn đi học thì nó nằm trên mặt đất và sau này người ta dời nó xuống dưới hầm, được tân trang rất hiện đại. Có lần về lại chùa xưa và Đại Học Viện cũ không biết lối nào mà

đi. Vì lẽ nhà cửa quá cao, đã xây dựng lên san sát bên nhau nên không nhìn ra được.

Đại Học mang tên là Đế Kinh (帝京) có nghĩa là Kinh Đô Đế Quốc, chữ dùng có tính cách vua chúa, quân chủ. Nằm trên đồi cao so với những cư dân gần đó. Phân khoa của tôi học vẫn là phân khoa đầu tiên của Đại Học này, nên sau khi xong Đại Học, lúc ấy Đại Học chưa tổ chức được bậc hậu đại học của Cao Học và Tiến Sĩ, chứ bây giờ thì đã hoàn bị lắm rồi. Ngày ấy có lẽ đây là nơi trường Trung Học Teikyo cũ và họ lấy lại phòng học của trường Trung Học để dạy. Dĩ nhiên ngoài Phân khoa Giáo Dục ra còn nhiều phân khoa khác nữa; nhưng thuở ấy còn khiêm nhường lắm. Chỉ có Phân khoa Y Khoa của Đại Học này là nổi tiếng. Vì vị Viện Trưởng là Bác Sĩ Y Khoa, tiếp theo là Phân khoa Thể Dục và Thể Thao của Đại Học này không những nổi tiếng tại nước Nhật mà còn nổi tiếng trên thế giới nữa.

Ngày ấy chỉ có chừng 10 tòa nhà như vậy để dạy và chơi thể thao, phòng ăn cũng như thư viện. Trong khi tôi học tại đó chỉ có xây thêm được 3 giảng đường lớn và một số phòng học khác; đến năm 1998 về lại xem thì thấy lầu ngang dãy dọc độ 30 khu quanh núi như vậy đã được thành hình. Bãi đậu xe ngày xưa bây giờ phía dưới cho xây dựng rất hiện đại và bên trên vẫn là bãi đậu xe. Phía dưới là sân vận động để cho sinh viên tập thể thao trong mùa đông. Thuở ấy học tại Đại Học này chỉ có 3 sinh viên Việt Nam. Một cô học Phân khoa Kinh Tế, bây giờ có chồng, có con đang ở tại Mỹ; một anh học về Công Nghiệp, hình như bây giờ đã về lại Việt Nam. Chỉ có tôi là học Phân khoa Giáo Dục. Ngày ấy cả lớp nhao nhao vì ai cũng mới, vì là

ngày khai giảng mà. Sau đó chia lớp và tìm phòng. Chúng tôi bắt đầu làm quen nhau. Một hôm có ông giáo sư già, khoảng độ 70 tuổi và bây giờ chắc ông không còn nữa. Ông ta dạy giờ giáo dục học tâm lý. Ông ta nói thao thao bất tuyệt, năm đầu tiên tôi đâu hiểu ắt giáp gì. Ông ta hỏi các sinh viên rằng: Các anh chị chọn Phân khoa Giáo Dục. Vậy chữ giáo dục nó có nghĩa là gì vậy? Nghe thì dễ mà trả lời rất khó. Cả hằng mấy chục người ở trong phòng đó cũng chỉ nhìn nhau mà thôi. Đoạn ông ta giảng rằng:

Chữ Kyo (?) có nghĩa là lệnh ở trên ban xuống hay cũng có nghĩa là dạy cho ai một điều gì đó. Còn Iku (教) có nghĩa là nuôi, mong muốn trưởng

thành. Như vậy chữ Kyoiku (教育) có nghĩa là nuôi dưỡng cái ý chí, cái tri thức của một con người và mong người đó trở thành một kẻ hữu dụng cho đời, thì gọi là giáo dục.

Cả lớp cúi mặt xuống ra vẻ đồng tình. Người Nhật là thế đó, cái gì không ưa, phản đối thì la ó om sòm. Còn cái gì mà phục kẻ khác thì làm lì và cúi mặt. Nếu tôi nhớ không lầm thì cả 4 năm học ở Đại Học Giáo Dục chỉ lần đó Thầy Nakamura (? ?) là đào sâu chữ giáo dục nhiều nhất. Còn những lần khác chẳng nghe thấy Thầy nào nhắc đến. (Quý vị muốn xem kỹ về học trình của Phân khoa Giáo Dục tại Đại Học Teikyo niên học 73-77 thì xin xem quyển Cẩm Tạ Xứ Đức của tôi viết xuất bản năm 2002 thì rõ).

Buổi trưa sau khi dùng nhẹ tại Mensa hay Kantine của trường, tôi phải vào thư viện nghỉ một chút. Vì đó là thói quen từ trước rồi và mãi về sau này cũng vậy. Tôi nghe Tổng Thống Bill Clinton và đọc những báo

nơi phân y học có giải thích rõ, nếu mỗi trưa chỉ cần nghỉ lưng vài chục phút đến 1 tiếng đồng hồ thì rất tốt cho sức khỏe. Mà quả thật vậy, từ đó đến nay tôi đều giữ giờ giấc như thế, mặc dầu ở ngoại quốc đã gần 32 năm rồi. Đây có thể là một tật xấu; nhưng nếu tôi không nghỉ trưa thì buổi chiều không làm việc được. Ngồi trước thiên hạ giảng bài mà cứ ngáp hoài, xem sao cho được.

Chương trình học ở Nhật thì nhiều lắm, ngay cả chiều thứ bảy cũng còn học. Ngày chủ nhật là ngày làm việc cho chùa rồi. Cứ thế và cứ thế liên tục trong hơn 5 năm như vậy. Mỗi năm có 4 lần tôi cùng với Nakatomi, Matsunaga, Simizu đi đến các nhà của Phật Tử để tụng kinh. Đó là tuần lễ trước Tết Nguyên Đán tính theo dương lịch, lễ Bĩ Ngạn mùa Xuân từ 21 tháng 3 đến 28 tháng 3. Lễ Vu Lan 15 tháng 7 dương lịch và lễ Bĩ Ngạn mùa Thu từ 21 đến 28 tháng 9. Đến nhà nào cũng tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Như Lai Vô Thượng Thọ thứ 16 bằng tiếng Nhật. Tụng xong nếu họ có thì giờ thì mời trà nước và nói vài câu chuyện. Nếu không, nhận bì thư cúng dường dầu nhiều dầu ít, đoạn đi đến nhà khác. Đây là những tín đồ của chùa. Ở Nhật họ chia ra đàn gia và tín gia. Đàn gia tức là những đại thí chủ, dành cho Thầy trụ trì và các Thầy lớn đi; còn tín chủ thì ai đi cũng được. Cho nên tôi được chia vào đó. Sau một mùa 7 ngày như thế là có độ 1.000 US\$. Số tiền đó thời ấy lớn lắm. Mỗi năm tôi phải đóng học phí cho nhà trường 2.500 US\$. Số còn lại để dành mua sách vở và những chuyện lật vặt khác. Nhờ tiếng Nhật khá và biết đi cúng; nên tôi thâm nhập vào xã hội Nhật rất mau, kể cả nụ cười, cái gật gỏng, cái cúi đầu cảm tạ, cái nheo mắt, tôi có thể

đọc và hiểu rõ họ, ngay cả bây giờ sau hơn 26 năm xa Nhật. Ông đó phải nói nhờ Thầy trụ trì Oikawa (及川眞介), quý vị nào muốn tìm hiểu về cách sống của Tăng sĩ Nhật xin vào chùa ở thì rõ, xin khỏi dài dòng nơi đây.

Thầy ấy là người có đi du học tại Tích Lan, có viết sách; nên rất hiểu thân phận của lưu học Tăng như chúng tôi và dễ thông cảm. Cái gì tôi xin Thầy ấy cũng gật đầu, chứ chưa bao giờ nói tiếng không. Ví dụ như nghĩ hè tôi xin Thầy ấy đi Hokkaido (北海道 = Bắc Hải Đạo) là một đảo tuyệt ở miền Bắc, tại đây có dân tộc thiểu số tên là Ainu đang sinh sống, họ giống như người Mori ở Auckland ở New Zealand gần Úc. Họ có văn hóa riêng, có đời sống riêng. Rồi đi Nigata để thăm gia đình Yamada, đi thăm Thầy Yoshioka có liên hệ với Việt Nam và có tác phẩm viết về Hoa Thung (Tsubaki no hana = 椿花) đã được giải thưởng văn học Nhật Bản, là một đại Thiên Sư của Tông Tào Động Nhật Bản khá nổi tiếng. Ngài có viết một tác phẩm nhỏ về Thiên. Tôi đã dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt từ năm 1979 và đã lần lượt đăng lên báo Viên Giác, đến năm nay 2003 tôi cho in lại hầu hết những bài viết và dịch trong 25 năm qua thành một quyển sách với nhan đề là: "**Những Đoàn Văn Viết Trong 25 Năm Qua**" sẽ **xuất bản trong năm 2003** và đầu 2004 quý vị sẽ có sách ấy, sẽ đọc được tác phẩm này bằng 2 thứ tiếng. Tiếng Đức do Hạnh Giới dịch. Đây là một tác phẩm Thiên có giá trị.

Có lúc tôi đi Osaka (大阪) rồi đi Shikoku (四國) để thăm Nakatomi, đi Yanaguchi (山口) để thăm Matsunaga và Simizu. Có năm đi tuốt xuống Kagoshima (鹿兒島) để thăm bạn học cũ tên là Hoàng có thời là sinh viên học chung Nhật ngữ tại trường Yottsuya ở Tokyo. Bây giờ Hoàng đang ở Canada. Có lúc đi Saitama (埼玉) để thăm Tiến Quang, giờ Quang đang ở Mỹ. Lắm lúc lại về cư xá sinh viên ở Shinjuku để thăm Khê và Lê Tùng Phương. Khê bây giờ đang ở Mỹ và Phương đang ở Pháp. Hay ghé thăm Phước Anh ở cư xá Shibuya. Bây giờ Phước Anh đang ở Mỹ.

Cũng có nhiều chuyến đi xa như thế rất là ý vị. Có lúc đi vì ở chùa chịu không nổi không khí ngột ngạt, có lúc đi vì công việc. Nhưng đa phần là để trốn sự mệt nhọc. Vì học cả năm đã "đừ", mà về chùa không biết bao nhiêu là công việc, vả lại ngày nào cũng nghe cái loa từ nhà bếp của chùa phát ra; nên phải xa chùa thế thôi. Đi xong lại quay về. Cho nên bây giờ tôi vẫn còn nhắc đến và phải cảm ơn họ. Nếu không nhờ hay bị thì đúng hơn, một người đàn bà trong chùa ở Việt Nam và một người đàn bà trong chùa ở Nhật thì tôi đã không nên người mà gạo cơm, nước uống của Việt Nam trong 23 năm, của Nhật hơn 5 năm, của Đức hơn 26 năm, cộng chung 3 nơi ấy lại thành hơn 54 năm thì tôi không có Như Điền của ngày hôm nay năm 2003 này.

Học ở học đường ta học được chữ nghĩa, còn học ở trường đời ta học được luân lý, văn hóa, đạo đức của một dân tộc, một lối sống. Khi mới xa quê, tôi

nghĩ rằng chắc qua Nhật học được nhiều lắm; nhưng khi đến đó rồi mới có những chuyện hơi ôi! Lúc ấy phải lo giữ gìn nhân cách của mình và thấy rằng Phật Giáo Việt Nam có nhiều điểm hơn xa Phật Giáo Nhật Bản. Lúc ấy mình mới trở về lại con người thật của mình. Có thể nói đây là kinh nghiệm giáo dục chẳng? Vì qua kinh nghiệm, con người ta mới trưởng thành được.

Tôi làm việc như thế - mỗi sáng tụng kinh, lau chùa, ăn sáng rồi đi học. Đến chiều về lo lau dọn nhà bếp, chảnh điện, nấu nước tắm, ăn cơm tối, tắm rửa, học bài. Cứ thế và cứ thế năm này qua năm nọ, tháng này qua tháng kia để đi đến kết quả là tôi giỏi tiếng Nhật lúc nào mà mình chẳng hay biết, để năm thứ tư trước khi ra trường được phê vào học bạ là: Thiên tài của ngôn ngữ học. Cuối năm 1976 tôi viết luận văn ra trường với đề tài là: Giáo dục Anh ngữ dưới thời vua Minh Trị duy tân 1868. Luận văn này cũng tối ưu, sau đó một số trường Đại Học đã in lại cho sinh viên tham cứu.

Tôi cũng chưa biết là lúc đó phải làm gì sau khi học xong Đại Học. Vì lẽ về Việt Nam thì không được. Vì thời ấy quá nhiều nhượng, một lá thư gửi từ Việt Nam qua Nhật mất hết 6 tháng. Lúc đó thân phụ tôi còn tại thế đã gửi cho tôi. Tôi xem con dấu đóng trên bì thư như thế này. Đầu tiên là dấu bưu điện của Đà Nẵng, sau đó dấu bưu điện của Hà Nội, rồi dấu bưu điện của Bắc Kinh. Kế tiếp là Moscow rồi mới đến Tokyo. Khi tôi bóc thư ra xem thì giấy đi phần giấy, bao thư đi phần bao thư; chữ không thể đọc được nữa. Mất tôi như mò đi. Vì biết rằng quê hương ở gần đó; nhưng không cách nào liên lạc được. Tờ giấy viết thư hồi đó, tiếc rằng tôi không còn giữ, mà chắc gì đã giữ

lại được, vì thời gian năm tháng trôi qua, nó mờ đục gần giống tờ giấy carbon. Đó là thời điểm của năm 1976, 1977 cả dân tộc Việt Nam từ Nam chí Bắc đều bị ăn bôbô và tất cả đều phải vào hợp tác xã; nên mới ra nông nổi ấy.

Tôi chẳng có gì để phải sợ người Cộng Sản. Bởi vì tôi chẳng có công mà cũng chẳng có tội; nhưng tội lỗi của họ đã làm cho dân tộc tôi, cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất càng ngày càng khổ đau, không cất đầu lên nổi với thế giới; nên tôi không đứng cùng chung chiến tuyến với họ mà thôi. Họ nói quá hay mà làm thì quá dở ; cho nên mãi cho đến bây giờ tôi vẫn còn tư tưởng và lập trường không giống họ như thế.

Cuối năm 1976 Thầy Oikawa hỏi tôi định học tiếp nơi đâu sau khi xong Đại Học? Tôi bảo rằng có lẽ tôi sẽ học tại Đại Học Riso. Đây là nơi mà các Hòa Thượng Thánh Nghiêm (người Đài Loan) và một số Ni Sư đệ tử Ngài Tinh Vân cũng đã tốt nghiệp. Hòa Thượng Thiền Định, Hòa Thượng Trí Quảng, Hòa Thượng Minh Tâm, Hòa Thượng Chơn Thành v.v... cũng đã tốt nghiệp nơi đây; nên tôi muốn thi vào đó. Một phần vì đây là nơi Thầy Oikawa dạy tiếng Pali và cũng thuộc tông phái của chùa mình đang ở, một phần học như thế để cho ông bà vui. Vì mình ở chùa họ mà cứ đi học Thiền với Thiền Sư Sogen Omori hoài thì xem sao được. Đó là 2 lý do chính mà tôi đã chọn Đại Học Riso để học Cao Học. Tôi lấy tiếng Hán làm sinh ngữ một; tiếng Pháp làm sinh ngữ hai. Tôi nghĩ rằng các tu sĩ trẻ của Nhật Bản chỉ rành tiếng Nhật, chữ chữ Hán thì ít rành. Ngày thi hôm đó nhằm bài ra như thế này: Các thí sinh hãy chấm câu các câu văn chữ Hán

và bình chú những thời kinh do Thiên Thai Trí Giả Đại Sư biên soạn. Đúng là trúng tủ rồi còn gì nữa. Còn tiếng Pháp không khó lắm. Tôi đã làm bài xong và hí hửng ra về.

Đến chùa thì Thầy Oikawa hỏi ra sao? Tôi đáp rằng: Đã xong. Kính mong Thầy yên trí. Để rồi một tháng sau, tức vào cuối năm 1976 ấy tôi biết rằng đã đậu thứ 12 trong 26 người được đậu. Như thế là vui rồi. Lúc ấy vừa lo ra trường bên Đại Học Teikyo, vừa lo có tiền để đóng tiền trường cho Đại Học Risso. Lúc ấy hình như phải đóng 36 vạn (tiền Nhật) tương đương với 2.000 US\$ lúc bấy giờ. Thầy ấy bảo rằng tôi thường cho một nửa, còn một nửa Như Điển tự đóng lấy. Thế là nhẹ đi hết 50 phần trăm rồi.

Sau khi thi đậu vào Cao Học Phân khoa Phật Học rồi Thầy ấy bảo tôi là nên tìm một ít sử liệu và sách vở có viết về Phật Giáo Việt Nam để Thầy ấy sưu tầm, đồng thời lo cho luận văn Cao Học của tôi trong thời gian sắp tới nữa. Tôi bảo rằng: Chỉ có ở Pháp mới có thể tìm ra được. Vả lại cũng không thể về Việt Nam vào thời điểm đó. Thế rồi tôi cứ âm thầm học, âm thầm thi cử, âm thầm tụng kinh, âm thầm đóng tiền học phí cho nhà trường; mặt khác phải lo tham gia công việc của Chi Bộ Phật Giáo tại Nhật như làm báo, hội họp v.v... thế rồi thời gian cứ thế mà trôi đi.

Khi học Tiểu Học chúng ta thấy những người học Trung Học sao mà hay quá. Khi xong Trung Học ta thấy chẳng có gì. Lúc ấy thấy người học ở Đại Học sao mà hay quá. Khi xong Đại Học cũng lại chẳng thấy có gì. Rồi hậu Đại Học cũng thế thôi. Cho nên sau khi Hạnh Giới lãnh bằng Tiến Sĩ về Triết Học ngành Tôn Giáo Học ở Đại Học Hannover vào đầu tháng 9 năm

2003 có hỏi tôi và mọi người là cái bằng Tiến Sĩ này để làm gì vậy? Đây không phải là một câu hỏi ngớ ngẩn mà nó là thực tế của cuộc đời. Trước đó nó là gì và sau đó sẽ ra sao? Mỗi người hãy tự trả lời câu hỏi ấy.

Tôi vẫn thường hay nói với học trò đệ tử của mình rằng: Sự học nó không làm cho con người ta giải thoát được, mà muốn mở cánh cửa giải thoát kia, không thể thiếu sự tu và sự học được. Đó cũng có thể là câu kết luận cho chương này là: quan niệm như thế nào về tốt xấu của một nhà giáo dục vậy.

Ngày xưa khi người đậu được cái bằng Tiểu Học hoặc Trung Học là trong làng trong xóm ăn mừng. Vì có người thông dịch giúp, hoặc giả khi làm đơn từ bằng tiếng Pháp thì đã có người giúp đỡ, cho nên làng xã rất quý và rất trọng vọng. Thời mà chữ Nho còn thịnh hành thi đỗ ông Tú, ông Cử đã là to. Có nhiều người thi hai lần đều đỗ Tú Tài, cho nên gọi là ông Tú Kép. Có nhiều ông hay chữ như ông Tú Xương đi thi biết bao nhiêu trận; nhưng đâu có đỗ trận nào. Thế nhưng mỗi khi Tết đến Xuân về, trong làng có ma chay, cưới hỏi là người ta đều cậy nhờ ông Tú ấy đặt cho câu đối; có đồ đồ đen đen dán trước bàn thờ ông bà cho nó vui cửa vui nhà. Còn đỗ Tiến Sĩ Trạng Nguyên thời xưa thì phải biết. Cuối thế kỷ thứ 19 đầu thế kỷ thứ 20 Quảng Nam ra Huế thi, có cả 5 ông cùng đỗ đầu khoa Tiến Sĩ và Phó Bảng. Cho nên vua Tự Đức mới phong cho dân Quảng Nam là Ngũ Phụng Tề Phi, tức 5 con phụng trên 5 bằng vàng cùng phi một lúc về Điện Bàn, Duy Xuyên và Quế Sơn. Bởi vậy làm dân Quảng Nam có rất nhiều người hãnh diện về Tiên Tổ của mình.

Còn cái học bây giờ bằng cấp hà rằm; nhưng đa phần là mua quan bán tước. Đó là ở quê nhà, chứ còn ở ngoại quốc phải thực lực mới ra trường. Nhưng cái trình độ bây giờ so với ngày xưa cũng thấp hơn nhiều bậc lắm. Ví dụ như Cử Nhân ngày xưa chừng 30 năm trước là bằng Tiến Sĩ bây giờ rồi đó. Còn Tiến Sĩ hồi đó thì phải nói là những bô chữ lớn được chứa trong bụng của các ông Tiến Sĩ ấy. Cả nước chỉ có một hai người, còn bây giờ thì lạm phát.

Học, tu là điều quan trọng; nhưng nó không là tất cả. Vì có những người rất giỏi nhưng đâu có bằng cấp gì. Điển hình là Ngài Tinh Vân, Tông Trưởng khai tông của Phật Quang Sơn ở Đài Loan, Ngài tự thú rằng: từ nhỏ đến giờ Ngài chưa có cái bằng nào cả. Khi Cộng Sản tiếp thu Trung Hoa năm 1949 Ngài đã tìm đường sang Đài Bắc. Từ đó Ngài có đến các học viện Phật Giáo để tham cứu. Có vị Đại Sư hỏi rằng Ngài đã tốt nghiệp đâu chưa? Ngài Tinh Vân trả lời vì chiến tranh ly loạn đã học xong các chương trình Phật Học ở Phật Học Viện tại Trung Quốc, nhưng không có bằng. Do vậy vị Sư ở Đài Loan cấp cho một văn bằng của Phật Học Viện. Ngài Tinh Vân cầm xong mảnh bằng hỏi lại: Bằng này để làm gì? Từ đó đến nay hơn 50 năm Ngài đã có mặt trên thế giới. Có cả hàng vạn đệ tử cả Tăng lẫn Ni, có hơn 200 Chùa Viện, Đại Học, Trung Học, Tiểu Học, các cơ sở từ thiện v.v... ước chừng mỗi nơi như vậy là 50 triệu đô-la đi và cứ nhân cho 200 lần như thế thì thấy con số thành công to lớn biết là bao nhiêu. Đó là người không có bằng cấp gì; nhưng có một tấm lòng cho nhân gian, đem Phật Giáo để làm đẹp cho cuộc đời và chính cái tấm lòng đó đã làm cho Ngài thành công khắp đó đây.

Ngài đã có mặt tại Roma và được Đức Giáo Hoàng tiếp. Ngài cũng đã tiếp kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma, đã gặp vua Thái. Tổng Thống Lý Đăng Huy đã đến Phật Quang Sơn tại Đài Nam để thăm v.v... Như thế chắc chắn sự thành công ấy không phải của một người mà là của tập thể; nhưng tập thể đó có người lãnh đạo tốt, mới được như vậy.

Tốt và xấu là hai mặt của cuộc đời cũng như giải thoát và trầm luân chỉ là một cánh cửa, đi vào thì đọa lạc, đi ra là giải thoát. Chỉ đơn giản thế thôi.

Chương Tám

Đứng về phương diện xã hội và tôn giáo để nhìn vấn đề tốt hay xấu

Về phương diện xã hội thì có rất nhiều vấn đề để chúng ta có thể đề cập đến. Chúng ta biết rằng những cái gì trái với tốt là xấu, trái với xấu là tốt. Đó là một cái nhìn căn bản trong xã hội này.

Như trên chúng ta đã phân tích thế nào là tốt và thế nào là xấu và ở đây chúng ta có thể đi sâu hơn vào cái nhìn của từng vấn đề và từng thời đại cũng như từng lứa tuổi thì chúng ta sẽ dễ hiểu hơn.

Ví dụ như ngày nay chúng ta thường hay nghe về đòi hỏi nam nữ bình quyền, tranh đấu về môi sinh, về bảo vệ thú vật v.v... Tại sao con người phải tranh đấu như thế? Vì lẽ cái bên này nhiều, cái bên kia ít; nên người ta muốn cho nó được quân bình. Ví dụ đứa bé dưới 18 tuổi, nó thấy cha mẹ, anh chị nó có nhiều quyền quá. Như quyền được lái xe, có thể là đi công việc hay đi chơi; nhưng đó là cái quyền mà nó chưa có được; nên nó muốn cho có. Điều này cũng dễ hiểu

thời, ngày xưa mọi người đều tranh nhau một chiếc ngai vàng và ngày nay tranh nhau một ghế Tổng Thống, Thủ Tướng vậy. Khi được rồi thì có nhiều ông vua than rằng: Làm vua sao mà nó buồn tẻ quá, suốt ngày chỉ đối diện với 4 bức tường và cứ nghe tấu tấu, thưa thưa. Còn ở nơi hậu cung thì có không biết bao nhiêu điều chướng tai gai mắt và có lẽ cái ghế Tổng Thống, Thủ Tướng nó cũng thế thôi. Khi người ta chưa có được thì muốn cho nó có và khi có được rồi, người ta chẳng tìm được một giá trị đích thực nào nơi đó cả; ngoại trừ chém giết, thanh toán lẫn nhau để phần thắng thuộc về mình, mà muốn cho mình thắng cuộc, dĩ nhiên phải có nhiều thủ đoạn, nhiều tài gian xảo mới thành công.

Tôi có coi phim Hoàng Đế Cuối Cùng của Trung Quốc chiếu tại Đức, mô tả về cuộc sống nơi Hoàng Cung của Phổ Nghi Hoàng Đế. Lúc nhỏ nhà vua chỉ thích chơi nhảy như bao đứa trẻ khác, nghĩa là được đá dế, được chơi gà; nhưng lỡ sinh ra là con vua; nên phải làm vua. Đến cuộc cách mạng của Trung Hoa Cộng Sản vào ngày 1 tháng 10 năm 1949 vua lớn lên trong hoàn cảnh nhiễu nhương của đất nước, sống như bao nhiêu người dân khác, để rồi cuối đời về lại Tử Cấm Thành, trông lại chiếc ngai vàng ngày xưa và Phổ Nghi Hoàng Đế chỉ lưu luyến lại cái thời của tuổi trẻ năm xưa, là được xem đá gà, đá dế mà thôi v.v... chung quanh ngai vàng chỉ còn là bụi bặm, nhện giăng. Một triều đại Mãn Thanh oai hùng mấy trăm năm, kết cuộc là như thế.

Ai xem quyển Nước Tôi và Dân Tôi của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 viết thì cũng sẽ thấy rõ điều này. Ngài mô tả rằng: Lúc 4 tuổi Ngài rất ham chơi và tuổi

thơ của Ngài chưa có một niềm vui nào trọn vẹn. Vì lúc nào cũng phải tập làm người lớn để dự và chứng minh những lễ hội quan trọng hàng mấy tiếng đồng hồ. Ngài không có bạn cùng trang lứa và nhiều lúc ngồi trên ngai vàng Ngài muốn bước xuống vì mắc tiểu nhưng cũng không được, đã chẳng ai có thể thông cảm cho vấn đề này và giờ đây sau hơn 50 năm lưu vong tại ngoại quốc Ngài cũng muốn về lại cố quốc của Ngài; nhưng người Trung Cộng chưa chấp nhận và Ngài cũng muốn rằng ngôi vị Tăng Vương đó có thể bầu cử tự do để chọn người kế vị, chứ không nhất thiết là một Đạt Lai Lạt Ma tái sinh như cả 10 thế kỷ nay.

Vấn đề xã hội học là một vấn đề khá phức tạp để đánh dấu một hay nhiều vấn đề. Vì lẽ trong khi những người đang có họ muốn từ bỏ; còn những người chưa có lại ham bước vào. Cho nên Nguyễn Công Trứ là một nhà thơ và là một vị tướng tài, sau khi thám thía cuộc đời rồi mới thốt ra như thế này:

*"Cái vòng lẩn quẩn loanh quanh
Kẻ hòng ra khỏi người mong bước vào"*

Đúng thật là như vậy. Trong khi con trẻ nhìn cha mẹ anh chị mà thèm thường được cái quyền bình đẳng ấy, đến khi cha mẹ về già không có khả năng tạo ra tiền bạc và thế lực nữa thì người đã già, trong đó có cha mẹ, nghĩ rằng mình bị xã hội bỏ bê, không ngó ngang, không chăm sóc tới và đâm ra hối tiếc cái thời trai trẻ. Có người đã giận mình là tuổi thanh xuân đã lãng phí quá nhiều chẳng làm nên tích sự gì; cho nên bây giờ cuộc đời và thời gian nó đã vô tình nghiền nát cái tấm thân giả tạo này; nên đâm ra trách trời, ghét người. Nguyễn Công Trứ cũng đã nói:

"Ôi nhân sinh là thế ấy
*Như bóng đèn, như mây nổi, như gió thổi, như
chiêm bao*

*Ba mươi năm hưởng thụ là dường nào
Vừa tỉnh giấc nổi kê chưa chín
Vật thái mạt cùng vân biến ảo
Thế đồ vô lự cái danh hư
Cái hình hài đã chắc thiết chưa
Mà lẽ đẽo khóc sầu như thế mãi..."*

Một Uy Viễn tướng công của triều đình vào sanh ra tử, oai phong lẫm liệt ở chốn triều nghi; một ông Tú Tài, ông Cử Nhân, ông Tiến Sĩ mà ở cuối cuộc đời mình nhìn lại chính mình và những sự kiện xảy ra chung quanh chỉ là: bóng đèn, mây nổi, gió thổi, chiêm bao. Tất cả những thứ ấy có nhưng thật cũng là không. Nó là mộng chứ không phải thật, mà dầu có thật đi chăng nữa, nó cũng sẽ trở thành mộng như thường.

Sau khi ra làm quan, rồi cáo quan về vườn để hưởng chữ nhàn trong 30 năm ấy với túi thơ bầu rượu và có lẽ lúc bấy giờ đã thấm sâu giáo lý của Đạo Phật cũng như cụ Nguyễn Du đã diễn tả trong truyện Kiều; nên những người hiểu biết cuộc đời và sự thế đều nhìn đời như vậy cả. Thời gian làm quan, thời gian hưởng nhàn dầu là mấy mươi năm đi chăng nữa, nó cũng chỉ là một giấc mộng mà thôi.

Phàm là vật hay sự vật thì có lúc thịnh, lúc suy, lúc xanh, lúc vàng, lúc tím. Những thứ này nó không có tính cách nhất định. Nó thay đổi như mây bay, như điện chớp, có nhiều trò ảo hóa lắm. Cuộc đời này cuối cùng rồi cũng chỉ là một cái hư danh thôi. Đó là một sự nhận xét vô cùng chí lý; nhưng mấy ai rõ được chân lý

và thực hành cho đúng như thế được. Ngay như cái tấm thân của mình đây mà còn chưa có thực hiện nữa thì vui với buồn, nó có ích lợi chi đâu? Đó là kinh nghiệm bản thân của cụ Nguyễn Công Trứ, đã trải qua thời kỳ ấu niên, thiếu niên, thanh niên, đỗ đạt ra làm quan thời trung niên và đến lão niên về hưu sống nhàn hạ và đã nhìn ra rõ ràng cuộc đời nó là thế. Chỉ một cái hư danh thôi.

Ở Mỹ hôm nay có những hội của những người đàn ông đòi hỏi ngang hàng với đàn bà. Vì người đàn bà ở Mỹ bây giờ có nhiều quyền hơn đàn ông; nên mới sinh ra như vậy. Cho nên vấn đề này đã làm cho chính phủ Mỹ và một số nước dân chủ trên thế giới quá đau đầu. Vì cái muốn của con người nó không dừng nghỉ mà nó lôi cái ham muốn này xong, lại bày ra cái ham muốn khác và nó bắt con người phải làm nô lệ cho nó; nhưng con người đâu có hay biết gì. Vì cứ nghĩ rằng muốn chiếm đoạt được nó; nhưng không ai thực hành lời người xưa để lại cả. Phải tự hỏi nó là gì? Thật sự ra nó chỉ là một cái hư danh, vọng tưởng mà thôi. Thế nhưng đã có không biết bao nhiêu người lao đầu vào rồi lại trốn chạy thực tế để được ra khỏi sự bao vây kèm hãm đó.

Khi phân tích vấn đề xã hội người ta để ý rằng nếu trong gia đình mà người vợ đi làm lương cao hơn người chồng là sẽ có chuyện. Còn ngược lại thì ít chuyện hơn. Vì sao vậy? Lâu nay người chồng vẫn là cột trụ của gia đình, phải lao động, phải sản xuất. Còn vợ chỉ có bốn phận lo bên trong gia đình và sinh con đẻ cái. Trong khi đó xã hội ngày hôm nay lại khác, người đàn bà có nhiều cơ hội hơn; nên đã nhập cuộc

vào đời trực tiếp và cái ngã chấp, ngã sở từ đó nó phát sanh, để rồi đi đến những đồ vỡ khác.

Khi xã hội phát triển về những mặt tốt, thì đồng thời những mặt xấu cũng bắt đầu lộ dạng như xì-ke ma-túy, ăn chơi, đàng điếm, trụy lạc, cờ bạc v.v... đây là mặt trái hưởng thụ của xã hội và đó cũng là một quyền lợi mà đã có nhiều người đòi hỏi. Vì họ nghĩ rằng họ sản xuất mệт nhọc, họ phải được sự đền bù cho xứng đáng bằng sự hưởng lạc; nhưng đâu có ai ngờ rằng chính những sự buông xuôi và đòi hỏi quyền lợi đó, nó đã làm cho con người càng ngày càng đi vào ngõ cụt.

Ta hãnh diện có được một chiếc xe chạy nhanh; nhưng đồng thời cũng phải biết rằng xe chạy sẽ nhả ra không biết bao nhiêu khí độc, làm cho cây cỏ chết hết phía sau làn khói xe hơi của mình. Rồi từ đó sinh ra lụt lội, mưa nắng bất thường. Một bà lão ở Tân Tây Lan gặp tôi ở Auckland bảo rằng: Bạch Thầy, mấy năm trước ở Tân Tây Lan trời rất đẹp và ít mưa gió bất thình lình. Còn mấy năm trở lại đây, không những khí hậu thay đổi mà mỗi lần mưa là sấm sét và trời gầm to lớn. Chuyện gì sẽ xảy ra thế Thầy?

Dĩ nhiên bà ta hỏi không phải nghĩ rằng tôi biết tiên tri; nhưng hỏi để thấy rằng thiên nhiên bây giờ nó là như thế đấy và hoàn cảnh sống của con người sống trên hành tinh này của ngày hôm nay nó bất an vô cùng.

Trời Úc Châu trong 25 năm trước, khi lần đầu tiên tôi đặt chân đến nơi đây rất đẹp; cây cỏ thơm mùi thiên nhiên và hoàn cảnh chung quanh rất tươi mát mà sau 25 năm tôi trở lại đây, lần thứ 10, lần này ở lại đây đến 3 tháng đã chứng kiến thời tiết thay đổi bất chợt vô

cùng, không phải chỉ có thành phố Melbourne không thôi đâu, mà cả Sydney cũng thế, một ngày có tới 4 mùa. Đó là sáng mùa xuân, trưa mùa hè, chiều mùa thu và tối nhiều khi lạnh như mùa đông ở Âu Châu. Lỗi ấy dĩ nhiên không phải do thiên nhiên, mà tất cả đều do con người tạo ra. Rồi mai đây sẽ ra sao nữa thì đổ ai mà biết được.

Còn dưới cái nhìn của một nhà Tôn Giáo học về sự tốt xấu như thế nào thì chắc chắn có nhiều vấn đề có thể nêu lên ở đây.

Nhớ lại những câu chuyện xưa khi còn là Thái Tử, Đức Phật nhân một hôm đi thăm lễ hạ điền với vua cha, đã quan sát về người cày ruộng, về chim chóc, côn trùng, con lớn ăn con bé để được tồn tại và nhất là sau khi đã dạo chơi bên cửa thành, xem được những cảnh sinh hoạt của sự già, bệnh, chết và đời sống giản dị tự tại của một vị Tăng sĩ, đã đánh thức trái tim của Thái Tử rất nhiều. Ngài đã suy tư về những khổ đau, những sự bất công ấy trong xã hội lúc bấy giờ; nên Ngài quyết tìm một con đường để cứu khổ nhân sinh. Một đề tài rất nan giải, chưa có đáp số ở thời bấy giờ và bài toán ấy đã được giải rõ sau khi Đức Phật đã thành đạo dưới cội cây Bồ Đề.

Đức Phật nhìn thế giới như trong tinh thần của kinh Kim Cang như thế này:

"Thế giới giả, Phật thuyết tức phi thế giới, thị danh **thế giới**".

Nghĩa là: Thế giới, Phật nói chẳng phải thế giới; ấy là thế giới.

Như thế nghĩa là gì? Nghĩa là chúng ta gọi là một thế giới, sống nơi đó; nhưng chấp vào đó thì Phật bảo cái đó không phải là một thế giới chân thật. Muốn có

một thế giới chân thật thì phải vượt lên cái đối đãi nhị nguyên ấy mới có được.

Cũng như Phật định nghĩa về chúng sanh cũng thế:

"Chúng sanh giả, Phật thuyết tức phi chúng sanh, **thị danh chúng sanh**".

Nghĩa là: Chúng sanh, Phật bảo là không phải chúng sanh. Đó mới là chúng sanh.

Chúng sanh như chúng ta vẫn thường chấp nhận là chúng sanh đối đãi, có còn có mất, có được, có thua. Còn một chúng sanh chân thật thì phải vượt lên sự đối đãi ấy mới có được.

Ngài Lục Tổ Huệ Năng mà ngộ được, nó nằm ở điểm chính ý này:

"Bất ưng trụ sắc sanh tâm bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi **sanh kỳ tâm**".

Nghĩa là: Không nên dựa vào sắc tướng để sanh tâm, không nên dựa vào tiếng nói, mùi thơm, vị mặn, sự tiếp xúc mà sanh tâm. Nên sanh cái tâm ấy vào cái chỗ không nơi để trụ.

Nghĩa là như thế nào? Nghĩa là thế giới này, sự vật này làm sao không có chỗ dính mắc là được. Đến, đi phải thông dong tự tại, làm sao chúng ta không bị cuộc đời nó trói buộc mà ta cũng chẳng muốn níu kéo cuộc đời này làm gì. Vì tất cả chỉ là giả danh chứ chẳng phải là thực tướng.

Ngài Xá Lợi Phất xuất thân từ dòng dõi Đại Bà La Môn và là bạn thân của Ngài Mục Kiền Liên từ thuở thiếu thời. Hai vị này đã thệ nguyện với nhau là nên tìm Thầy học đạo và sau này ai biết được phương pháp nào hay hơn thì mách bảo cho người khác và cả 2 sau

đó làm môn đệ của một Thầy Bà La Môn khá nổi tiếng. Rồi một hôm Ngài Xá Lợi Phất ra đường gặp một vị Sa Môn với tư cách trang nghiêm hòa ái, từ xa đi lại. Ngài Xá Lợi Phất mới hỏi rằng:

Ngài từ đâu đến và Ngài tu theo phép gì? Thầy của Ngài là ai?

Ngài Mã Thắng đáp rằng: Người không nghe Thái Tử Tất Đạt Đa xuất thân từ dòng họ Thích, đã bỏ ngôi để đi xuất gia và thành đạo dưới cội Bồ Đề và người ấy là Thầy của ta, ta là đệ tử của Ngài.

Thầy của Ngài đã dạy cho Ngài những gì? Ngài Xá Lợi Phất hỏi.

- Thầy ta dạy nhiều lắm; nhưng những điều căn bản như thế này: Tất cả các pháp đều chẳng có mà cũng chẳng không. Ngài Mã Thắng đáp lại như vậy.

Sau khi nghe xong Ngài Xá Lợi Phất liền ngộ và chứng sơ quả, sau đó về rủ Ngài Mục Kiền Liên và 250 đệ tử của mình đến đánh lễ dưới chân Phật và thờ Phật làm Thầy.

Xem qua chuyện trên ta thấy rất đơn thuần; nhưng không phải ai cũng làm được. Xã hội ngày xưa căn tánh con người vốn không bị ngoại cảnh chi phối nhiều; nên nghe qua liền ngộ. Còn ngày nay chúng ta đã nghe như thế không biết bao nhiêu lần rồi mà ta có ngộ gì đâu. Vì sao vậy? Vì ngày nay nghe; nhưng đã không buông xả cái cũ để đón nhận cái mới vào, mà nghe cũng chỉ để mà nghe thôi; chứ không mang một ý niệm nào khác; nên nội tâm chẳng có tiến bộ nào hết, mà tham sân chấp ngã càng ngày càng nhiều; nên chân lý không thể nắm bắt được là vậy.

Lại một câu chuyện khác có liên quan về vấn đề xã hội và con người thời Đức Phật còn tại thế. Câu chuyện bắt đầu như sau:

Tại nước Ma Kiệt Đà có một vị tiên tu đã lâu năm có được thần thông; vì thế nhà vua đương thời rất nể vì trọng vọng và thường hay mời vào cung để dùng ngọc trai. Mỗi lần như thế vị tiên này dùng thần thông để bay đến cung điện và dùng cơm xong lại dùng thần thông để bay về lại chỗ ngồi thiền của mình. Một hôm vua đi vắng và dặn Công Chúa con của mình là nên tiếp đón vị Tiên Nhơn ấy như vua đã tiếp. Công Chúa vâng lời và đã dọn cơm để cúng dường cho Tiên Nhơn.

Khi Tiên Nhơn đến, thấy không có vua ở nhà mà Công Chúa thì quá đẹp cho nên nổi lên niệm ham muốn sắc dục, dùng tay chạm vào người nữ ấy; nên đã mất đại thần thông, khiến cho lúc ra về không thể bay bổng trên không trung được. Tiên Nhơn mắc cỡ, xấu hổ quá; nhưng muốn chữa thẹn bằng cách bảo với Công Chúa rằng: Hôm nay ta đi bộ vào rừng để mọi người chiêm ngưỡng cho được phước. Thế rồi Công Chúa cho dân chúng dọn dẹp đường sá để đón Tiên Nhơn.

Vì không còn thần thông cho nên Tiên Nhơn nổi lên niệm sân hận và bị những con khỉ, con chim trong rừng la ó chạy nhảy khắp nơi, khiến Tiên Nhơn càng giận dữ hơn nữa và phát nguyện rằng: Sau này sẽ đầu thai thành một con vật to lớn ăn hết tất cả những loài thú trong rừng cũng như những con vật dưới nước. Đức Phật quán sát việc này và bảo cho Đại chúng biết rằng:

Do phước đức tu học nhiều đời, sau khi mãn báo thân này Tiên Nhơn ấy sẽ sanh thiên; nhưng sau khi phước ở cõi trời đã hết, phải đọa vào ác thú theo lời thề của mình khi xưa. Cho nên phải biết rằng một niệm sân hận, một lời thề ác nó có hại như thế, bị trầm luân khổ ải biết bao giờ mới ra khỏi trần lao.

Đó là một câu chuyện có thật đã được ghi vào Đại Tạng kinh và đã được chính Phật dạy. Còn tin hay không là quyền của mọi người. Ở đây ta học được bài học gì?

Điều thứ nhất phải thấy rằng dầu đã chứng được ngũ thông nhưng đừng coi thường nữ sắc. Vì chính nữ sắc mà biết bao nhiêu Tiên Nhơn đã mất đại thần thông. Cũng chính vì nữ sắc mà Ngài A Nan đã thất điên bát đảo không biết bao nhiêu lần. Trước kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất tại động Thất Diệp, Ngài Ca Diếp cũng đã nhắc lại Ngài A Nan điều đó.

Đã mất thần thông mà còn chữa thẹn bằng cách đi bộ để mọi người chiêm ngưỡng cho được phước. Không biết Công Chúa có biết không, chứ còn Phật thì đã rõ điều này, mà Ngài Quy Sơn Linh Hựu cũng đã dạy trong phần Cảnh Sách rằng: Phải đường đường Tăng tướng, dung mạo khả phân; chứ không thể là dung mạo khả nghi được. Người ta tu cốt cả trong lẫn ngoài, chứ không thể chỉ bề ngoài không như Tiên Nhơn kia đã lòe đời được.

Khi đã hết thần thông rồi thì ếch nhái, khỉ, voi nó cũng chê cười, chứ đâu phải chỉ loài người không. Thế nhưng cái niệm sân si nơi con người của Tiên Nhơn vẫn còn đó nên đã phát nguyện đọa hại để rồi sau khi hưởng phước xong, sẽ luân hồi trở lại làm thân con thú kia mà thôi. Điều ấy phải hiểu rằng: Kẻ nào gieo gió ắt

phải gặp bão. Nhân quả xưa nay chẳng chừa một ai là vậy.

Ngài Hoài Hải một hôm giảng Thiền xong, thấy có một người già vẫn còn ngồi tại giảng đường. Ngài Hoài Hải mới hỏi:

- Đã nghe xong, tại sao vẫn còn ngồi đó?

- Thưa Ngài, con có việc muốn thưa.

- Người cứ nói - Ngài bảo thế.

- Nguyên trước đây đã khá lâu, còn là một vị Tăng, có người hỏi con rằng: Người tu có bị nhân quả chi phối không? Và con đáp rằng: Không. Do đó con đã bị đầu thai làm con chồn đã lâu mà chưa siêu thoát được. Nguyên hang của con nằm ở phía Tây của chùa đây. Hôm nay con xin hỏi lại Hòa Thượng câu ấy và xin Hòa Thượng đáp cho. Hòa Thượng bảo được và vị ấy hỏi rằng:

- Người tu hành có bị nhân quả chi phối không?

- Người tu không làm nhân quả. Hòa Thượng đáp.

Nghe xong người ấy liền ngộ và bảo rằng:

- Mai này con sẽ hóa kiếp. Xin Hòa Thượng cho mai táng như một vị Tăng.

Quả nhiên như vậy, hôm sau Hòa Thượng đến phía Tây chùa thấy có một con chồn đang chết và cho chúng Tăng chôn cất như nghi lễ của một Tăng nhân. Đây cũng là một câu chuyện có thật cách chúng ta 1.000 năm và đã xảy ra tại Trung Quốc. Tin hay không xin dành phần ấy lại cho quý vị; nhưng chắc chắn một điều nhân quả sẽ không mất. Nó như bóng với hình, theo ta suốt cả một đoạn đường của sinh tử, tử sinh như thế.

Núi Kê Túc, nghĩa là núi Chân Gà, bên trên có 3 ngọn châu đầu vào nhau rất hùng vĩ, khó ai đến đây được. Núi này nằm gần núi Linh Thứu ngày nay tại Ấn Độ thuộc Tiểu Bang Bihar. Tương truyền rằng Ngài Ca Diếp đã nhập định nơi đây. Khi Ngài nhập định thì Hoàng Hậu Ma Da đã dâng y kim tuyến vàng của Đức Như Lai cho Ngài Ca Diếp và nói rằng: Khi nào Đức Phật Di Lặc ra đời thì hãy dâng y ấy cho Phật Di Lặc. Ngày nay y ấy sau 2.500 năm vẫn còn trong núi này và độ 7 triệu năm nữa thì Ngài Di Lặc sẽ ra đời. Sau khi độ 3 hội Long Hoa xong, Đức Phật Di Lặc đến núi Kê Túc. Lúc ấy có rất nhiều người kiêu mạn đi theo cùng. Ngài Di Lặc lấy móng tay khảy 3 lần thì tự rụng 3 ngọn núi Kê Túc sẽ nở ra và Ngài Ca Diếp lấy y dâng cho Đức Phật Di Lặc, đoạn Ngài dùng thần lực bay lên hư không, dùng lửa Tam Muội để thiêu thân rồi hóa; lúc ấy khiến cho những người ngã mạn phát lòng tin, tín tâm kiên cố và chứng thánh quả.

Những chuyện như thế thấy khắp nơi trong Đại Tạng nằm ở những phần kinh, luật và luận. Chắc chắn rằng ngày nay người ta khó tin; nhưng đó là sự thật. Một cộng đồng Tăng lữ như thế, một pháp hội như thế đã được thành hình, đã được triển khai, mà cách 1.000 năm sau, sau khi Đức Phật nhập diệt, Ngài Huyền Trang đã đi bộ đến những nơi như thế để chiêm bái, dâng lễ và về lại Trung Quốc viết nên bộ Đại Đường Tây Vực Ký để thuật lại những việc thấy nghe tại Ấn Độ. Lúc bấy giờ chắc cũng ít người tin. Còn ngày nay những câu chuyện như thế đã cách xa chúng ta hơn 2.500 năm lịch sử và cách Ngài Huyền Trang cũng đã hơn 1.300 năm; nên việc tin tuyệt đối vào đây cũng khó

có. Thế nhưng không phải là không có. Vì đó là sự thật.

Một sự thật mà lịch sử đã chứng minh được là vào cuối thế kỷ thứ 19 khi Nguyễn Tường Tô đi sứ sang Pháp thấy những điều hay lạ như cây đèn trút xuống đất nhưng vẫn không tắt (đèn điện) và xe chạy 2 bánh vẫn không té, ngã (xe đạp) và còn biết bao nhiêu điều văn minh khác nữa. Ông đã tâu lên vua quan nhà Nguyễn và muốn duy tân sửa đổi nơi quê hương mình; nhưng triều đình vua quan vốn thủ cựu, cố chấp đã không tin điều đó là có thật, mà còn cho là càn dỡ và những đề nghị cải cách ấy đã bị xếp vào quên lãng; nên nước ta đã chậm tiến cả hàng trăm năm so với các nước trên thế giới ngày nay là vậy.

Rồi đến việc máy bay bay lên không trung, tàu ngầm chạy dưới đáy biển, tàu điện chạy trên đường rầy mang cả hàng mấy chục toa. Máy điều hòa không khí, truyền thanh, truyền hình, điện thoại di động, máy Computer, đĩa hát v.v... tất cả đều xảy ra vào cuối thế kỷ thứ 20 và đầu thế kỷ thứ 21. Nếu những người ở thế kỷ thứ 19 hoặc đầu thế kỷ thứ 20 mà đầu thai trở lại ở Nam Thiệm Bộ Châu này, người ta nghĩ là ở nơi một thế giới nào khác và chắc chắn không thể là thế giới của họ đã ở cách đây hàng trăm năm về trước.

Mới chỉ hơn 100 năm thôi mà thế giới đã thay đổi như thế. Thử hỏi 1.000 năm sau nhìn lại 5.000 năm trước thì chắc chắn có những điều khó tin lắm rồi.

Như vậy đối với xã hội, Tôn Giáo có một trách nhiệm gì chẳng? Dĩ nhiên mỗi một Tôn Giáo ra đời đều muốn hướng con người đến chân thiện mỹ chứ chẳng có Tôn Giáo nào muốn mang con người vào chỗ hoại diệt cả. Có Tôn Giáo của thế gian mà cũng có Tôn

Giáo của xuất thế gian; có Tôn Giáo cao siêu minh triết, mà cũng có Tôn Giáo bình thường trong cuộc đời, nhằm hướng dẫn con người trở thành con người tốt hơn. Tuy nhiên việc làm tốt hay xấu vẫn do con người, chứ không do Tôn Giáo đó. Tôn Giáo chỉ là một khuôn phép, còn con người có chịu chấp nhận những khuôn phép đó không lại là chuyện khác.

Ngày xưa tại Trung Hoa có kể lại câu chuyện rằng: "Mẹ của Ngài Mạnh Tử làm nhà gần người giết thịt heo thì bà thấy con bà lúc nào cũng tìm những con dao cùn và lấy cây chuối làm thân heo để giết làm thịt. Đó là trò chơi không cố ý; nhưng mẹ Ngài biết chắc sẽ di hại về sau nơi tâm thức của con mình; nên mới dời nhà đến ở gần một trường học. Ngài Mạnh Tử thấy học trò đi học, mình cũng bắt chước học theo, cuối cùng thành một nhà hiền triết Trung Hoa".

Như thế chúng ta thấy rằng hoàn cảnh của xã hội chung quanh rất quan trọng. Dầu là đứng trước cái nhìn của một nhà xã hội học hay một nhà Tôn Giáo học cũng thế thôi. Dĩ nhiên nó có nhiều sự khác biệt; nhưng đó là sự khác biệt tốt; chứ không phải là một sự khác biệt xấu.

Như thế dù đứng dưới cái nhìn nào, một hình thức nào đi chăng nữa ở trong xã hội này, cái được gọi là cá thể con người đó nó rất quan trọng. Nếu nó không được hướng dẫn tốt, đào tạo giỏi thì nó sẽ trở thành phế thải. Nếu nó được ở trong một môi trường tốt thì nó trở thành hữu dụng, mặc dầu cuộc đời này chẳng có gì chắc thật cả; chỉ là giả danh chứ không có gì là thực tướng, ngoại trừ chân lý giải thoát của Đức Phật.

Nếu một kí-lô sắt để lâu ngày không biết xài, ta đem cân kí bán; nó chỉ có giá trị là sắt vụn độ 10 đồng một kí mà thôi. Cũng kí sắt ấy nếu đem chế tạo thành đinh đóng tường thì ta sẽ có được giá trị hơn 10 lần như trước. Còn nếu ta đem 1 kí sắt ấy chế tạo thành những linh kiện của Computer, chắc chắn chúng ta sẽ có giá trị gấp 1.000 lần như vậy.

Thân ta cũng giống như thế, hơn thua, nên hư chúng ta phải là chủ thể chứ không thể là cục sắt; nhưng tùy theo hoàn cảnh, sẽ tạo nên những vật tốt. Điều này rất quan trọng, xin đừng quên.

Chương Chín

Những gì nên làm và không nên làm

Đầu tiên chúng ta nên chia những động từ có tính cách tự nguyện (nên) và bắt buộc (phải) của nhiều ngôn ngữ khác nhau, để ta thấy được cái tự do và điều kiện ắt có và đủ để thành tựu một việc gì.

Động từ tiếng Việt "nên" có ý bảo ta nên làm việc đó. Nếu không làm cũng không sao. Nếu dùng chữ "phải" như anh phải sống hay tôi phải đi học v.v... nó trở thành một bổn phận nhất định nào đó. Còn tiếng Anh cũng thế. Ví dụ như câu: *You must learn English.* Nghĩa là: Anh phải học tiếng Anh hoặc: *You have to learn English cũng giống nhau. Có nghĩa là điều kiện ắt có và đủ để học ở Đại Học Anh, Mỹ, Úc, Tân Tây Lan, Canada v.v... thì anh phải biết tiếng Anh. Nếu anh không biết thì làm sao thi vào đó và vào đó để làm gì v.v...*

Tiếng Đức cũng thế. *Du sollst Deutsch lernen.* Có nghĩa là cậu nên học tiếng Đức. Nếu nói *Sie müssen Deutsch lernen.* Có nghĩa là ông/bà phải học tiếng Đức. Đây cũng là một động từ có điều kiện, nhằm để

đạt được theo nhu cầu một cái gì đó. Tiếng Pháp cũng vậy. Ví dụ như câu: Je dois aller à l'école. Nghĩa là: Tôi phải đi học. Đi học là một nhiệm vụ, không thể nói là tôi nên đi học. Tiếng Trung Hoa nói rằng: (我必須買這本書). Nghĩa là tôi phải mua quyển sách này.

Vì đó là điều bắt buộc. Nếu không có quyển sách đó, tôi sẽ không làm được gì cả. Nhưng khi thay bởi động từ "nên" thì nó sẽ nhẹ hẳn ý nghĩa của câu nói đi.

Ta có thể nói rằng: 你應該買這本書. Nghĩa là: Anh nên mua quyển sách này. Điều ấy có nghĩa là: nếu có tiền thì mua bây giờ, còn không có tiền thì để lúc khác; hoặc giả không mua cũng không có sao.

Bây giờ ngôn ngữ cuối cùng mà tôi muốn dùng đến là tiếng Nhật. Tiếng này tương đối khác hơn những ngôn ngữ bên trên. Vì lẽ tiếng Nhật không cần trợ động từ, mà chỉ trong động từ đó nó có thể nói lên tất cả mọi ý muốn rồi. Ví dụ động từ (行く) (iku) nghĩa là đi. Chia chỉ 5 thể như sau: Ikanai (không đi) ikimassu (đi) ikeba (nếu đi) ikoo (hãy đi) ikimasho (cùng đi). Nhìn như vậy ta không thể biết là "nên đi" phải chia như thế nào. Nếu muốn dùng chữ "nên" thì lấy động từ ikimassu bỏ chữ su phía sau và thêm vào chữ sen ka? Nghĩa là ikimasen ka? Câu hỏi ấy có nghĩa là: không đi sao? Trong đó có ngụ ý là nên đi. Còn nếu nói "phải đi" thì động từ iku ấy phải chia như sau: ikanakerebanarimasen. Hoặc có thể nói: ikkitte wa ikenai yo = không được phép đi v.v...

Mỗi một ngôn ngữ nó có một nhiệm vụ khác nhau. So ra trong 3 ngôn ngữ của Á Châu gồm tiếng

Tàu, tiếng Nhật và tiếng Việt thì tiếng Việt dễ nhất. Vì động từ không phải chia, sau đó đến tiếng Tàu và tiếng Nhật. Trong khi đó 3 ngôn ngữ của Âu Châu: Anh, Pháp, Đức đều phải dùng đến trợ động từ mới có thể diễn tả hết được ý muốn của mình là nên hay không nên, phải hay không phải. Tuân tự theo dễ khó, ta có thể nói tiếng Anh đơn giản hơn, rồi đến tiếng Pháp khó hơn một chút và cuối cùng là tiếng Đức.

Đứng về phương diện ngôn ngữ học, nhân chủng học và xã hội học mà nói thì những dân tộc nào càng đơn giản thì càng phát triển nhiều hơn; nhưng ngôn ngữ thì có phần ngược lại. Tiếng Việt chúng ta đơn giản, không chia động từ; nhưng đâu có phát triển nhanh được. Tiếng Việt chỉ khó ở dấu phát âm mà thôi. Trong khi đó tiếng Nhật và tiếng Đức khó gấp mấy lần tiếng Anh và tiếng Việt; nhưng những nước này họ đã bỏ Việt Nam sau lưng cả gần một thế kỷ rồi.

Đây chỉ là một số ví dụ căn bản thôi, chứ không là tất cả. Do vậy chúng ta cũng không thể lấy cách dùng động từ để đánh giá một dân tộc được. Cũng như thế, có nhiều người nói rằng: những nước giàu trên thế giới đều theo Thiên Chúa, còn những nước nghèo đều là Phật Giáo cả. Nói như vậy là sai. Vì lẽ Nhật Bản, Đại Hàn, Thái Lan, Singapore theo Phật Giáo số đông; nhưng đâu có nghèo. Trong khi đó rất nhiều nước ở Phi Châu theo Thiên Chúa giáo; nhưng họ đâu có giàu. Đó là một số thí dụ để ta thấy tất cả nó chỉ có tính cách tương trưng và tương đối thôi, chứ không có tính cách tuyệt đối.

Vậy thì giữa tốt và xấu; giữa nên và không nên ta phải chọn cái gì? Chọn cái bắt buộc phải như thế, hay khuyên là nên làm như thế này, thế kia?

Xã hội này cho con người rất nhiều thứ tự do, như tự do đi lại chẳng hạn. Trên đường phố anh có thể chạy xe 50 km/giờ là tốt. Có nơi 30 km/giờ. Ở xa lộ, anh có thể chạy trên 80 km/giờ đến 130 km/giờ. Nếu chạy chậm hơn hoặc nhanh hơn đều bị phạt. Vì sao vậy? Vì chậm hơn sẽ làm cản trở lưu thông trên xa lộ. Nếu nhanh quá cũng dễ gây ra tai nạn chết người. Nhưng luật là luật, thỉnh thoảng vẫn thấy những chiếc xe chạy chậm rì trên xa lộ, chẳng biết vì nguyên nhân gì, đồng thời cũng thấy nhiều xe phóng nhanh không thể tưởng tượng được, làm như hết giờ rồi, phải chạy gấp đến đó để kịp dự đám tang hay đám cưới; nhưng được phần họ, liệu những gì chung quanh sẽ ra sao? Nếu họ phạm sẽ bị phạt và nhiều lần vẫn thế. Vẫn chạy nhanh, vẫn bị phạt, vẫn bị cảnh cáo. Trong khi đó có nhiều người suốt đời chưa bao giờ chạy xe bị phạt một lần nào cả. Bảo hiểm không tăng mà càng ngày càng giảm. Người này sẽ được Nha Giao Thông & Vận Tải khen tặng và hăng bảo hiểm cũng có quà cho nữa. Đó là những phần thưởng dành cho những người giữ luật đi đường một cách đứng đắn. Cũng như trường học thưởng cho những người học sinh giỏi thể thao. Ai cố gắng, sẽ được nhiều người lưu tâm. Đó là một kết quả đã được đền bù.

Trong Phật Giáo chúng ta thường hay xưng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là Đại Sĩ. Vì sao? Vì đó là kẻ làm lợi cho mình mà cả lợi cho người nên gọi là Đại Sĩ. Còn kẻ chỉ làm lợi cho mình, không làm lợi cho người, gọi là Hạ sĩ và kẻ chỉ làm lợi cho người, không làm lợi cho mình thì gọi là Trung sĩ. Ba kẻ ấy, ba bậc tiêu biểu ấy mang tính chất tự độ, độ tha, tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Một Bồ Tát không vì sự còn hay

mắt của mình mà tồn tại. Bồ Tát ấy sở dĩ còn tồn tại là vì chúng sanh chứ không phải vì mình.

Ngày xưa khi Phật còn tại thế đến một làng đó giảng pháp; tất cả mọi người đều tin theo và quy y thọ giới. Có mẹ con quỷ La Sát thường hay bắt người để hại mới tìm đến Phật và bảo rằng:

- Từ khi Ngài về đây thuyết pháp tôi bị đói.
- Tại sao vậy? Phật hỏi nguyên nhân.
- Vì mọi người trở nên hiền lành; nên tôi không

hại được. Quỷ La Sát trả lời thế.

Thế rồi Phật dạy quỷ La Sát về sự khổ của những người thân bị quỷ giết hại, cho nên sau đó quỷ La Sát cũng quy y thọ giới và khi chết được sanh thiên.

Một câu chuyện khác kể rằng: Có người thợ săn, đem lưới vào rừng để lưới chim. Nếu ngày nào không bắt được con chim nào là vợ con ở nhà sẽ đói. Một hôm người thợ săn ấy đến trước Đức Phật và bảo rằng:

- Tại Ngài đến đây dạy đạo, cho nên con không bắt được con chim nào cả, khiến cả nhà con đói.

Phật lại làm phép hóa ra một con chim Đại Bàng và lao mình vào lửa dữ, đoạn bảo thợ săn vào đó lấy mồi, mang về nhà cho vợ con. Sau đó cả gia đình người thợ săn này đến quy y với Phật, nghe pháp và chứng Thánh quả.

Một hôm có một vị Bà La Môn giàu có trong thành Ma Kiệt Đà rất muốn hại Phật; nhưng chưa biết cách nào. Bỗng nảy ra ý kiến là cho gia nhân đem củi mục bắt qua một hầm sâu, dưới đó đang đốt lửa và trộn đồ ăn có chất độc dược, đoạn đến Trúc Lâm Tịnh Xá thỉnh Phật về độ trai và bảo với gia nhân rằng, phen này Cồ Đàm không bị lửa thiêu thì cũng bị thuốc độc hại. Mọi

người biết được tâm địa của Bà La Môn kia như thế; nên khuyên Phật đừng đến. Ngài bảo rằng: chẳng có sao và cứ thế tự tại ra đi. Khi đến trước hầm lửa Phật dùng Phật nhãn để thấy và dùng thần lực để hóa hầm lửa kia ra hoa sen nhiều màu thơm ngát. Đoạn Phật vào bên trong thọ trai. Sau khi dùng xong, Phật chẳng hề gì. Do vậy cả gia đình Bà La Môn này quy y với Phật.

Phật độ người như thế đó. Ngài không bắt buộc ai phải theo Ngài, cũng chẳng bắt buộc ai phải quy y với Ngài, mà điều ắt có hẳn nhiên là sau khi thấy một việc gì đó, họ tự thân trở thành là Phật tử, chứ Phật không dùng quyền lực, giáo điều để bắt buộc ai cả.

Ngày xưa A Xà Thế đã kết thân với Đề Bà Đạt Đa để hại Phật; nhưng cuối đời ông, chính ông đã là một ông vua hỗ trợ Phật Pháp hết mình. Vì Đức Phật cũng như giáo lý của Đức Phật đã cảm hóa ông.

Cách đó gần 300 năm sau ở Ấn Độ có vua Asoka cũng là một ông vua giết người không gớm tay và chính ông đã cho chặt cây Bồ Đề nơi Đức Phật thành đạo, rồi cho quân lính đem đốt. Khi đốt thì lá vẫn xanh tươi, cành vẫn còn nguyên vẹn. Nhà vua thấy điều kỳ lạ nên đã mua sữa bò và nước lạnh để tưới gốc cây đã chặt và kỳ lạ thay chỉ một đêm thôi, từ gốc cây ấy đã mọc lên 2 cây khác, rồi cho xây thành cao lên để khỏi bị phá. Thời gian chẳng bao lâu Hoàng Hậu, vợ vua Asoka, tin theo ngoại đạo và ghen ghét với ông cho nên cho người chặt cây Bồ Đề một lần nữa. Nhà vua lúc bấy giờ đã tin sâu nơi Tam Bảo nên rất thương tâm và cho người mua sữa hòa cùng với nước, thân hành đến đây tưới vào gốc cây Bồ Đề và cũng kỳ lạ thay chỉ một đêm thôi là cây ấy lại mọc lên. Chính những điều

kỳ lạ này đã cảm ứng đến vua quan; nên mọi người sẵn sàng tin theo và hộ trì chánh pháp.

Trong Đại Tạng kinh của Phật Giáo nơi nào cũng xác định một điều là 3.000 vị Phật từ quá khứ đến hiện tại, bước sang vị lai Đức Phật nào cũng thành chánh giác nơi đây và ở tại xứ Ấn Độ này chứ không phải là một nơi nào khác trên quả địa cầu này hết cả.

Đầu tiên Ngài đến núi Gaya đã 2 lần muốn ngồi nơi đó để thành chánh giác; nhưng Chư Thiên đã hiện ra và dẫn đường Ngài đi đến nơi gốc cây Bồ Đề. Gốc cây ấy bây giờ vẫn còn xanh tươi, mặc dầu những thế kỷ sau đó như thế kỷ thứ 11 đã bị quân Hồi Giáo đến từ Thổ Nhĩ Kỳ để chinh phạt và đốn chặt cây Bồ Đề cũng như phá các thánh tích của Phật Giáo, rồi động đất v.v... khiến cho cây Bồ Đề đã bao phen khổ lụy. Nhưng kỳ lạ thay! bây giờ năm 2003 này, nếu có ai đó đến đây để chiêm bái - thì đây! cây Bồ Đề vẫn còn nguyên vẹn và được các nước Phật Giáo trên thế giới bảo vệ duy trì cây Bồ Đề linh thiêng này để cành lá vẫn mãi xanh tươi với thời gian năm tháng.

Sau khi thành đạo 12 năm Đức Phật mới chế ra giới luật và sau khi Đức Phật sắp nhập diệt thì có một vị Tỳ Kheo rất vui mừng. Vì nghĩ rằng từ nay về sau không ai có thể la rầy vị ấy nữa khi phạm giới. Ngài Ca Diếp trông thấy vậy mới buồn thương, trong mùa hạ sau liền cho vân tập hết tất cả những bậc A La Hán đến động Thất Diệp để kết tập - Kinh - Luật - Luận. Điều ấy đã rõ ràng có từ thời ấy.

Giới luật là những điều ngăn cấm; nếu ai giữ gìn thì sẽ được tốt đẹp và giải thoát. Ai không thực hiện được, kẻ đó phải tự chịu quả báo ở nhiều đời nhiều kiếp về sau. Nó chỉ đơn giản vậy thôi và không có ai có

thể thay thế cho mình để lãnh cái nghiệp của mình được; ngoại trừ chính mình phải chuyển hóa lấy mình theo tinh thần giới luật của Phật dạy. Người tại gia cũng thế mà kẻ xuất gia lại còn phải chú tâm thực hành lời dạy này kỹ càng hơn nữa.

Có nhiều giới mà chưa thoát ra thành lời hay hành động cũng đã phạm rồi; chứ không nhất thiết phải là giết người cướp của mới là sai trái. Sự sai trái ấy nó nằm ngay nơi khi tâm ta mới bộc phát kia. Ví dụ như ta có ý muốn ăn cắp, ý muốn tà dâm chẳng hạn. Công việc nó khởi đi từ sự tác ý ấy, chứ không phải chờ khi đến kết quả rồi mới bị nhân quả chi phối.

Con người nó hơn những động vật khác là thế. Con người phải biết tự làm chủ mình. Tuy nghĩ những điều xấu, mà chưa thực hiện. Vì còn lý trí, luân lý, đạo đức nó ngăn chặn; nên ta chưa thốt nên lời, hay có những hành động thô bỉ. Ví như người điên, hay kẻ dại khờ. Vì họ không tự làm chủ não bộ của họ; cho nên họ mới sinh ra những con người như thế. Con vật cũng vậy. Sở dĩ con cọp nó thấy người là nó giương vuốt nhọn lên, con beo, con sư tử cũng vậy. Đó là sự tự vệ cần thiết của loài vật. Những con vật này tuy nó dữ; nhưng nó cũng chỉ giết người và giết những con vật khác khi nó đói; chứ chẳng có con sư tử nào giết nai khi nó no đâu. Còn con người nhiều khi lại khác, muốn mình được nổi danh hơn nên đìm người khác xuống. Muốn chứng minh cho đời thấy rằng mình là người tài, người giỏi nên hạ bệ người khác không nương tay, cũng chỉ vì muốn củng cố cái tự ngã của mình, mà thực tế ra cái tự ngã ấy là một cái tôi đáng ghét nhất và đáng phỉ báng nhất.

Tôi vẫn thường nói rằng: Chẳng ai có thể làm cho mình tốt hơn, mà cũng chẳng có ai có thể làm cho mình xấu hơn được, ngoại trừ chính mình. Nếu mình là một người xấu xa, đê tiện mà có người luôn luôn tăng bốc mình, tô hồng chuốt trắng bảo là mình tốt, chắc chắn mình cũng không thể nào tốt được. Trong khi đó mình là một người hiền mà có không biết bao nhiêu người có manh tâm muốn hại, họ dùng đủ mọi cách để gạt gẫm, chửi bới, vu cáo v.v... họ cũng không vì thế mà xấu xa được. Vì sự thật bao giờ cũng là sự thật. Ngày xưa Đức Phật cũng đã là thế. Có biết bao nhiêu ngoại đạo, ma vương vu oan giáng họa cho Ngài. Những kẻ chưa chứng Thánh không hiểu gì cả nên phân vân khó xử. Còn những bậc lậu tận đã hết thì rất an nhiên tự tại. Ngày nay cũng chỉ thế thôi. Có không biết bao nhiêu thế lực ngoại đạo, ma vương đánh phá Phật Giáo, họ bôi nhọ đủ điều; nhưng không vì thế mà Phật Giáo bị tàn lụi. Có thể một số người chưa có lòng tin vững chắc nơi Tam Bảo nên mới xôn xao. Còn người đã biết rõ lý nhân quả rồi thì không ai dại gì mà đi tin những lời phỉnh gạt của các loài ma ấy.

Ngày xưa có rất nhiều ông vua là Phật Tử, đồng thời cũng có nhiều ông phá chùa, đập tượng, bắt Tăng Ni hoàn tục v.v... cũng có nhiều ông vua xâm chiếm nước khác rồi chia đất cho chư Tăng để cất Chùa, Tịnh xá và đồng thời cũng có không biết bao nhiêu ông vua nhục mạ hủy báng Phật Giáo v.v... nhưng nhìn lại lịch sử chỉ hơn 2.500 năm thôi; những ông vua ấy đâu còn nữa, dầu hay dầu dờ. Trong khi đó Phật Giáo đã tự thắng mình từ ngàn xưa và cho đến hôm nay Phật Giáo vẫn còn có mặt khắp năm châu. Còn những thế

lực vua chúa ấy, lịch sử còn ai nhắc đến nữa? Như thế và như thế lịch sử đã chứng minh.

Không thể có chuyện "cả vú lấp miệng em" được. Không ai nhân danh quyền lực và thế lực nào để làm như thế cả. Vì cái gì mà danh nó không chánh thì ngôn nó sẽ không thuận và mọi sự thật sẽ được soi sáng dưới ánh mặt trời, dầu cho đó là chuyện tương đối đi chăng nữa.

Ông vua hay chính phủ cũng sống trên tiền thu thuế của nhân dân mà có được. Vua ấy và chính phủ ấy sẽ vì dân thay cho dân mà xây dựng đường sá, làm cầu cống, trường học, bệnh viện v.v... rồi cũng lấy từ tiền thuế ấy mà trả cho những ông quan to này. Họ sẽ làm việc theo bổn phận và trách nhiệm. Trừ phi họ tham nhũng, hối lộ v.v... mới bị phanh phui và bị cách chức.

Còn người Phật Tử khi đi chùa, cũng tự nguyện mà cúng chùa; chứ chưa có một người nào đi chùa mà bị bắt buộc cả và ngay cả việc cúng chùa cũng thế. Ngày xưa khi Phật còn tại thế, giàu như vua Tần Bà Sa La cúng cả hàng ngàn ngọn đèn đốt sáng vườn Trúc Lâm suốt đêm cũng không vì thế mà Phật nâng niu chiều chuộng. Trong khi đó một bà lão ăn mày dành dụm mấy quan tiền đem mua dầu để cúng, thì Phật cũng trân quý như thường.

Tinh thần ấy đã tồn tại mấy ngàn năm rồi và nay cũng chỉ thế thôi. Ở bất cứ nơi nào trên thế giới, đối với người Á Châu, việc xây chùa, tháp, cúng dường chư Tăng Ni là một việc phước đức, chứ hoàn toàn không bắt buộc. Đã gọi là tự nguyện thì không có chuyện kể công và so đo nhiều ít, mà đã cúng vào chùa thì nó còn đó; chứ nó có mất mát đi đâu. Cung

vua có thể bị đập phá bằng hoai, chứ chùa Phật thì muôn đời vẫn còn tồn tại mà. Bởi thế tục ngữ Việt Nam chúng ta có câu rằng: "Phép vua thua lệ làng" là vậy. Làng nào cũng có chùa; chứ còn cung vua thì chỉ có một ở kinh đô mà thôi.

Người Phật Tử Việt Nam chúng ta cũng nhờ hay đúng hơn là cũng bị ngày 30 tháng 4 năm 1975 mà ngày nay đã xây dựng gần 600 ngôi chùa lớn nhỏ trên thế giới, đã có mặt khắp năm châu, nhờ mang tiếng nói từ bi lợi tha ấy đi vào cuộc đời để xoa dịu nỗi khổ của nhân sinh. Ngay như nơi Phật xuất thế tại xứ Ấn Độ, đã mấy ngàn năm qua có không biết bao nhiêu chùa của ngoại quốc hiện diện trên đất nước này. Còn Việt Nam chúng ta lại chẳng có gì. Mãi đến thế kỷ thứ 20, đầu thế kỷ thứ 21 mới có được 4 ngôi chùa tiêu biểu. Nếu không có những tấm lòng; nếu không có những sự tự nguyện, những sự dấn thân làm sao có được những kết quả ấy?

Còn chư Tăng ngày nay cũng chẳng phải là những kẻ giá cơm túi áo mà vào chùa để đi tu. Họ là những người có tu và có học, có bằng cấp Tú Tài, Cử Nhân, Cao Học, Tiến Sĩ, Thạc Sĩ v.v... với chừng đó tước hiệu, nếu ở đời họ vẫn dư sức để lo cho bản thân và gia đình, đâu có phải cần vào chùa để tìm hạt cơm nơi tín thí dư thừa nuôi để họ trốn xâu lậu thuế. Chỉ có một điều đơn giản là họ thương mình và thương đời nên đã nhất quyết xuất gia vậy thôi. Cũng giống như Phật ngày xưa Ngai vàng không nhận mà nhận làm thân đạo sĩ đi khát thực. Điều đó cũng làm cho vua Tịnh Phạn khó chịu một thời; nhưng cuối cùng rồi vua Tịnh Phạn cũng phải nhường bước cho lẽ phải thế thôi. Ngày nay có không biết bao nhiêu người trên thế

gian này ghen ghét với chư Tăng bảo rằng: Ngồi nhà mát ăn bát vàng. Thôi thì cứ cạo đầu làm Tăng đi, cứ ăn chay niệm Phật đi, để được Phật Tử Thầy Thầy con con mà cúng dường. Nếu họ làm được, chắc chỉ vài ngày. Vì sự xuất gia ấy không do sự tự nguyện mà thành, mà chỉ do lòng tham lam lộc Thánh nên mới vào chùa. Cũng như có nhiều người thất tình nghĩ rằng vào chùa sẽ được yên tịnh hơn và mối tình xưa sẽ chôn chặt lại; nhưng không ngờ tiếng chuông chùa sẽ khơi dậy những mối tình cũ, người ấy sẽ không yên tâm hơn nữa và chính họ sẽ cởi áo nhà tu trả lại cho chùa, chứ không thể tiếp tục tu nữa. Đó là định luật bù trừ của nhân quả mà. Do đó ta có thể nói rằng người đi tu là người thương đời thật sự, chứ không phải là kẻ chán đời mới đi tu.

Một vua Lý Huệ Tông vì chán cảnh cuối đời của nhà Lý loạn lạc, nhân tình thế thái mà ông ta đã đi tu để trở thành Thiền Sư Huệ Quang thời ấy, đã khiến cho Trần Thủ Độ giận dữ bảo rằng: Nhỏ cỏ phải nhỏ cho tận gốc, để hỗ trợ cho nhà Trần, mặc dầu ông ta đã giáng chức Hoàng Hậu của Lý Huệ Tông xuống làm cung phi và đem làm vợ của mình; nhưng Trần Thủ Độ cũng chưa vừa ý. Ác độc như thế vẫn chưa vừa và sử sách vẫn còn ghi lại đây. Sau đó ông ta ép Trần Cảnh tức Trần Thái Tông phải lấy chị dâu của mình, vợ của Trần Liễu, để có được một Trần Thánh Tông. Rồi con của Trần Thánh Tông là Trần Nhân Tông cũng đã chán cảnh làm vua nên đã đi tu. Trần Thái Tông vì sức ép nên chán cảnh làm vua. Tuy nhiên vì bổn phận và trách nhiệm và qua lời khuyên của Quốc Sư Phù Vân tại núi Yên Tử nên đã trở lại triều đình mà chăm lo quốc sự. Sau đó vua Trần Nhân Tông mới là ông vua

chính thức xem ngai vàng như đôi dép bỏ để vào núi tu hành và lập nên phái Thiền duy nhất của Việt Nam ta, tồn tại một thời gian dài trong lịch sử dân tộc và lịch sử Phật Giáo. Vậy ai có thể nói rằng những ông vua này vì thích oản của Phật thơm? Hay dám nói một Lý Đạo Tái, tức một Trạng Nguyên của triều đình nhà Trần đã nói rằng:

***Khó khăn thì chẳng ai nhìn
Đến khi đổ Trạng tám nghìn nhân duyên.***

Thói đời nó đen bạc như vậy, cho nên Ngài quyết chí đi tu, không làm quan nữa và đã trở thành Thiền Sư Huyền Quang vang tiếng trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam và còn rất nhiều bà Hoàng Hậu, Công Chúa của các triều Lê, triều Nguyễn cũng đi tu. Vậy họ là những kẻ thiếu ăn, hay là những người muốn thêm nhiều danh vọng gì ở cửa chùa nữa?

Gần đây thôi, Thượng Tọa Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Trí Siêu Lê Mạnh Thát, Ni Sư Trí Hải là những người tiêu biểu. Họ là những học giả của Phật Giáo và của dân tộc Việt Nam, đã nghiên cứu, phiên dịch, trước tác những bộ sách rất quý mà có thể nói đông tây kim cổ, chưa có một người Việt Nam nào sáng giá hơn như thế. Như vậy Phật Giáo đã đóng góp gì cho dân tộc Việt Nam thì chúng ta đã hiểu rồi. Một người có 3 cái bằng Tiến Sĩ như Thượng Tọa Trí Siêu Lê Mạnh Thát so với một người Việt Nam bình thường cũng chưa có, làm sao mà có thể đi so đo được với Phật Giáo. Một Ni Sư Trí Hải đa tài đã chuyển dịch những bản kinh, sách từ tiếng Anh sang tiếng Việt đã làm nền tảng cho biết bao nhiêu Tăng Ni, Phật Tử ở trong cũng như ngoài nước. Một Thượng Tọa Tuệ Sỹ đã làm cho Bùi Giáng

phải cúi đầu khâm phục, mà ở Việt Nam chúng ta không có được một thi nhân như thế. Rồi những bản văn, bản nhạc, những trước tác v.v... chỉ chừng ấy thôi, Phật Giáo Việt Nam cận đại đã có 3 bậc nhân tài cũng đủ cho ngàn đời sau sách vở vẫn còn ghi lại. Rồi Hòa Thượng Quảng Độ, Hòa Thượng Huyền Quang, những người đã được thế giới ngưỡng mộ và đã nhiều lần là ứng cử viên của Giải Nobel Hòa Bình trên thế giới.

Còn ở ngoại quốc Phật Giáo chúng ta không thiếu những người tài có bằng cấp Tiến Sĩ như Cố Hòa Thượng Thích Thiện Ân, Viện Trưởng Viện Đại Học Đông Phương (Oriental University) ở Los Angeles, Mỹ Quốc. Hòa Thượng Thích Thiện Thanh, Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Hòa Thượng Thích Trí Chơn, Hòa Thượng Thích Pháp Nhẫn, Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh, Hòa Thượng Thích Chánh Lạc, Hòa Thượng Thích Huyền Vi và dưới đó là Thạc Sĩ, Cao Học, Cử Nhân lại quá nhiều. Gần đây thế hệ ra ngoại quốc sau 1975 có Thầy Quảng Chơn ở Mỹ đã xong Tiến Sĩ và hiện dạy tại Đại Học ở New York. Hạnh Giới tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Đại Học Hannover, Đức Quốc, Thầy Đồng Văn, Sư Cô Minh Huệ, Sư Cô Liên Tường tốt nghiệp Tiến Sĩ ở Ấn Độ v.v... Với chừng ấy mảnh bằng, chừng ấy công lao học tập họ không đủ khả năng để làm ra tiền sao mà họ phải ăn bám ở chùa như lâu nay có nhiều người vẫn nghĩ? Hay họ lại ganh tị với người tu, vì vừa được cúng dường mà vừa được trọng vọng.

Đó là chưa kể những thế hệ đi sau nữa. Bây giờ có rất nhiều Thầy Cô giỏi để tiếp tục gánh vác sứ mạng của Phật Giáo trong tương lai cả trong và ngoài nước. Lúc ấy ma vương và những thế lực dị giáo chắc

chẳng an tâm gì khi thấy Phật Giáo càng ngày càng phát triển như thế. Bởi vậy những Thầy Cô, đệ tử của tôi, tôi đều cho học đến nơi đến chốn. Học khi nào hết muốn học mới nghỉ và dĩ nhiên là nó không có điểm cuối cùng như chương trước đã có lần đề cập đến là: Sự học nó không làm cho người tu giải thoát được; nhưng nếu muốn mở cánh cửa giải thoát ấy không thể thiếu sự tu và sự học mà có được. Đó là châm ngôn muôn đời của tôi mà sau này tôi muốn những thế hệ đi sau nên noi theo đó để đi vào đời để khỏi bị khinh khi ngạo báng là những kẻ trọc đầu này không có văn hóa và chẳng làm nên tích sự gì, cho nên mới lánh thân vào chùa để nhận được hạt cơm của đàn na thí chủ.

Bây giờ ở ngoài tiệm người ta bày bán không biết bao nhiêu sách vở chỉ dẫn về cách xử dụng Computer, cách nấu ăn, cách trồng cây làm vườn, cách tự xây nhà, làm hồ tắm v.v... nhưng khi mua sách về ta vẫn cho mắm muối, đường, bột ngọt, giống như lượng của sách vở chỉ dẫn; nhưng tại sao món ăn nó không ngon, như ta đã ăn ở nhà hàng họ? Thế rồi ta đâm ra trách móc, nghĩ rằng chắc họ còn giấu mẹo gì đây? Nhưng đâu có biết rằng những nhân duyên ngoại tại nó cũng quan trọng lắm. Ví dụ như nước nấu tại nhà mình không ngọt, rau cải không tươi v.v... chỉ chừng ấy thôi là gia vị nó đã biến thể rồi. Thứ nữa ta vẫn cố công nhưng thành quả nó không như ý muốn. Vì nhân duyên ngoại tại cũng không kém phần quan trọng. Ví dụ như khi cho cây xuống lỗ vào lúc ấy, thời tiết không tốt; nên kết quả là cây không đâm chồi nảy lộc, do đó nó không giống như những gì mà sách đã chỉ, lại đâm ra trách người trách trời.

Trái quít ở Giang Nam tại Trung Quốc rất ngọt và cũng đem giống ấy lên trồng ở Giang Tây nhưng quít kia lại chẳng ngọt. Điều ấy không phải tại quít mà tại những nhân duyên lệ thuộc bên ngoài như đất, nước, khí hậu v.v...

Đa phần thì chúng ta chỉ trách người thôi, chứ ít ai chịu trách mình tại sao thiếu phước, thiếu tu cho nên mới ra nông nổi ấy. Phàm người có phước và còn phước thì làm việc gì cũng thành tựu. Còn kẻ thiếu phước, thiếu tu thì làm việc gì cũng hư nát, đổ bể. Đâu phải thấy người ta tu được thành công mà mình ganh ghét đố kỵ? Vì lẽ mỗi người có một cái phước đức và nghiệp lực riêng, không ai có thể cho thêm vào và lấy bớt đi được. Chúng ta phải hiểu điều đó thì chúng ta mới tự tại trong việc tu học và hành đạo. Nếu không, chúng ta chỉ là kẻ lữ hành cô độc, lang thang trên khắp nẻo luân hồi, chẳng biết nơi đâu là cổ hương, là quán trọ cả. Nhiều khi nhận kẻ thù làm bạn, nhận người tệ hại làm Thầy mình, thì quả rằng hết sức uổng công cho cuộc đời của mình vậy.

Đa phần mình đòi hỏi nơi người khác mà chẳng đòi hỏi ở chính mình. Thầy đòi hỏi trò phải giỏi; cha mẹ đòi hỏi con cái phải ngoan; chồng đòi hỏi vợ phải chăm sóc việc nhà; ông chủ đòi hỏi thợ phải siêng năng v.v... nhưng đâu có ai ngờ rằng kẻ đối diện kia cũng muốn mình phải có những bổn phận như thế. Do vậy Đức Phật đã chỉ cho người xuất gia và tại gia trong kinh Lục Phương là mỗi một loại người như vậy đều có 5 bổn phận tương ứng với nhau. Nếu cả 2 bên cùng thực hiện thì sẽ được an lạc, lợi ích. Nếu chỉ một bên thì khó trông mong sự đáp ứng toàn hảo được.

Có nhiều người giận chửi cho bõ ghét; nhưng đâu có biết rằng cơn giận dữ ấy làm cho mình càng sân si thêm, gây biết bao nhiêu nghiệp ác tiếp tục; trong khi đó đối phương họ vẫn an vui tự tại; vì họ đâu có biết mình chửi họ bao giờ. Cuối cùng rồi mình vẫn là kẻ khổ, bị tâm thức giày vò khó ăn, mất ngủ. Lỗi ấy không phải tại đối phương mà tại chính ở nơi mình.

Cố Tổng Thống Kennedy của nước Mỹ, người đã bị ám sát vào cuối tháng 11 năm 1963 tại Dallas đã để lại một câu nói rất có giá trị. Đó là: "*Bạn hãy đừng đòi hỏi rằng nước Mỹ đã làm gì cho bạn, mà bạn nên hỏi rằng bạn đã làm được gì cho nước Mỹ hay chưa?*" . Quả thật là một câu nói tuyệt vời, bất hủ. Bây giờ ta thử phân tích câu nói này vậy. Thông thường chúng ta hay đòi hỏi người này người nọ. Ví dụ như người Thầy tu thì phải như thế này, ông Cha có phải như thế kia, Ni Cô là phải như vậy, bà Soeur phải như thế mới đúng. Ông Tổng Thống làm vậy là sai v.v... tất cả đều ở dưới con mắt chủ quan của mình. Ta tự vẽ ra một khuôn hình chữ nhật hay hình vuông rồi ta lồng những gì chúng ta nghĩ là đúng đó vào trong khung ấy; nếu những gì nằm ngoài khung, ta nghĩ rằng không đúng, tất cả đều sai. Đó là một sự nhận xét quá nông cạn, thiên cận, hẹp hòi, cần phải học hỏi kinh nghiệm nhiều hơn nữa. Người công dân cứ đòi hỏi nay tiền hưu trí, mai tiền mua áo mùa đông, mua áo mùa hè, tiền nghỉ hè, tiền bệnh hoạn v.v... nhưng có rất ít người phải nghĩ rằng mình đã đóng thuế cho chính phủ bao nhiêu rồi và mình đã nộp cho quỹ bảo hiểm, quỹ hưu trí mấy phần trăm? Ví dụ như khi bảo hiểm một căn nhà, một chiếc xe hơi thì ta khai tiền thấp xuống; nhưng khi lỡ xảy ra tai nạn, nhận lại tiền đền bù từ bảo hiểm thì ta

bảo rằng tại sao mà ít quá. Có phải ta tự mâu thuẫn ta chẳng?

Đó là chưa nói những chuyện có tính cách trách nhiệm cao hơn. Ví dụ như khi quốc gia cần người đi lính để bảo vệ tổ quốc thì ta viện lý do này hay lý do khác để chối từ không đi. Như vậy mà quyền lợi thì lúc nào ta cũng đòi hưởng cho nhiều. Nghĩa là thế nào? Nếu một dân tộc mà đa phần người dân đều như thế thì chắc chắn rằng dân tộc ấy đã đến thời kỳ suy vong và ngoại bang có cơ hội để xâm chiếm nước mình. Lúc ấy lại than trời trách đất, chê người lãnh đạo dở. Còn ta, ta đã làm được gì cho quê hương đất nước đây? Hay nói như Trần Tế Xương ở đầu thế kỷ thứ 20 khi tranh đấu với thực dân Pháp rằng:

"Dân hai lăm triệu còn đang ngủ

Dại gì ta thức một mình ta"

Đó cũng là cái khôn của người trí thức; nhưng khôn như thế nước sớm mất về tay ngoại bang là chuyện đương nhiên rồi. Ai cũng chán ngán cho cảnh tranh đấu, giành độc lập cho nước nhà, thì mình có đứng lên hô hào cũng thế thôi. Đó là quan niệm của kẻ tiêu cực trong một đất nước cần sự đóng góp tích cực của mình và nhiều người. Trong khi đó tại Ấn Độ, Thánh Gandhi đã tuyên bố rằng: "*Chỉ cần một người có ý chí kiên cường cũng có thể lật đổ được một chế độ thực dân*". *Điều ấy đúng và người đó chính là Ngài. Suốt* bao nhiêu năm tranh đấu gian khổ và cuối cùng thực dân Anh phải chùn bước, để năm 1948 trao trả độc lập lại cho Ấn Độ. Một con én dĩ nhiên không thể tạo nên được một mùa xuân; nhưng nếu một mùa xuân mà có nhiều con én thì đẹp để biết bao nhiêu!

Mỗi người trong chúng ta hãy tạo nên một cánh én đi và không nên ngồi đó than trời trách đất là tại sao mùa xuân lại không đến.

Cuộc sống của người tu hành cũng thế. Người đi tu không phải là người ham cuộc sống lợi dưỡng. Nếu muốn sống lợi dưỡng thì nên ở nhà để được yên thân phỉ da. Còn người ở chùa không thể như thế được. Người xuất gia phải có một ý chí cao vờn vợi như núi Thái mới có thể chèo chống qua những truân chuyên khổ ải, thử thách của cuộc đời. Có như thế mới xứng đáng là kẻ "xuất trần thượng sĩ". Người xuất gia không phải là kẻ "trốn râu lậu thuế" rồi mới vào chùa để tu, mà người xuất gia là người có đầy đủ nghị lực để chiến đấu với nội tâm và ngoại cảnh. Có như thế mới trở thành người mô phạm, đi hướng dẫn cho đời; nếu không là như thế, thì đời sẽ hướng dẫn lại mình, chứ không phải mình đi hướng dẫn đời.

Trong "Qui Sơn Cảnh Sách" Tổ Qui Sơn dạy rằng:

**"Phù xuất gia giả
Phát túc siêu phương
Thân hình dị tục
Thiệu long Thánh chủng
Chấn nhiếp ma quân
Thượng báo tứ ân
Hạ tế tam khổ
Nhược bất như thử
Lạm xí Tăng luân..."**

Nghĩa là:

**"Phàm kẻ xuất gia
Cất bước ra đi
Thân hình khác tục
Hưng long dòng Thánh
Nhiếp phục ma quân
Trên đền bốn ân
Dưới cứu ba khổ
Nếu không phải vậy
Xâm phạm luật Tăng..."**

Chỉ cần nhìn một điểm nhỏ như vậy thôi, đủ thấy trách nhiệm của người xuất gia lớn lắm. Họ biết rằng phải nên làm gì, chứ không cần đến người đời khuyên bảo họ. Vì lẽ việc xuất gia là tự nguyện, ai muốn đi trên con đường giác ngộ ấy thì cứ hiên ngang mà tự lãnh trách nhiệm vào mình để dẫn thân. Ca dao Việt Nam cũng có câu:

**"Sông dài nước chảy ngao du
Mặc lòng ý bạn có muốn tu thì vào chùa".**

Rõ ràng là như vậy. Chứ muốn tu ở đây đã diễn tả đầy đủ cái ý nghĩa tự nguyện rồi. Việc đi tu hoàn toàn chẳng ai ép buộc mình cả và việc không tu nổi nữa lại ra đời cũng chẳng ai ép buộc mình phải ở lại với Đạo. Vì nhân duyên chỉ đến đó và nghiệp lực chi phối nên chỉ thực hiện được một phần ba đường hay nửa đường, cũng quý thôi. Dĩ nhiên là đã hơn những kẻ chưa dẫn thân được một bước nào và bây giờ họ không kham nổi trách nhiệm tự nguyện ấy, họ có quyền đặt gánh xuống nghỉ, để thành thoi trong kiếp luân hồi, rồi mai sau một trăm hay hai trăm năm nữa

họ sẽ đi tiếp tục; chẳng có gì để phải trách móc, chê bai họ. Vì chính điều ấy mình cũng chưa làm được kia mà. Người xuất gia là người học hạnh Thánh; chứ không phải là Thánh. Do đó nhiều khi có đúng có sai. Đó là chuyện thường tình trong cuộc đời; chẳng có gì để phải trách móc cả.

Một hôm đi trong xe của một Phật Tử tại Los Angeles, tôi có hỏi rằng: Lâu nay ở hải ngoại nói chung và nước Mỹ nói riêng có nhiều người viết thư rơi, hoặc sách báo chữ bới quý Thầy như vậy. Đạo Hữu thấy ra sao?

Vị ấy trả lời rằng:

"Bạch Thầy, ở đây việc đó rất thường xảy ra và điều đầu tiên của chúng con khi nhận được là liệng vào thùng rác, không đọc. Nếu đọc sẽ dấy bản tâm mình. Vả lại chúng con tin quý Thầy hơn chứ đâu có tin những người viết thư rơi, hoặc viết sách nói xàm đó. Họ vẫn là những người phạm mà".

Đó là câu trả lời của một trong nhiều người Phật Tử hiểu đạo. Khi biết đạo rồi, ta tin đạo là chân lý, lời nói của quý Thầy, Cô là phương tiện đưa đến chân lý; chứ không là tất cả. Vì ở ngoài đời cũng thế, chúng ta có những người cha rất hiền lành, đạo đức, trí thức biết lo cho gia đình vợ con, xã hội; nhưng nếu lỡ ra chúng ta có những người cha phạm phải lỗi này, lỗi nọ, chúng ta làm con, chúng ta không thừa nhận người ấy là cha mẹ của ta sao? Đó chẳng qua là nghiệp lực của mình phải sanh vào trong một gia đình như thế.

Như trên đã trình bày - Có Phật Tử bảo rằng chúng con rất là có phước, vì có được một Thầy như thế; nhưng đồng thời cũng ở địa phương ấy có người bảo rằng: Chúng con rất vô phước nên mới gặp Thầy,

Cô ấy. Vậy thì có phước hay vô phước là do người đối diện và do nhân duyên nữa. Vì người này đứng ở phương diện này để nhìn. Còn người kia đứng ở phương diện khác để kết luận. Do đó đừng vội buồn khi bị chê mà cũng đừng vội vui khi được khen. Vì khen, chê vốn là 2 thái cực không có thực tướng ở trong cuộc đời này.

Khi so sánh thì người ta thường hay đem vật A và vật B nó có những điểm tương đồng và dị biệt để so sánh. Chứ còn đem một động vật với một thực vật mà so sánh thì nó chẳng có điểm nào có thể gọi là giống cả. Vì 2 loại có môi trường sống khác nhau và hoàn cảnh cũng khác nhau, không thể so sánh được. Ví dụ so sánh một người xuất gia với một người chưa bỏ tục gia, chẳng ai làm điều đó cả. Vì người tu đâu phải là mục đích để so sánh như thế. Vả lại nếp sống của Thiền Môn làm sao một người Cư sĩ có thể nắm bắt hết được mà quơ càng nói bậy cho sướng miệng để phê bình Thầy này, chỉ trích Cô kia. Đó là điều không tưởng. Vì họ chẳng biết gì về nếp sống tu hành, thì không thể nào nói về chuyện tu hành được. Nếu có nói cũng không đúng. Vì đó không phải là chuyện của người đời; nhất là người đó không ở trong chùa làm sao biết được chuyện của chùa mà viết? Và nếu không nằm trong chốn thì làm sao biết được chốn có rận hay không?

Đức Phật có dạy trong Tứ Thập Nhị Chương rằng: Kẻ ác hại người hiền như tung bụi ngược gió. Bụi kia không đến người hiền mà ngược lại kẻ ác phải lãnh lấy hậu quả hứng bụi. Đồng thời Phật cũng dạy tiếp: Kẻ ác hại người hiền như ngửa mặt phun nước miếng lên trời. Nước miếng kia sẽ rơi ngay vào mặt người ác

chứ chưa đến người hiền được. Việt Nam mình cũng có câu phương ngôn như thế: "Kẻ ác hại người hiền như ngậm máu phun người. Máu kia chưa đến người hiền mà miệng mình đã dơ trước", ... cứ thế và cứ thế có rất nhiều bài học luân lý trong cuộc đời này mà mỗi chúng ta cần phải học lấy.

Vậy họ nói xấu, bôi nhọ người tu hay người đời như thế có ác ý gì? Dĩ nhiên là có. Đó chung quy cũng chỉ vì tiền, vì danh, vì lợi, vì chính kiến khác nhau. Đời có mấy chữ "T" mà nó khắc nghiệt như thế. Đó là những loại ma vương rung cây để nhát khỉ. Cũng giống như ngày xưa khi Ngài A Nan còn ở nơi núi Linh Thứu với Đức Phật. Trong khi Ngài A Nan ngồi Thiền, chư Thiên mới hiện ra một loài ma, khiến tâm A Nan lo lắng. Phật biết được điều đó; nên đã lấy tay chạm lên đầu Ngài A Nan để an ủi vỗ về và bảo rằng: "Đó là giả cảnh chứ không thật tướng". Sau đó Ngài A Nan bình tĩnh và ngồi Thiền tiếp.

Ngày xưa Đức Phật còn tại thế mà đã có không biết bao nhiêu là ma chướng, nó hết trêu gạt Ngài, lại đến trêu gạt đệ tử của Ngài. Nó hết phá phách điều này, lại vu oan giáng họa điều kia; nhưng cuối cùng rồi chân lý vẫn thắng. Vì ma không có chỗ đứng trong cuộc đời nên nó mới quấy phá vậy. Còn chân lý thì bao giờ cũng như như bất động và lúc nào người đời cũng lấy đó làm mục thước để tiến thân; nên có nhiều người tức giận thị phi là đúng.

Nhưng xin thưa! Nếu có cạnh tranh thì xin ra giữa chợ đời mà tranh đua danh và lợi; chứ ở chốn Thiền Môn này quyết không có danh mà lợi cũng chẳng màng thì có gì đâu để mà tranh đua? Danh và lợi những người xuất gia đã để lại sau lưng rồi, còn đâu

nữa để mà giành giật với họ. Còn người nào muốn được danh lợi như họ nghĩ thì xin cứ vào chùa để xuống tóc, ăn chay thì biết. Chứ ở đời quen thói ăn tục nói phét ấy làm cho mọi người rất ghê tởm.

Một người Phật Tử bình thường còn giữ năm giới, chuyện có nói có, chuyện không có nói không có. Còn chư Tăng Ni còn nhân quả nữa mà, làm sao họ có thể làm ngược lại nhân quả được. Chỉ có những người không tin luân hồi và nhân quả mới làm được mà thôi. Nói ở đây việc nên làm và không nên làm là nói với người còn tin luân hồi nhân quả. Còn kẻ mà nhân quả luân hồi không tin thì xin miễn bàn. Nói cho nhiều chỉ thêm tốn giấy mực và phiền lòng người đọc. Nhưng đã là con người thì chúng ta ít ra cũng có một ít đạo đức của cung cách làm người. Không thể phủ nhận cái giá trị ấy để đi nhận chìm người khác xuống để mình nổi danh, dầu có một sự nổi danh hư ảo nào khác cũng không nên làm như thế.

Mục đích của người Phật Tử tại gia và người xuất gia là trên đền bốn ơn nặng; dưới cứu khổ ba đường. Rõ ràng rất là cao quý. Ta cứ thế mà tiến bước, chẳng có lý do gì để lùi chân. Nếu lùi, ắt chấp nhận ma vương, mà chúng ta phải tiến. Vì bên cạnh chúng ta đã có chân lý của Đạo Phật hỗ trợ.

Mong rằng những kẻ ác ấy sẽ hồi tâm cũng như kết quả của bao nhiêu vở kịch của Á Châu chúng ta vậy. Một người làm ác đến đâu đi chẳng nữa; ở vào lúc cuối câu chuyện hay cuối cuộc đời của họ là sự ăn năn sám hối và chuyện lành thì được phước báo, chuyện ác phải bị nhân quả chi phối. Cũng giống như thế - Vua A Xà Thế, vua A Dục, vua Lương Võ Đế v.v... ngày trước vốn là những bậc hôn quân bạo chúa, giết

người chẳng góm tay và 3 ông vua này đều là những ông vua hại Phật, đập phá chùa chiền, tượng Phật, tượng Bồ Tát, đốt hết kinh sách, cho chư Tăng Ni hoàn tục v.v... nhưng một khi những con người ấy biết hồi tâm qua sự nhiệm màu của giáo lý, thì những vị vua kia trở thành những Phật Tử rất thuần thành, lo xây dựng chùa tháp, hỗ trợ cho Tăng Ni tu học và ngay cả con cái trong gia đình của mình cũng có những người xuất gia, thọ giới nhằm mang ánh đạo nhiệm màu ấy đi truyền khắp đó đây. Đó là 2 người con của vua A Dục: Mahinda và Công chúa Sanghamita. Một Đông Cung Thái Tử và một Công Chúa đã trở thành một Đại Đức và một Ni Cô, là những người đầu tiên mang Phật Giáo và cây Bồ Đề từ Ấn Độ sang Tích Lan để gieo giống lành ấy.

Không như phim truyện của Âu Châu hay Mỹ Châu, người thắng ở cuối câu chuyện là kẻ mạnh, kẻ đã giết được nhiều người, chiến thắng được nhiều người. Đây là một kết quả rất bi thảm, không mang tính cách đạo lý, mà chỉ mang tính cách mạnh được yếu thua. Do vậy giữa Đông và Tây có nhiều điểm khó mà gần nhau được. Dĩ nhiên trong cái tốt nó đã hàm ý có cái xấu, hoặc trong cái xấu đã có chứa đựng cái tốt; nhưng trong mọi cái xấu, cái ít xấu nhất vẫn là cái đáng quý hơn và trong mọi cái tốt dĩ nhiên là ai cũng chọn cái tốt nhất rồi; nhưng không phải trong ấy chỉ hoàn toàn là tốt. Vì trong cái này nó ẩn chứa cái kia.

Cuộc sống ở trong xã hội bị bao việc tốt xấu vây quanh cũng giống như một chiếc áo màu nâu hay màu đen, bây giờ rủ có nhuộm nâu hay nhuộm đen thêm vào thì màu sắc ấy vẫn là vậy, chẳng có chi hơn và ai cũng chẳng để ý làm gì. Trong khi đó cuộc đời của

người tu hành, những kẻ đại diện cho đạo đức cũng giống như một chiếc áo trắng, rũi ro có chút bụi nào bị bám vào chiếc áo ấy, họ liền thấy rõ và vì thế mà mới dễ phát giác, phê bình. Cũng như chúng ta phê bình một bức tranh thì dễ, chứ vẽ nên một bức tranh đâu có dễ dàng như thế, mà đòi hỏi phải bao nhiêu năm tháng miệt mài với sơn, với cọ, với ngày, với đêm; nhưng khi đem ra để triển lãm, thì sẽ có tiếng khen và lời chê. Chúng ta mỗi người nên trở thành một họa sĩ thì dễ thông cảm hơn cho họa sĩ kia, chứ ai đứng ở ngoài xem rồi phê bình, thật ra chuyện ấy ai làm cũng được. Có người phê bình đúng, vì người đó đã là họa sĩ; nhưng họ nhận xét theo trường phái của họ. Có người nhận xét sai, vì lâu nay đâu có biết về nghề họa là gì đâu? Nhưng dầu đúng dầu sai, dầu khen dầu chê đã là một họa sĩ thì cố vẽ những bức tranh đẹp cho đời thưởng ngoạn. Cũng như một nhà văn giống với con tằm. Đã là tằm thì phải ăn dâu và nhả tơ. Nếu tằm ăn dâu mà chỉ bài tiết ra toàn là dâu thì đâu có ích lợi gì cho đời. Vì vậy dâu ấy phải biến thành những sợi tơ óng ánh và đem dệt nên những gấm hoa để mang lại hơi ấm cho loài người thì tằm kia, dâu kia, tơ kia quả thật đã rất xứng đáng với chức năng của nó.

Những việc không nên làm thì có vô số mà con người chúng ta nếu muốn tiến thân thì phải lấy chân dò tìm nơi có thể đo được độ sâu của sông ngòi biển cả hoặc những hầm hố nguy hiểm và cũng như thế ấy những gì thuộc về trừu tượng, ta có thể dùng khứu giác để đánh mùi, dùng thính giác để phân biệt nhạc hay nhạc dở, dùng tâm thức để phân biệt là điều nào nên làm và điều nào chẳng nên làm; điều nào nên nói và điều nào chẳng nên nói. Giống như con trâu có dây

cột mũi, con ngựa có cương, con voi có người nài v.v... tất cả là mô phạm, là biên giới, là hàng rào cản ngăn để những con vật ấy làm xong một bổn phận trong bao nhiêu sự tương đối của cuộc đời này.

Chúng ta cũng thế, phàm làm người hãy nên đắn đó suy nghĩ trước khi nói, trước khi hành động để thực hành hoặc phán đoán một sự kiện dầu tốt hay xấu để làm một mẫu mực tương đối trong cuộc sống thế trần này, vốn đã nhiều phong ba thì chúng ta nên cố làm sao sóng gió càng ít đi thì càng tốt; chứ không nên góp thêm gió vào để cuộc sống lại càng khó khăn hơn.

Kết Luận

Một tác phẩm như thế quý vị đã đọc hay đang cầm trên tay để đọc là do sự cố gắng liên tục trong 3 cái cuối tuần mà hình thành. Đây là một tác phẩm mang tính cách giáo dục và luân lý, đạo đức; không phải để khuyên đời, mà để nhắc nhở cho mình cũng như cho người. Nếu có cái gì đó có thể dùng được thì quý vị trích ra mà xử dụng cho chính mình. Đức Phật đã dạy trong Đại Trí Độ Luận rằng: "**Phàm người đi tìm học cũng giống như kẻ lột bẹ chuối. Đến khi nào hết bẹ rồi, tận lõi bên trong, tức đến lúc thành công". Vậy chúng ta hãy nên gia công đi tìm.** Vì mỗi tác phẩm như thế nó cũng chỉ là một phần của thân cây chuối mà thôi.

Tuy là một tác phẩm mang tính giáo dục; nhưng trong này đa phần là tư tưởng của kinh Kim Cang do Ngài Tu Bồ Đề tu theo phép giải không số một hồi Phật; nên tôi đã ảnh hưởng không ít. Vì lẽ trong thời gian nhập thất tại núi Đa Bảo này, mỗi đêm tôi đều trì kinh Kim Cang và niệm Phật. Tu Bồ Đề là vị Trưởng Giả thời Phật còn tại thế ở xứ Ma Kiệt Đà, đã thị hiện thành thân Cư sĩ, để biện luận về triết lý không, trong tinh thần kinh Kim Cang mà Ngài Huệ Năng ở thế kỷ thứ 7 chỉ nghe một câu: "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" mà ngộ đạo và được trao truyền ngôi vị Đệ Lục Tổ của Thiên Tông Trung Hoa. Còn ngày nay chúng ta nghe cả hàng ngàn hàng vạn lần nhưng chúng ta đã hiểu gì?

Trong phần cuối của kinh, Phật có dạy rằng: Dẫu có người giàu có đem của quý bằng 7 thứ báu như: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, xích châu, mã não, san hô v.v... đem bố thí khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới đi nữa cũng không bằng một người đem 4 câu kệ của kinh Kim Cang ra giảng giải cho người khác nghe thì lợi ích được nhiều hơn. Vậy xin đem 4 câu cuối trong kinh Kim Cang ra hầu quý vị vậy.

"Nhứt thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệt như điện
Ưng tác như thị quán"

Nghĩa là:
"Tất cả pháp hữu vi
Như mộng giả, ảo ảnh
Như sương lại như điện
Hãy quán sát như thế"

Rõ nghĩa như ban ngày. Có nghĩa là các pháp có hình tướng xưa nay, dầu là gì gì đi chăng nữa thì nó không có thật, mà tất cả đều giả tạo thành. Nó giống như ảo ảnh trong cuộc đời. Nó lại giống như sương mai, như điện chớp. Giọt sương mai trông long lanh sáng chói rất đẹp; nhưng khi ánh thái dương lên cao chiếu sang thì sương kia không còn nữa. Dòng điện trong thiên nhiên ta thấy nó chớp lòe lên đó; nhưng cũng thuộc về không thật tướng. Nếu người nào hiểu rõ và quan trọng là thực hành quán sát và liễu ngộ được những cái không to tướng này; kẻ ấy là người hiểu được giáo lý của Đức Phật.

Vậy thì những cái gì thuộc về đối đãi trong quyển sách này đã nêu ra nó cũng chỉ có tính cách ước lệ, chứ nó không là chân lý. Vì chân lý thì không cần lời nói, mà đã dùng đến lời nói hay văn tự để viết thành câu, hẳn đã là điều vẫn còn nằm nơi phương tiện chứ chưa phải là cứu cánh tuyệt đối.

Cũng như thế ấy, em bé mới đi học Tiểu Học thì lo học cộng, trừ, nhân, chia. Dĩ nhiên chưa biết phân số và rút-căn. Lúc nhỏ em bé muốn có con số 1, em phải cộng, hoặc, trừ, hoặc chia, hoặc nhân để em có con số ấy. Lớn hơn một chút, khi vào bậc Trung Học em học thêm phân số và rút căn. Lúc ấy em không cần làm 4 loại toán trên nữa mà em chỉ cần rút $\sqrt{1}$ tức sẽ bằng 1. Bây giờ số thành nó không là 1 nữa, mà là +1 và -1. Đó là kết quả của một bài toán ở bậc trung. Rồi em lên Đại Học, em có nhiều bài toán phức tạp hơn để giải đạo hàm X hoặc Y để tìm ra con số thích hợp, chứ không nhất thiết rút căn số ? nữa. Nếu tìm hiểu về toán học của Phật học thì con số tính của Ấn Độ còn xa thăm thẳm nữa. Nghĩa là dưới con số không (0) người ta còn tìm đến con số cực nhỏ gọi là: cực vi trần và con số lớn nhất gọi là Cu Tri hay Cu Ti. Một Cu Ti là một ức và hằng hà sa số Cu Ti như thế, quả là con số vô cực. Ngày ấy cách đây hơn 2.500 năm về trước, Ấn Độ và nhất là Phật Giáo đã tìm đến con số cực đại và cực tiểu như thế rồi và dĩ nhiên là không có cái cuối cùng và ngày nay khoa học dùng đến biết bao nhiêu phương tiện nhạy bén hơn, chi li tỉ mỉ hơn; nhưng cũng chẳng thấy được cái cuối cùng của vũ trụ vạn hữu này.

Ngày xưa cách đây hơn 200 năm về trước Cụ Nguyễn Du là một bậc quan lại của triều đình nhà Hậu

Lê, một nhà nho lỗi lạc của triều Nguyễn; một nhà thơ, một nhà văn độc nhất vô nhị của Việt Nam qua tác phẩm nổi tiếng Kim Vân Kiều mà ông cũng đã phải đọc kinh Kim Cang 3.000 lần, vẫn chưa hiểu hết ý của Phật và từ đó lấy một số ý chính đem vào nội dung tác phẩm của mình.

Ngày hôm nay dưới thế kỷ thứ 20, đầu thế kỷ thứ 21 này, chẳng người Việt Nam nào là không nghe tên của Kim Dung, ông cha đẻ của những bộ sách kiếm hiệp Trung Hoa. Có người nghe tên, có người biết mặt và đồng thời cũng có người đã đọc sách của ông. Theo báo chí Hồng Kông cho biết, ông hiện có 300.000.000 (ba trăm triệu) độc giả khắp nơi trên thế giới. Hiện tại ông là Giáo Sư về Văn Chương tại một số Đại Học ở Trung Quốc và Hồng Kông. Tất cả những tác phẩm của ông đều hàm chứa tư tưởng Phật học. Một người tinh thông lão luyện như thế, công đã thành danh đã toại, mà bây giờ sắp tuổi về hưu, ông ta cũng chỉ để thời gian đọc kinh Phật mà thôi.

Như vậy kinh Phật quả là một điều tối thượng, đã làm cho tài tử điện ảnh nổi tiếng của Hollywood là Richard Geere phải nghiền ngẫm thực hành và anh ta đã trở thành đệ tử thân tín của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Giáo lý ấy cũng đã ảnh hưởng một nhà Bác học vốn lừng danh trên thế giới là ông Albert Einstein, người Đức gốc Do Thái, là cha đẻ của thuyết tương đối. Người đã được bình chọn là người của thế kỷ thứ 20. Trong thế kỷ thứ 20 có đến 6 tỷ người. Trong 6 tỷ người ấy chỉ bình chọn được một người và người ấy đã nói rằng:

"Phật Giáo không cần tìm kiếm nơi khoa học. Vì trong *giáo lý của Đạo Phật đã đầy đủ tính cách khoa học rồi*".

Ông ta tiếp:

"Trong những thế kỷ tiếp theo, một Tôn Giáo phát triển hợp với khoa học, thì đó là Phật Giáo".

Và ông cũng bảo rằng:

"Tôi là một người không tin theo một tôn giáo nào; nhưng nếu tôi chấp nhận một tôn giáo thì đó là Phật Giáo".

Đây là những lời xác minh quan trọng nhất để biết rằng giáo lý Đạo Phật là giáo lý vi diệu nhất, khiến cho bao nhiêu nhà Bác học, Sử học, Thần học, Kinh tế học phải ngả mũ chào và còn diễn dịch khuếch trương thêm để trong tương lai Tôn Giáo này xứng đáng là Tôn Giáo của nhân loại.

Giáo lý ấy nó giống như ông giáo già của một trường Tiểu Học; ông vốn là người cần cù như kẻ chèo đò, đưa khách sang sông, khen chê, nhớ quên mặc kệ. Có người qua bên kia sông rồi trở lại nhớ ơn ông làm thơ khen ngợi, hay có kẻ chằng lên thuyền được vì lý do này, lý do nọ; nên có ý trách phiền ông; rồi chê bai ông; nhưng cuối cùng ông cũng vẫn là:

"Đón đưa bao kẻ qua sông

Nhớ quên mặc kệ vẫn ông chèo đò"

Giáo lý của Đức Phật cũng chỉ thế thôi! Có nhiệm vụ hướng dẫn con người trở về nẻo thiện. Còn hư nên do con người tự quyết định; chứ không do bản chất hoặc uy quyền của giáo lý ấy. Bằng chứng tiêu biểu là một ông quan của triều đình Việt Nam là Cụ Nguyễn Du, một nhà giáo dục, một tiểu thuyết gia của Hồng

Kông là ông Kim Dung; một nhà Bác học người Đức gốc Do Thái Albert Einstein và một nhà đạo diễn thượng thặng của thế giới ở Mỹ, đó là Richard Geere đã minh chứng được điều đó. Thiết tưởng không cần phải vinh danh thêm ý nghĩa của giáo lý này nữa cũng đủ cho chúng ta tin theo và từ đó thực hành một cách miên mật thì chắc chắn chúng ta sẽ đạt đến mục đích và không có gì để có thể nghi ngờ cả.

Tôi bắt đầu viết tác phẩm này vào ngày 16 tháng 11 năm 2003 và đến nay là ngày 1 tháng 12 năm 2003 thì đã hoàn thành. Đúng ra chỉ 3 cái cuối tuần. Mỗi cuối tuần 2 ngày và mỗi ngày viết 8 tiếng. Tất cả đều viết tay và tổng cộng là 158 trang viết tay giấy khổ lớn. Sau khi đánh máy và trình bày thành sách, số trang có thể tương đương như vậy hoặc hơn. Cuối cùng thì tác phẩm này chỉ có 6 ngày mà thôi. Khoảng giữa đó của 2 tuần này, mỗi ngày tôi cùng Thầy Đồng Văn và Hạnh Giới dịch Đại Tạng Kinh quyển thứ 51 về Đại Đường Tây **Vức Ký, nói về sự chiêm bái của Ngài Huyền Trang** đời nhà Đường nơi đất Phật. Một hành trình gian khổ cách đây 1.300 năm về trước, không có một phương tiện tối thiểu nào, thế mà Ngài đã thành công và ngày nay chúng ta cũng như những nhà Khảo cổ học Tây phương theo đó mà tìm tòi và những Thánh tích Phật Giáo ngày nay được tìm lại được cũng nhờ truyện Tây Vức Ký này.

Ngô Thừa Ân đời nhà Minh ở thế kỷ thứ 16 (1500-1583) cũng dựa theo đây mà tạo thành truyện Tây Du **Ký có đầy đủ những nhân vật biểu hiện cho các thức** của con người. Ngô Thừa Ân đã dùng tinh thần Duy Thức Học mà biến các nhân vật:

- Trư Bát Giới đại diện cho nhĩ, nhĩ, tỳ, thiệt, thân và nếu tu sẽ trở thành "Thành Sở Tác Trí".

- Tề Thiên đại diện cho thức thứ 6 là ý thức. Nếu hàng phục được sẽ trở thành "Diệu Quan Sát Trí".

- Sa Tăng tượng trưng cho Mặt Na Thức, Thức Thứ 7 hay thức chấp ngã và nếu có tu học, thức này sẽ chuyển thành "Bình Đẳng Tánh Trí", và cuối cùng

- Đường Tam Tạng tức Thức Thứ 8 - A Lợi Da Thức sẽ biến thành "Đại Viên Cảnh Trí".

Đó là cái giỏi giang của người sắp đặt câu chuyện và cuối cùng ta thấy câu chuyện ấy có cả một triều đình gồm vua là Tâm Vương, Hoàng Hậu là Thức Chấp Ngã thứ bảy; trung thần lẫn nịnh thần là Thức Thứ 6 và nhân dân trăm họ tức là 5 thức còn lại. Đây là một tuyệt tác phẩm của Ngô Thừa Ân đã làm say mê cả hàng triệu triệu khán giả đông tây. Còn nguyên tác của nó lại là: "Đại Đường Tây Vực Ký" đã được biên bởi Ngài Huyền Trang cách đây hơn 1.300 năm về trước và đã được Đại Học Kyoto thời vua Đại Chánh (Taisho) bên Nhật cho biên tập lại mà thành 100 quyển, mỗi quyển của Đại Tạng Kinh độ 1.000 đến 1.500 trang.

Truyện này chỉ gần 100 trang mà chúng tôi đã dịch ra 180 trang đánh máy khổ A4. Nếu in thành sách độ 400 trang khổ A5. Cứ mỗi ngày tôi và Thầy Đồng Văn dịch từ 9 giờ sáng đến 11 hay gần 12 giờ trưa. Buổi chiều từ 14 giờ 30 đến 17 giờ 30 hoặc 18 giờ 30 tối. Như thế số giờ rất nhiều và số ngày tổng cộng gần 2 tháng dịch miệt mài như thế, ngoại trừ 3 cái cuối tuần để viết quyển sách này.

Trong mùa nhập thất năm nay tôi đã hoàn thành được 2 tác phẩm như thế. Một dịch phẩm và một tác

phẩm viết tay này và cả hai tác phẩm này sang năm mới xuất bản. Đây là tác phẩm thứ 39 và 40 của tôi. Trước đó tôi và Thầy Đồng Văn cùng Hạnh Giới đã dịch một đoạn văn ngắn tên là: "Đường Đợi Đông Chinh **Đại Hòa Thượng**". **Tác phẩm này chừng 30 trang** đánh máy khổ A5, tôi đã trao qua Hòa Thượng Bảo Lạc để từ từ đăng lên Pháp Bảo cho mọi người cùng thường lãm nay mai. Nội dung của truyện nói về việc Ngài Giám Chân Hòa Thượng ở vào đời nhà Đường của Trung Quốc đã đi 5 lần qua biển và mong đến Nhật để truyền đạo; nhưng lần nào cũng chìm thuyền hoặc gặp không biết bao nhiêu ngăn cản và lần thứ 6 Ngài mới đến được kinh đô Nara, nơi chùa Đông Đại Tự (Todaiji). Đó là một kết quả đã được dựng thành phim và được nhiều giải Oscar vào năm 1973 tại Nhật. Tôi dịch phần này cũng để báo ơn Nhật Bản một phần. Vì nơi đó đã dạy và nuôi cho tôi nên người, cũng như nhớ ơn Thầy Bảo Lạc, Người cũng đã du học tại Nhật Bản và đã lo cho 5 Thầy trò chúng tôi có đầy đủ phương tiện để ở lại lo tu học, dịch kinh, viết sách trong suốt gần 3 tháng trường tại Tu Viện Đa Bảo, nơi núi đồi của xứ Úc này.

Nếu sau ngày 15 tháng 12 năm 2003 này thời gian còn cho phép, chúng tôi sẽ dịch một số luận ngắn trong quyển Đại Tạng thứ 32 để gửi đến quý độc giả của báo Viên Giác cũng như báo Tâm Giác tại Đức.

Những con ve sấu mùa hạ vẫn rên rĩ đó đây; những con thỏ vẫn còn giỡn trăng; những con kỳ đà lớn như con cá sấu vẫn còn chờ thức ăn thừa mà mỗi chiều sau 6 giờ rưỡi tối tôi vẫn mang cho chúng. Có lẽ chúng sẽ mừng rỡ lắm; nhưng sau 3 tháng ở lại đây chúng tôi sẽ về lại Đức, sẽ không có người cho chúng

ăn như thế nữa, có lẽ chúng cũng chả biết tại sao con người lại bỏ chúng đói như thế. Hẹn chúng lại năm sau cũng vào những ngày cuối năm của 2004 chúng sẽ được toại nguyện. Nếu chúng biết được rằng chúng phải chờ đợi lâu như thế, chúng sẽ bảo rằng: "Sao mà con người không tốt với nó vậy". Mong vào năm tới sẽ gặp tất cả những chúng sanh ấy tại nơi này.

*Viết xong vào lúc 12 giờ trưa ngày 1 tháng 12
năm 2003 tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi*